



MUỐN BỒI BỔ ÓC...

**TĂNG CƯỜNG
TRÍ NHỚ...**



NÊN DỪNG THUỐC...



NEUROTONIC

CÔNG HIỆU NHƯ THẦN

PHỔ THÔNG

Giám-đọc: NGUYỄN - VỸ
Tập-chí Văn-Hóa ra ngày 1 và 15



7
4
68

Bìa số đặc biệt năm thứ 11:
Ảnh sáng trong đêm tối

PHỔ THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHAN QUÝ DUNG VĂN HOÀ VIỆT NAM
PHÓ BIÊN VĂN HOÀ ĐÔNG TRỖY KIM CỎ

Giám-đốc, Chủ-bút : Nguyễn-Vũ

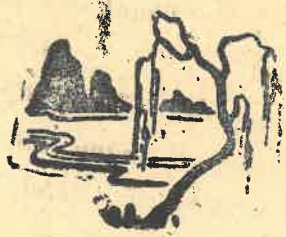
Tòa-soạn : 231, đường Phạm-Ngũ-Lão, Saigon — Đ.T 25861



NĂM THỨ XI * SỐ 214 * 1 - 11 - 1968

- | | | |
|-------------------------------------|------------------|-------|
| 1) Phổ-thông năm thứ 11 | N.V | 5-7 |
| 2) Một tài liệu lịch sử | Choe Sang Su | 8-10 |
| 3) Phan huy Thục | Thiện Sinh | 11-14 |
| 4) Bức thư Paris | Ng-v-Cồn | 15-18 |
| 5) Văn học quốc tế | Thanh Việt Thanh | 19-23 |
| 6) Nhớ nhung (thơ) | Dân Hà | 24 |
| 7) Những lòng tay khô (truyện ngắn) | Trần nguyên Lạc | 25-31 |
| 8) Khoa học huyền bí | Hoàng đình Trử | 32-35 |
| 9) Có những người đi (thơ) | Thùy Linh | 36 |

10) Con ong	Tân Khanh	37—42
11) Võ thuật tự vệ hữu hiệu	Từ Châu	43—47
12) Hoa trình tiên lâm khúc	Ái Lan	48—53
13) Nỗi buồn trên cao (thơ)	Nhật huyền Thanh	54
14) Tú quỳ	Giang Trang	55—60
15) Đắng cay	Lan	61—71
16) Mệnh thu (thơ)	Huyền Lan	72
17) Người khách đến chia buồn	Ngọc Tấn	73—75
18) Hôn nhân	Nguyễn đôn Mẫn	76—82
19) Thư cho người đã mất	Đào Nguyên	83—87
20) Tiếng nói thế hệ	Phương Chi	88—93
21) Hồ Xuân Hương	Nguyễn Vỹ	94—97
22) Saigon lại rai	Hoàng Thắng	98—100
23) Bài thơ cuối cùng	Lệ Liễu	101—102
24) Một tài liệu lịch sử (tiếp theo)	Choe Sang Su	103—105
25) Dậy thì	Phương Lan	106—109
26) Con đường mẫu hệ	Parichan	110—117
27) 24 giờ	Đặng Doanh	118—123
28) Mexico	Võ quang Yến	124—128



PHỒ - THÔNG

NĂM THỨ 11



I-II 1968,

PHỒ-THÔNG tạp chí vừa sống trọn 10 năm, trải qua 10 năm hy sinh cam khổ, và hằng say tiếp tục hành-trình năm thứ 11, trung thành với chí hướng.

Sau bao nhiêu biến cố làm xáo trộn phần nào đời sống hằng ngày của Thủ-đô, tạp chí PHỒ-THÔNG bị ảnh hưởng nặng-nề về những phương diện ấn loát và phát hành, cả về nhân-sự, kỹ-thuật và kinh-tế. Đôi khi chúng tôi đã gần như thất vọng trước những yếu tố tâm lý của nhân tình thế sự, do hoàn cảnh gây ra, đặt cho chúng tôi một số vấn-đề cần phải giải quyết để tránh các trở lực bất ngờ. Chúng tôi đã âm thầm nhận nại đề cố gắng cho PHỒ THÔNG vượt qua một giai đoạn

khủng-hoảng, chờ những ngày tốt đẹp hơn. **PHỒ-THÔNG** đã sống trong tình trạng bị cực đó suốt trong thời vận-hạn, cho nên từ tháng giêng đến nay **PHỒ-THÔNG** đáng lẽ phải ra 18 số, mà chỉ ấn hành được 6 số. Công việc của **PHỒ-THÔNG** phải bị hạn-chế mất 2 phần 3, hoàn toàn trái với những dự định của chúng tôi.

NẾU chúng tôi không có ý thức rằng nhiệm vụ của tạp-chí **PHỒ-THÔNG** hãy còn dang dở trong một chút công-lao góp phần xây-dựng văn-hóa nhân dân, và phổ-biến văn học Đông Tây Kim-Cổ trong quảng đại đồng bào, nếu chúng tôi không tri-chí kiên tâm đeo đuổi theo lý tưởng tuyệt đẹp ấy, và nếu rất đông đảo bạn đọc thân yêu của **PHỒ-THÔNG** không trung kiên tin tưởng nơi **PHỒ-THÔNG** không tiếp tục ủng hộ những nỗ lực thường xuyên của **PHỒ-THÔNG**, không thông cảm với những khó nhọc của **PHỒ-THÔNG**, thì... chắc hẳn **PHỒ-THÔNG** đã chết trong năm thứ mười của nó...!

Nó vẫn sống. Dù trong hoàn cảnh bị đất như thể nào **PHỒ-THÔNG** cũng cứ sống. Nó đã sống qua năm thứ 11, đề còn tiếp tục mãi mãi nhiệm vụ thiêng liêng của nó đối với thế hệ hôm nay và các thế hệ mai sau. Nhiệm vụ sáng tác không ngừng và

nghiên-cứu, dịch thuật, phổ biến sâu rộng trí thức trong quảng đại nhân-dân văn-hóa dân-tộc, bồi-bổ thêm vào với văn-hóa quốc-tế, kiến-tạo văn-hóa tiến bộ cho một Việt Nam hiện-tại và tương-lai đang vươn lên theo trào lưu Thế-giới.

KỖ Ý niệm hôm nay, **PHỒ-THÔNG** cảm động vui mừng và có đôi chút hạnh-diện được hãy ngàn vạn bạn

đọc thân yêu của nó vẫn trung niên với nó. Mặc dầu trong những tháng vừa rồi thường phát hành chậm trễ, bạn đọc vẫn không quên nó. Bạn đọc ở quốc-ngoại cũng như quốc-nội không bỏ rơi nó, và lòng ưu-ái trong thư từ liên lạc được các bạn dành cho **PHỒ-THÔNG**, vẫn nồng nàn quyến luyến như xưa.

Chúng tôi chân thành cảm ơn các bạn.



Một tài liệu lịch sử được ít người biết đến

Nhà Anh-hùng YI WHASAN của Đại-Hàn đã đánh đuổi quân Mông-Cổ xâm-chiếm nước Triều-Tiên hồi thế kỷ XIII, chính là Hoàng-Thân An-Nam.

LÝ-LONG-XUÔNG,
Con Vua Lý-Anh-Tôn

Tác giả bài này, Giáo sư Choe, Sang-su, xuất bản cuốn sách nhan đề «Bang giao Hàn Việt» năm 1966 tại Hán thành, trong đó giáo sư đã đề cập đến nhiều sự kiện lịch sử liên quan đến Đại Hàn và Việt Nam. Trong số những sự kiện lịch sử này, giáo sư nói đến việc Hoàng thân Việt nam Lý Long Tường (1) đã trốn sang Đại Hàn và nhập tịch Hàn quốc, 741 năm trước đây, cùng là cuộc chiến đấu anh dũng của Hoàng thân trong việc chống quân Mông Cổ xâm lăng mà vết tích đã được ghi lại trên mặt bản kỷ niệm đánh dấu sự đầu hàng của quân Mông Cổ. Đây là một sự kiện mà sử gia của hai nước Hàn, Việt chưa

(1) Trong sử Việt Nam, chép là Lý Long Xương.



MỘT TÀI LIỆU LỊCH SỬ

hề được biết đến.

Giáo sư Choe, Sang Su hiện đang dạy môn Cổ học quốc gia tại hai Đại học đường Kyeong-hi và Kuk-min. Ông là một nhân vật có thẩm quyền về vấn đề cổ học Đại Hàn và là Chủ tịch Hội Cổ Học Đại Hàn cùng Giám Đốc Trung tâm Nghiên cứu Cổ học Đại Hàn. Sự lo lắng của ông đối với vấn đề Việt Nam đã thúc đẩy ông lập Hội thân hữu Hàn Việt mà ông giữ Phó Chủ tịch trong 10 năm nay.

Giáo sư Choe, Sang-Su đã xuất bản 20 cuốn sách về Cổ học Đại Hàn bằng Hàn ngữ và Anh ngữ. Ông vừa soạn xong cuốn lịch sử về Việt Nam.

Bang giao Hàn — Việt
của Giáo-Sư
CHOE, SANG-SU

407—1 Sindang-dong,
Seongdong-gu, Seoul, Korea.

★

Không có gì là lạ khi người ta cho rằng các mối bang giao chính thức giữa Việt Nam và Đại Hàn

chỉ có mấy năm gần đây, vì lẽ đến năm 1956 bang giao mới được thiết lập giữa hai nước. Từ ngày ấy đến nay, mối giao hảo giữa Việt Nam và Đại Hàn càng trở nên thắm thiết trong khi các thỏa ước về Thương mại, Quan Thuế, viện trợ kỹ thuật và kinh tế được ký kết, và quân đội chiến đấu Đại Hàn được gửi sang Việt Nam.

Theo công cuộc khảo cứu và sưu tầm cổ học của tôi 30 năm trước đây thi bang giao Hàn Việt đã được bắt đầu từ năm 1226 tức 741 năm trước đây, khi vào thứ 13 của vua Gojong, Hoàng thân An Nam Lý Long Tường và người bà con của ông là Hoàng thân Quan Tát (tên Đại Hàn là Peong-hea) đã trốn sang Đại Hàn và đã trở thành công dân Đại Hàn. Hai vị này hiện là tổ tiên của hai họ lớn trong triều Yi, họ Whasan. Hoàng thân Lý Long Tường đã tỏ ra xuất sắc trong việc điều binh khiển tướng chống lại quân Mông Cổ xâm lăng. Chính ông đã đánh bại bọn này và nhận sự đầu hàng của chúng. Đề tướng thưởng

MỘT TÀI LIỆU LỊCH SỬ

vua Gojong đã phong cho ông chức Hoàng thân Whasan. Trong số con cháu của ông đã có những người nổi tiếng, phục vụ cho hai triều Koryo và Yi. Tuy nhiên điều này không được ghi chính thức trong lịch sử triều Koryo, và triều Yi, và sử gia vì vậy không được rõ về chuyện này.

30 năm trước đây, khi tôi đang mở cuộc sưu tầm cổ học tại vùng Ongjin, tỉnh Whang-hae, tôi đã tìm thấy nhiều vết tích lịch sử chứng tỏ sự hiện diện của Ông Hoàng Việt Nam tại Đại Hàn trước đây.

Vào năm thứ 13 của Gojong triều Koryo, tại Việt-Nam nhà Trần thay nhà Lý và Lý Long Tường gọi là Hoàng thân Huệ Tôn, chú của Vua Lý Sâm, (2) muốn trốn thoát sang Trung-Hoa. Ông bèn dùng một chiếc thuyền vượt trùng dương, nhưng chẳng may gặp bão, thuyền thay vì sang Trung-Hoa đã trôi dạt vào một hòn đảo thuộc Hàn-quốc, gọi là đảo Changrin-do. Ven bờ đưa đến đảo này hiện nay được gọi là Nag-rac-wae, có nghĩa là người đến với lễ cúng và đã

dùng chân tại đây. Sau đó Hoàng thân Lý Long Tường đến trú ngụ tại một vùng nay gọi là

(2) Sử Việt Nam chép :

Lý Long Xưởng là con trưởng của vua Lý anh Tôn (1138-1175), và là bác ruột của vua Lý Huệ Tôn, tức là Lý Xâm (1211-1225. Long Xưởng trước đã được lập làm Thái tử, sau vì có tội nên bị giáng xuống làm thứ dân. Vua Lý anh Tôn chết năm 40 tuổi (1175) truyền ngôi cho người con thứ là Long Cán, chưa đầy 3 tuổi. Theo Việt Nam sử lược của Trần Trọng Kim thì bà Chiêu Linh thái hậu muốn lập con trưởng là con của mình tức là Lý Long Xưởng lên làm vua, đem vàng bạc dát lót cho vợ Tô hiến Thành, nhưng ông nhất thiết không chịu, xin cứ theo di chiếu mà lập như nam là Hoàng tử Long Cán, con của bà Đỗ thái hậu Long Cán lên ngôi lấy hiệu là Lý Cao Tôn (1176-1210). Từ đó trong sử Việt Nam không nhắc đến Thái tử Lý Long Xưởng nữa. Nay theo sử Đại Hàn, thì Long Xưởng bỏ trốn qua Triều Tiên. (Tài liệu của giáo sư Choe Sang Su như trên đây)

(Xem tiếp trang 103)

PHAN-HUY-THỰC

dịch giả TỶ-BÀ-HÀNH

● THIỆN-SINH

Tỳ Bà Hành là một trong số những danh tác của vườn hoa văn-học Trung-quốc. Với áng thơ này, văn-nhân thi-sĩ nước nhà xưa nay từng có nhiều người đem điễn dịch bằng đủ các lối văn. Xuất sắc hơn cả duy chỉ có bản dịch theo thể song thất lục bát là còn được truyền tụng trong văn-học-giới, nhất là trong xóm ã Đào.

Nhưng cái công phu của người đã thôi xao, gọt đẽo để cho nó trở nên một đóa danh hoa trên thi đàn Việt-Nam, thì thật là mối nghi ngờ cho người tra cứu văn-học-sử.

Ông Hoàng-Thúc-Trâm cho rằng dịch giả Tỳ-Bà-Hành là Nguyễn-văn-Siêu, giáo sư Lê-Thước bảo là Nguyễn-công-Trứ; các ông Dương-quảng-Hàm, Nguyễn-quang-Oánh, Nghiêm-Toản, Nguyễn-tường-Phượng... đều chép là Phan-huy-Vịnh. Để đặt hơn, ông Nguyễn-hữu-Ái, trong thiên chú giải Tỳ-Bà-Hành

do Hồ-đất-Nghi xuất bản, cho là khuyết danh.

Luận cứ cho của Nguyễn-văn-Siêu không bằng vào đâu được; lý bảo của Nguyễn-công-Trứ cũng khó đứng vững vì còn ai xa lạ gì cái văn-khi rần rỏi, hùng hồn của tướng công Uy-Viễn, điều không thể được trong một khúc ngâm đầy giọng áo-nào, chứa chan như Tỳ-Bà-Hành.

Vậy chỉ còn thuyết cuối cùng đồng - thanh gán cho Phan-huy-Vịnh.

Thế rồi bằng vào đấy, các nhà viết sách giáo-khoa sau này đều cho dịch giả Tỳ-Bà-Hành chính là Phan-huy-Vịnh (1) nhưng xét ra không có tài-liệu gì chứng minh xác đáng.

Chẳng những thế, năm 1926.

(1) Quyền V.N.V.H.G.B. Phạm Văn-Điêu lần tái bản mới đây đã có sửa đổi dịch giả Phan-huy-Thực.

PHAN HUY THỰC

trên tạp chí Nam-Phong (số 106), cụ Đông-Châu Nguyễn-hữu-Tiến, nhân có nhận được bức thư của một người con cháu họ Phan ở Thụy-Khê, có trưng ra một tài-liệu trái ngược hẳn với các thuyết dẫn trước và quả quyết rằng: *Tỳ-Bà-Hành* diễn nôm mà ở Đào vẫn hát, ta vẫn truyền của ông Nguyễn-Công-Trứ thì cũng là của ông Huy-Thực đến ra.

Với tài liệu của cụ Đông-Châu, các nhà làm sách có lẽ chưa được thỏa mãn (?) nên trong những lần tái bản các nhà đó vẫn giữ nguyên lập luận cũ.

Cho tới nay, các sách chú giải về Tỳ-Bà-Hành vẫn ghi là của Phan-huy-Vịnh.

Gần đây, năm 1953, hai ông Hoàng-Ly và Trương-Linh-Tử, trong công trình "nghiên-cứu và phê bình Tỳ-Bà-Hành (1) đã lại xác định như sau: « Chúng tôi đã được xem trong tận cuốn gia phả của họ Phan. Ở trong đó họ ghi rõ ràng là Phan-huy-Thực dịch Tỳ-Bà-Hành... ». Muốn cho việc nghiên cứu thêm phần chu đáo, xác thực, hai ông còn gia công sưu tầm được một bức

ảnh của Phan-huy-Thực do một họa-sĩ Trung-hoa vẽ tặng khi họ Phan đi sứ sang đó, đồng thời chụp lại trang gia-phả có ghi rõ đoạn đời cùng các sáng tác của ông Huy-Thực, đăng ở trang đầu quyển sách.

Qua những tài-liệu đích xác trên, nay chúng ta không thể có thái-độ hồ nghi nữa; các nhà soạn sách giáo-khoa cũng nên ghi nhận mà sửa đổi trong kỳ tái bản sau, hầu tránh cho học sinh khỏi phải phân-vấn khi đi đến các tài liệu viết về cùng một sự việc mà không sách nào giống nhau.

Giữa lúc các ngành khoa học giúp cơ thuận tiện này, tưởng cần nên mau vén các chỗ tồn nghi trong kho văn-học để có thể đi đến thực hiện một bộ Việt-Nam văn-học-sử thật hoàn toàn, xứng đáng.

Tiểu sử dịch giả

Phan-huy-Thực người xã Thụy-khê, huyện Yên-sơn, tổng Lật-sài, tỉnh Sơn-tây. Họ Phan là một danh gia khoa học, từ đời Lê-cảnh-Trị (1754) đã có

(1) *Thế-Giới* xuất bản.

PHAN HUY THỰC

Phan-huy-Cần đỗ tiến sĩ, làm quan đến chức Tham-tụng đồng-binh-chương quân quốc trọng sự và Phan-huy-Ôn làm Đốc đồng Sơn-tây và Thái nguyên đời Lê - Cảnh - Hưng, tước Mỹ-xuyên bá.

Thân phụ ông là Phan-huy-Ích, một nhà văn học nổi tiếng dưới đời Tây-sơn qua các bài văn tế bằng quốc âm chép trong *Dạ-am ngâm lục* và bản dịch *Chinh-phụ ngâm-khúc* (1)

Ông cũng là anh em ruột với Phan-huy-Chú, nhà bác học của nước Việt với công trình vĩ đại: bộ *Bách-khoa toàn thư*.

Ông lớn lên và hấp thụ tài văn chương của thân-phụ trong những ngày ông này lui về ẩn dật tại quê nhà sau khi triều Tây-sơn sụp đổ.

Đến đời vua Gia-Long nghe tiếng với ông ra trọng dụng. Năm 1818, Phan-huy-Thực được vua cử đi sứ sang Tàu.

Qua triều Minh-mệnh, khi nhà vua bắt đầu ban vụ bài đạo cùng thi hành chính sách bế môn tỏa cảng không tiếp xúc với người Tây-phương,

Phan-huy-Thực đứng vào phe Duy-Tân nên bị vua và đình thần không ưa. Năm Thiệu-tự nguyên niên thì ông xin về hưu trí. Nhân cuộc thành giá ra Bắc năm thứ 2 (1842) cảm công lao của người hiền thần, vua Thiệu-trị có ban ông một bài ngự thi (2) và tiền thưởng.

Năm Tự-đức thứ 11 (1858), ông được thờ vào đền Hiền-lương. Con cháu được vua cho tập ấm. Làng Ninh-sơn xây am thờ ông làm Hậu-thần.

Trong đời làm quan, Phan-huy-Thực đã ba lần lên xuống ghế Lê-bộ thượng-thư.

Ông mất năm nào không rõ, chỉ thấy gia phả chép là hưởng thọ 67 tuổi, hàm chánh nhị phẩm.

Nguyên nhân phiên dịch

Trong bài tựa Tỳ-Bà-Hành, Bạch-cư-Dị có giải bày: « Ta ra ngoài làm quan đã được 2 năm,

(1) Theo *Chinh-phụ bị khảo* của Hoàng-xuân-Hãn.

(2) Bài thơ này có thấy chép trong gia phả và khắc trên vách đá Sài-sơn đề ngày 12 tháng 2 năm Giáp-thìn.

PHAN HUY THỰC

thường thân nhiên cho mình là yên, đêm nay xúc cảm nghe lời người ca nữ, mới để ý đến nỗi bị biếm trích. Vì thế, ta mới viết bài trường ca này...»

Có thể nói những lời đó là tất cả tâm sự của Phan-huy-Thực khi ông đặt bút, dụng ý chọn danh tác Tỳ-Bà-Hành để dịch. Đường hoạn lộ phú trâm theo thời cuộc của quan tư-mã Giang châu đời Đường với thượng thư Lê-bộ triều Nguyễn có khác chi đâu.

« Cùng một lửa bên trời lặn đạn », Phan-huy-Thực đã cảm thông nỗi uân khúc của Bạch-cư-Dị cũng như Bạch đã thấu hiểu tâm-trạng xót xa, đau đớn của nàng ca kỹ bến Tầm-Dương. Nói cách khác, nàng ca kỹ chính là tấm gương soi của đời Bạch-

cư-Dị và thân-thể thăng trầm của Bạch-Lạc-Thiên là thân thể Phan-huy-Thực vậy.

Danh sĩ với giai nhân từ bao đời vẫn còn nặng nợ.

Đứng về phương diện kỹ thuật, trước ca-trào phát triển của văn nôm, Phan-huy-Thực diễn dịch Tỳ-Bà-Hành là cốt đề « giải tỏa » cái năng lực sáng tạo đã hấp thụ được của thân phụ từ lâu. Ông cũng đã sáng suốt chọn thể song thất lục bát là thể thơ khả dĩ dung hoà được cả hai điệu thơ Tàu và Ta để giới thiệu với dân tộc Việt-Nam một đóa hoa thơm của ngoại quốc.

Đó là những nguyên nhân khiến Phan-Huy-Thực phiên dịch Tỳ-Bà-Hành.



Dùng

midol

1360/BYT/9PDC

Trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

Bức thư Paris

TRỞ LẠI BỜ BIỂN QUÊ

★ NGUYỄN-VĂN-CỒN
(Paris)

Hôm ấy, chuyển xe lửa 10 giờ sáng đưa tôi từ Paris đến miền biển Normaudie. Quận này là một vùng phong phú nhất của nước Pháp : những đồng ruộng xanh rờn liên tiếp nhau, những khóm vườn đầy cây đào, cây mận, cây táo, những khu đất nuôi bò, nuôi cừu, những trại ferme) rải-rác hai bên đường xe lửa, rộn rạng bầy gà, vịt, lợn... những ngọn đồi, không cao lắm, mang trên sườn những khóm rừng hiền lành, với những cây thông, cây hồng, rất lợi ích cho nghề làm gỗ.

Giòng sông Seine quanh theo đường xe lửa từ ngoại ô Paris cho đến thành phố Rouen (nơi mà Bà Thánh Jeanned' Are bị đốt cháy năm 1431). Với gió biển đem lại hơi ướt và nước sông Seine với những rạch nhỏ, đất Normandie luôn luôn như

được tưới, nên cây cỏ lúc nào cũng xanh tốt, và sự sản xuất canh nông rất là phong phú. Quận này là một quận giàu có nhất ở nước Pháp.

Từ Ronen, xe lửa chạy 40 phút thì đến bãi biển Dieppe. Đã lâu, tôi không trở lại Dieppe, một tỉnh nhỏ trên bờ biển Manche.

Trở lại Dieppe sau 10 năm, tôi đã ngạc nhiên trước sự đổi thay : nhà cửa xây nhiều, các biệt thự bên bờ biển đã choán các đám đất trống. Dọc theo bờ biển, có một con đường gạch đỏ chạy dài từ bến tàu cho đến chân ghềnh (Falaise), kẻ cũng ngót 3 cây số, để cho người ta dạo mát.

Ta có thể gọi được Dieppe là một hải cảng nhỏ, và là một bến đánh cá, vì tàu bè chạy từ

Dieppe qua bờ biển Anh quốc Newhaven, và các tàu đánh cá cũng thường ra thả lưới ở ngoài khơi, không xa bờ chi mấy, độ sớm tinh sương ra đi, thì chiều 3 giờ đã về bến. Vì cách Paris chỉ độ 150 cây số nên trong vụ hè, những dân cư ở kinh thành thường xuống đó nghỉ mát, nhưt là những người không muốn đi xa, như xuống Côte d'Azen ở miền nam nước Pháp chẳng hạn. Hơn nữa, nơi đây chỉ là nơi đi nghỉ «thật sự» chứ không phải nơi chơi bời, cờ bạc. Những người ngoại quốc ở miền Âu-Bắc, như người Anh, người Hòa-Lan, người Bỉ, cũng thường đến Dieppe. Vì thế, trong ba tháng hè, thành phố Dieppe cũng là nơi nghỉ mát của khách du-lich. Trong những ngày nắng ấm bờ biển cũng đầy người, kẻ tắm, kẻ bơi thuyền, kẻ nằm phơi nắng. Chỉ tiếc một việc, là bờ biển này không phải bờ cát trắng như ở xứ mình, như Đồ-Sơn, Sâm Sơn, Nha-Trang..., mà là bờ biển đầy đá sỏi lẫn thình. và tròn trịa sau mấy ngàn năm sóng vỗ, nước dôi, cát phủ. Vì thế, nằm trên bờ biển này đau lưng, và phải có tấm nệm bằng

mousse cho đỡ đau.

Ngồi bên bờ biển, đưa tầm xa xa ra khơi, dưới bầu trời xanh lơ, với mặt biển mênh mông nhớ lên những ngọn sóng bạc đầu, tôi sực nhớ đến thuở còn niên thiếu thường qua học Anh-văn tại Luân-Đôn. Thời ấy, mình tưởng chừng độ năm bảy năm thì sẽ trở về xứ sở... Có ngờ đâu bước chân du. lãng của mình quá kéo dài, tinh đốt ngón tay thì đã quá 20 năm trời.

Trong hơn 20 năm ấy, than ôi! nước Việt-Nam thân yêu của mình vẫn sống trong chiến tranh tàn bạo! Mình nhăm trong lòng, thì nhận thấy đã bao nhiêu tang thương biến đổi, bao nhiêu điêu tàn, sập đổ, bao nhiêu gia-đình ly tán, bao nhiêu máu, bao nhiêu nước mắt... Trời càng cao, biển càng rộng mình càng thấy tâm hồn của mình thu nặng trong lòng mình, và mình càng thấy tủi buồn, lo ngại.

Trước trời bẽ bao la, những con dả trắng đang viên những viên cát nhỏ; đó phải chăng là biểu-hiệu sự vô hiệu quả của sức con người trước vũ trụ... và

của bao cố gắng của những con người muốn sống yên lặng, hiền hòa trong một thế giới bạo ngược!

Ngày nào tôi cũng ra bờ biển và ngày nào tôi cũng nhìn mặt biển mênh mông và lòng tôi lại vẫn chưa sót với lòng.

Có nhiều hôm, tôi đi vào nơi đồng quê, cách đó chừng ba, bốn cây số.

Không những ở nơi đồng quê này, mình mua được những quả trứng, những trái đào, trái mận còn tươi mà mình còn cảm thấy lòng mình nhẹ nhàng hơn. Từ thuở thiếu thời, tôi cũng đã nghiệm thấy tôi rất thích đồng quê. Khi còn ở Thanh-Hóa, tôi hay về quê ngoại, và khi ở Saigon tôi thường lên miệt Gò-vấp, Thủ-dầu-Một. Lái-Thiên trong những ngày nghĩ.

Khi sống giữa đồng quê ở bên này, khi chuyện văn, mua lật vật với dân vùng quê, tôi lại nhớ đến dân quê ở xứ mình như dân quê tỉnh Long Xuyên, Châu-Độc, Thanh-Hóa v

Tuy là Tây-Phương và Đông-Phương, nhưng họ vẫn có một

chút gì giống nhau: tính mết hiền lành, thật thà, ăn nói, đi đứng, cử chỉ chậm chạp. Tôi còn nhớ những ngày sống giữa dân quê ở miệt Hậu-Giang, và tôi thấy lòng tôi lưu luyến họ rất nhiều...nào anh Ba Thới, thàng cu Thà, con nhỏ Liên, chị Bảy Lâm. Họ đều thật thà chất phác, và tôi tưởng chưa khi nào tôi thấy vui sướng bằng những khi ngồi ăn cơm ở sân gạch, anh Ba Thới mời tôi ăn những con cá lóc tươi vừa luộc xong, còn nóng hổi, thịt trắng nõn chầm nước mắm gừng.

Than ôi! ngày nay, mấy người đó có còn sống không nhỉ? hay đã bị miếng bom, đạn nặng vùi nơi đồng quê hiền hậu, và nhà cửa bị tan tành, cháy rụi?

Tôi là một kẻ tha-hương luôn luôn đem trong lòng lẫn thâm kịch của dân tộc. Tôi cố quên, cố bưng tai, nhắm mắt để quên những hình ảnh của dân mình vẫn theo dõi.

Xưa kia, tôi đã ao ước được sống ở nơi đồng quê, bên cạnh những người nông phu chất phác, nhưt ta sống ở vườn ruộng

bên cây ôi, cây xoài, cây chuối. sậy.

Tôi đã đi giữa, sống giữa thị thành ồn ào, náo nhiệt, nên tôi càng thấy sự khao khát nơi đồng quê của xứ mình.

Tôi sẽ dạy đọc, dạy viết cho những con-nít đồng quê của nước Việt, rồi những buổi chiều êm-ả, tôi sẽ bơi một chiếc sường nhỏ trên giong sông Cửu-Long. Tôi sẽ nhìn lại những cây bần nghiêng mình trên bờ sông những đám lộc-bình trôi lờ-lững trên giong nước, nghe tiếng con chim nước kêu trong bụi

« Những vườn ruộng phơi màu
xanh êm ái,
Bên bờ sông ai đừng gọi dò qua ?

Tôi thấy tôi ngày đó vẫn chưa xa.
Giữa đời sống hiền từ đầy thi tứ»

Nhưng tôi chợt tỉnh khi nghe bên cạnh tôi người ta gọi nhau bằng tiếng ngoại quốc, chứ không phải tiếng «nước tôi» tiếng mẹ «sinh từ lúc nằm nôi».

Thân mến
N.V.C



đã tranh đấu, đang tranh đấu, sẽ tranh đấu, nên đọc : QUÊ HƯƠNG ĐAU KHỔ NÀY, truyện của HỒ-PHONG, phát hành đầu tháng 11-1968.

QUÊ HƯƠNG ĐAU KHỔ NÀY, truyện của một đoạn đời khốn khó nhục nhằn, truyện một đoạn ngày tháng bị tráng điều linh, truyện của một xứ sở chiến đấu chống hôn mê cuồng loạn. Đọc để soi tỏ đời mình. Đọc để thấy rõ thân phận dân tộc mình. Đọc để đi sâu vào thăm thẳm một lịch sử.

Văn học Quốc-tế:

WILLIAM
SOMERSET MAUGHAM
(1874-1965)

★ THANH-VIỆT.THANH

WILLIAM SOMERSET MAUGHAM là một trong những nhà văn lỗi-lạc, danh tiếng lẫy lừng khắp năm châu, thế giới của Anh quốc, có số tác-phẩm bán ra kỷ-lục : gần bốn chục triệu cuốn trong một đời văn nghiệp. Riêng mỗi 1 quyển «The Razor S'edge» (Bản dịch Pháp, nhan đề «Le Fil du Rasoir») cũng đã tiêu thụ ngót năm triệu quyển !

Nhất là đa số truyện của ông đều được đổi ra nhiều thứ tiếng và được quay thành phim ảnh'

Ông có một giọng văn truyền cảm hết sức tế-nhị và vô cùng duyên-dáng. Cốt truyện ông bao giờ cũng giản-dị, trong sáng, dễ thu được cảm tình người đọc nhất là giới ghiền sách trung lưu. Người ta đã xem ông, ái

VĂN HỌC QUỐC TẾ

mộ ông như là một *Guy de Maupassant*.

Ông sinh năm 1874 tại Ba-Lê. Hồi đó, cha ông đang làm cố vấn luật cho Toà đại-sứ Anh ở Paris. Mẹ ông mất sớm khi ông vừa được 8 tuổi sau một cơn bệnh lao phổi kéo dài nhiều ngày tháng. Cái chết của mẹ ông làm cha ông buồn nản, thất vọng để rồi thời gian hai năm sau đó, cha ông lại mất theo. Maugham từ đấy trở thành côic, chỉ mới mười tuổi đầu non dại.

Tưởng là sẽ bơ vơ trên đất Pháp, không ngờ còn có được một ông chú đang làm Giáo-sĩ ở Kent, gần Londres, nghe tin gia đình anh như vậy, liền tìm đến nước châu về bản xứ cho ăn học.

Sống ở Ba-Lê mười năm, cậu bé Maugham đã nói khá rành rẽ tiếng Pháp, tiếng Anh thì chỉ bập bẹ thôi. Vì thế Maugham rất khổ sở khi vào trường học tiếp xúc hằng ngày với thầy, với cô và cả với bạn học nữa. Maugham có cảm tưởng như mình là kẻ xa lạ, khác giống với mọi người. Trường học này của Maugham cũng gần giống

như trường học của nữ văn sĩ Pearl Buck khi bà từ Trung Hoa trở về Anh quốc, thuở còn bé và cũng đi học như Maugham.

Sự cách biệt, khó thông cảm về tiếng nói đó đã khiến cho Maugham mang chứng nói lắp (cả lăm). Cậu bé thấy khổ sở, xem tất cả lăm của mình như là một đài ải, một trọng tội, gương mặt lúc nào cũng tỏ ra bi đát. Ông chú thấy thế, khuyên cháu nên thành tâm cầu Chúa chữa trị cho. Nghe lời dạy, Maugham thức trắng một đêm để cầu nguyện... Nhưng sáng ra, chứng nào vẫn tật ấy, Maugham mất hẳn lòng tin và càng tủi hổ, chua xót thêm.

Thời gian trôi qua, Maugham học hết chương trình Trung học ông chú liền cho cháu sang Đức, theo học trường đại học Heidelberg. Sau đó Maugham trở về Anh, chọn ngành y-khoa, tốt nghiệp bác-sĩ và ra đời làm việc tại bệnh-viện Saint Thomas ở Luân-đôn. Trong khoảng thời gian này, Maugham bắt đầu viết, viết rất say mê.

Sau chiến tranh 1914—1918, ông bỏ nghề bác sĩ y-khoa,

VĂN HỌC QUỐC TẾ

sang ở hẳn nước Pháp và sống chuyên về văn nghệ.

Ông viết nhiều loại: truyện ngắn, truyện dài và cả kịch bản nữa. Riêng về kịch, Maugham có nhiều vở rất ăn khách, diễn đi diễn lại nhiều lần vẫn được tận hưởng. Ở Luân-Đôn, có ngày người ta chọn đến ba, bốn vở kịch của ông đem trình diễn cùng lúc tại các rạp lớn. Đó là thời kỳ những năm 1910—1930. Nhưng sau 20 năm vàng son rực rỡ ấy, kịch ông không còn ưa chuộng nữa. Nó đã trở thành lỗi thời với nếp sống tiến bộ của người đời.

Quyền truyện đầu tay của Maugham, nhan đề: *Liza of Lambeth* (Nàng Liza miền Lambeth) là một quyền truyện gần như mô tả lại tất cả những sự kiện và những kinh nghiệm xót xa khi ông còn làm bác sĩ giải phẫu ở bệnh viện Saint Thomas. Những bí hiểm, những trắng trợn, những chua cay dòn ép trong truyện, trong tâm hồn nhân vật chánh, đáng thương hại, đã làm người đọc vô cùng cảm động. Sự thành công của ông thật đột ngột. Nhiều nhà phê

bình đã phải sửng sốt khi đọc qua tác phẩm ông. Điều đáng nói hơn cả là cho tới ngày nay, tác dụng quyền truyện vẫn còn lôi cuốn mạnh, trong lòng người ái mộ văn ông, đọc ông.

Người ta đã tìm thấy nơi tác phẩm ông những điều đáng mến phục này; Ông luôn luôn khai thác triệt để những cái hay, cái lạ, cái tốt tàng ẩn trong những sự vật nhỏ nhoi mà người đời thường chối bỏ, cho là xấu xa, tồi tệ và ngược lại, ông cũng làm vậy đối với những gì mà thiên hạ tôn sùng, ca tụng, cho là đẹp đẽ, quý báu được che dấu qua lớp vỏ hào nhoáng bên ngoài, kỹ thật bên trong chứa đựng nhiều vết như bản, xấu xa, đáng phỉ nhổ...

Điều nhận xét thứ nữa, là ở ông, ông không tự đặt mình vào địa vị một nhà đạo đức để khuyên lơn, dạy đời ai. Ông không thích phê bình, ông chỉ nhận xét và diễn tả trung thực tâm trạng nhân vật trong tác phẩm ông mà thôi.

Có lẽ vì vậy mà nhiều nhà phê bình đã khe khắc, không coi ông

như là một tiểu thuyết gia mà chỉ cho ông là một nhà kể chuyện, có biệt tài. Trước nhận xét ấy, Maugham chỉ mỉm cười. Và một đôi khi, ông cũng tự nhận là mình chưa khai thác được hết nội tâm, chưa đào sâu trọn vẹn những điều bí ẩn của từng nhân vật đa dạng trong truyện ông.

Tuy nhiên, ông cũng đã tạo được cho mình một số nhân vật mà độc giả khi đã có cảm tình với ông, tất không thể nào quên được, chẳng hạn như nàng Rosie lãng mạn, đa tình lẳng lơ và vô cùng diễm ảo trong danh tác: «*Cakes of Ale*» như chàng Davidson trầm lặng nhưng oai hùng trong truyện «*Rain*» (Mưa); như ông «cái gì cũng biết» thực đáng ghét và như Elliot Templeton, Sad e Thompson duyên dáng, dễ yêu một cách kỳ lạ v.v...

Tác phẩm trung thực nhất có gọi ít nhiều bóng dáng Maugham thuở thiếu thời, thuở mồ côi cả cha lẫn mẹ, thuở sống khắc khổ bên người chủ giáo sĩ nghiêm nghị, thuở cô đơn ở ký túc xá gần Canterbury, chính là quyển

«*Of Human Bondage*» (cái nhục làm người, bản dịch Pháp nhan: Servitude Humaine). Trong tác phẩm này, người ta thấy có «Bộ chân thọt», chính nó đã tượng trưng cho cái tật nói dấp của ông. Người có «Bộ chân thọt» cũng đã khổ sở như ông, cũng đã tự cho mình bị đẩy ải và phạm nhiều trọng tội... khi tác phẩm sắp sửa in thì thể chiến 14-18 bùng nổ, Maugham bỗng trở thành nhà thợ thám Anh, công tác ở Thụy-sĩ, rồi Petrograd v.v... mục đích để ngăn ngừa phá hoại cuộc cách mạng «Bôn-xê-vich» của cộng-sản.

Có lẽ vì bị ảnh hưởng căn bệnh trầm trọng của mẹ ngày xưa nên Maugham vương phải bệnh lao. Ông đi dưỡng bệnh ở Tô cách Lan mất hai năm và có lần, sang đôi gió tận Trung Hoa và ra hẳn ngoài khơi một hải đảo ở Thái bình Dương. Chính nơi đây, ông thu thập được nhiều tài liệu quý giá, nhiều cảm xúc mới lạ để viết nên những danh tác bất hủ như một «*La passe dangereuse*», một «*Le Paravent Chinois*» chẳng hạn.

Trong tập tự truyện «*The Summing up*» xuất bản năm 1938

Maugham đã có ghi lại những điều nhận xét về ông của các nhà phê bình, đại khái, họ viết: «xuyên qua tác phẩm Maugham thuở tuổi hai mươi, Gham là một nhà văn tàn nhẫn; thuở ngoài ba mươi, Gham trở thành bốn cột, phù phiếm pha trò; thuở bốn mươi, Gham đã thào đời tới mức đều giả và ngoài tuổi năm mươi, Gham là một cây bút vững chắc, tài ba...»

Và cho mãi tới năm Maugham bảy mươi tuổi, các nhà phê bình lại nhận xét về ông thêm lần nữa. Lần này họ cho ông là một nhà văn kể chuyện xuất chúng.

Điểm đặc biệt khiến bè bạn Maugham và cả những nhà phê bình tác phẩm ông nữa, lúc nào cũng luôn chú ý tới «túi tiền» và sự cố gắng «làm ra tiền» của ông. Hình như suốt đời Gham, lúc nào ông cũng đem hết tài năng mình, tìm óc mình «đánh đỏi» với «đồng tiền» càng nhiều càng hay. Ông đã quan niệm và từng tuyên-bố với mọi người rằng: «Đồng tiền là giác quan thứ sáu. Nếu không có nó thì dù ngũ quan có bén nhạy tới đâu,

vẫn không thể phát động được đầy đủ».

Đối với một số nhà văn, nhất là một số nhà văn Việt-Nam, quan niệm «đồng tiền là giác quan thứ sáu» ấy, có lẽ không còn gì chân xác hơn nữa. Câu trên của Maugham hẳn đã cho ta nhiều suy nghĩ. Dĩ nhiên là suy nghĩ để mà tự mỉa mai, tự chua xót cho cái nghiệp dĩ của mình...

Ngoài những truyện đã dẫn Somerset Maugham mất ngày 16 tháng 12 năm 1965 tại Côte d'Azur (Pháp) hưởng thọ được 91 tuổi.

Hình bóng nhà văn Anh, sinh ở Pháp, chết cũng ở Pháp ấy, hẳn khó phai mờ và quên lãng trong tâm hồn dân chúng Ba-lê từng say mê tác phẩm ông.

Khuôn khổ bài báo có hạn, chúng tôi xin ngưng phần nhận định Maugham ở đây để mời bạn đón đọc kỳ sau, chúng tôi sẽ lược thuật hẳn bạn một trong những danh tác được giải Hàn Lâm Viện Pháp của Maugham: «CON ĐƯỜNG NGUY-HIỂM». (La passe dangereuse).

(Bến cát, cuối 9-68)

nhớ nhung

viết cho các bạn Tam «C» Bờ-Đề

Bạn xưa giờ vắng cả rồi,
Không gian lặng lẽ, mình tôi chợt buồn,
Màng trời u ám mưa tuôn,
Bên ngoài hiu hắt nghe lòng quặn đau.
Còn đâu nữa, mới thuở nào,
Giờ đây nỗi tiếc len vào tâm tư.
Nhớ nhau chỉ có tâm thư,
Đường đời hai ngã kẻ từ chia tay.
Bây giờ và cả ngày mai,
Chúng mình đếm bước đường dài nhớ nhau.
Cách chia, tan hợp vì đâu?
Đề đời nhuộm tím nét sâu thời gian.
Xin từ già, tuổi huy hoàng,
Từ nay vĩnh biệt đành dang dở rồi,
Còn người?? bạn chốn xa xôi,
Có hay chăng nhỉ? qua rồi ngày xanh!

Vân Hà

(T.H.A)

★ NHỮNG LÓNG TAY KHÔ

Trong vòng cô gả nằm chết bên kia.

Theo một chuyện thật
trên chiến trường Việt-Nam

Truyện ngắn của

● TRẦN-NGUYỄN-LANG

Buổi chiều tràn lan trên đỉnh những ngọn rừng già, những sợi nắng óng ả, tua tủa ẻo lả giữa vùng không gian vắng lặng, đám cỏ vàng đầu đón gục đầu vào nhau thương khóc những thân người cứng đờ vô tri, các vết máu loang đặc từng nơi khô cứng thâm hại.

Gió reo vi vút mang cơn lạnh từ núi tuông xuống cánh đồng ngập ngựa tử khí, những gương mặt tím bầm, mang đầy nét hờn căm chen cạnh những bàn tay cong vút huênh hoang như câu xin, những trông mắt đứng im sững sờ, hau háu dâng trào nỗi nghẹn ngào còn đọng nước trên khoé mi.

Sự cô liêu hẳn lên với màn

trời âm đạm, càng phơi bày sắc thái tột tang của một trận chiến vừa tàn, màu đen bắt đầu buông trùm bóng tối như hung thần hiện ra, vài tia lửa bất chợt lóe lên, những ngọn lửa cháy một cách thiêu não yếu ớt càng tạo cho người ta cái cảm giác buồn đến kinh hoàng.

Trong cái vẻ chết chóc đó, chợt có tiếng rên rỉ, kêu cứu của một gã đàn ông, hình như anh ta bị sương rơi thấm lạnh, nên bừng tỉnh sau một cơn mê dài vì vết thương, anh ta lăn tay trong màn đêm mịt mờ, cổ khô đắng vì khát, anh ta cố mở mắt thật to nhìn xuyên qua làn tối vừa dò hướng.

Anh ta cúi gập người ho lên

NHỮNG LÓNG TAY KHÔ

từng trắng xù xù, bàn tay quờ quàng, nhưng không một ai, không một dấu hiệu khả dĩ đem lại cho anh ta nguồn sống nhỏ hay tia hy-vọng sau cùng.

Anh ta lết lắn về những đóm lửa, đoạn đường ngắn ngủi, thế mà đối với anh ta, là cả cuộc hành trình, vết thương ở ngực làm anh ta đau đớn, máu bực chảy sau khi ngưng đọng, anh ta thở hào hển, liếm môi liên hồi, cổ nóng ran, nhưng sức sinh tồn và ý chí tự thủ để sống đôn dật, anh ta cố lết, cố lê hình hài lắn về đóm lửa với hy vọng gặp người khác dù là bạn hay thù đi nữa.

Một hồi tru của bầy sói lang khiến anh ta đâm hoảng, anh ta không sợ chết nhưng anh ta không muốn bị xé xác bởi lũ khốn ấy, anh ta càng toát mồ hôi dù trời lạnh nhiều, dù sương rơi thấm vai anh ta càng lúc càng dữ dội hơn lúc nấy.

Anh ta ngẩng mặt lên vòm trời lấp lánh những vì sao, một tia sáng băng qua, anh ta khẽ run mình, rồi run run môi nguyện cầu, cho anh ta hay, cho tất cả không làm sao hiểu được.

Lúc anh ta sắp đến bên đóm lửa chập chờn heo hắt, nỗi vui mừng thoáng hiện trên gương mặt hốc hác mất thần bên tai anh ta văng vẳng giọng cười ngạo nghễ, chừng như là của kẻ thù anh ta :

— Sáng mai tội mình tha hồ thu chiến lợi phẩm.

Bản năng tự vệ và ý chí đấu tranh vùng lên trong tâm tư anh ta. Rõ ràng không xa, hai quân thù đang ngật ngù say men chiến thắng. Giá mà anh ta còn đủ sức khoẻ và một tấc sắt trong tay, chắc chắn anh ta không ngần ngại...

Thế mà, sức cùn, lực tận, anh ta cảm thấy hoàn toàn bất lực trước kẻ thù, anh ta lại lang mang nghĩ tới danh dự, dù là một kẻ chiến bại cũng vẫn còn danh dự, anh ta ngần ngại không biết có nên tiến lên khẩn cầu hai địch nhân cứu giúp hay là nằm chờ cái chết đến ló đi.

Những suy tư ray rứt đôn dật anh ta chua xót về niềm đau hòa lẫn nỗi nhục nhã khi phải cần xin sự sống ở những kẻ mà anh ta từng coi như không đội chung trời.

NHỮNG LÓNG TAY KHÔ

Sau cùng bản ngã tranh sống của một con người đã thắng, anh ta không có lý do gì trốn chạy nhục nhã, anh ta là kẻ bại trận, anh ta có cái quyền van xin những người đang ngồi kia bố thí cho anh ta một lễ sống, một cuộc phục sinh.

Giọng rên của anh ta bắt đầu trời to lên, anh ta làm như thế để địch nhân chú ý với hy vọng được cứu và nếu cần tìm cách diệt kẻ thù sau đó khi thuận tiện. Anh ta hiểu là ý nghĩ đó hèn hạ nhưng anh ta cho là chỉ có cách đó mới gỡ rửa sự nhục nhã đã vấy lên đầu. lên cổ, trên chiến y và trên danh dự đạo binh mà anh ta chiến đấu dưới cờ.

Quả nhiên hai địch nhân đã chú ý tới anh ta, một trong hai tên lẳng tai nghe đoạn bảo đồng đội :

— Ê mày, hình như có kẻ còn sống đâu đây.

Tên kia cũng lẳng tai nghe, ý biểu đồng tình :

— Đúng rồi, hình như có giọng rên, chúng mình tìm xem.

Và rồi hai địch nhân đã tìm

ra anh ta họ mang anh ta tới bên đống lửa, một trong hai người bảo :

— À lại một thằng còn sống.— Mày thấy cần cứu hay cho nó đi dứt cho xong.

Anh ta lạnh toát người, nỗi sợ hãi hơn bao giờ vụt đến làm anh ta nổi da gà. Anh ta tới số cùng rồi chẳng, chả lẽ số anh ta đen hủi đến như vậy ư ?

Anh ta cố mấp má môi định khẩn cầu, nhưng tên địch nhân kia đã giúp anh ta :

— Đừng mày, không nên tàn nhẫn đến thế, nó bị thương chưa đáng chết hãy cứu nó.

— Bằng cách nào, tội chó này có cứu cũng phí công vô ích, để nó sống chỉ thêm rối.

— Không đừng làm vậy, biết đâu nó chẳng giúp ích mình.

Anh ta mừng thầm vì sự đời co của hai địch quân, nhờ thế anh ta được sống. Một trong hai địch quân nâng đầu anh ta lên đổ vào mồm anh ta vài ngụm nước, những giọt nước mát chẳng khác nào linh dược khiến anh ta thấy khoan khoái.

NHỮNG LÔNG TAY KHÔ

vô cùng anh ta thở phào dễ chịu, một tên nhìn anh ta và hỏi :

— Dễ chịu chứ bạn ?

Anh ta mấp máy nụ cười trên vành môi héo hắt, mắt sáng rực, thêu thào :

— Cảm ơn các anh đã cứu tôi nhưng chúng mình là kẻ thù nhau mà.

Một địch quân vỗ vai anh ta, cười hiền lành :

— Anh chỉ là kẻ chiến bại, có giết ngẫm đã được gì.

Lời lẽ thật giản dị, thật hiền hậu nhưng chẳng khác những mũi kim đâm vào tim anh ta, còn nỗi đớn đau nào hơn khi trước quân thù anh ta chỉ là tên lính bắt lực. Anh ta nghe nóng bừng đôi má, giá có thể, anh ta sẽ chồm dậy đâm ngay vào tim tên vừa thốt ra câu ngạo mạn khi này.

Anh ta đầu đón, khổ sở đón nhận từ kẻ thù một tình thương bất đắc dĩ, anh ta cố hỏi :

— Các anh còn đông không ?

— Đông chứ, và các anh tiêu hết chứ gì ?

Tự ái nổi dậy, anh ta có thái

độ của kẻ tự kiêu :

— Không hề gì, rồi quân tôi sẽ gặp lại các anh, và trận chiến có thể sẽ thay đổi khung cảnh này.

Một tên địch quân vùng cười lên sặc sụa, mới đáng ghét làm sao, mới đáng nhòm gớm, ghê tởm thế nào. Sau cùng y chồm người tới.

— Mày, mày, đừng có hy vọng hảo huyền, lũ tội mày đã bị làm cỏ tất rồi, mày nghe chưa ?

Một cái gặp người, anh ta rút vai ho lên từng hồi nhưng đó chính là yếu tố để anh ta che dấu sự xúc động lớn lao đè nén, thế là hết cả niềm tin, anh ta cố bấu vịn vào đấy để sống những phút sau cùng trên cuộc đời, nhưng tất cả như không còn gì. Anh ta ngược đôi mắt nhìn vào khoảng không vô tận đời dòng lệ rỏ dài.

Một tên địch quân đặt tay lên vai anh ta :

— Mày đời không, ăn nhé, ngày mai bên tao sẽ cứu mày, mày không đến nỗi chết như đồng bọn đâu.

NHỮNG LÔNG TAY KHÔ

Anh ta không còn nghe gì, thấy gì, anh ta cố hét lên nhưng cổ họng tắt ngẹn, anh ta muốn bảo cho hai tên địch quân biết : anh ta không cần ăn, không cần cả lễ sống nhục nhã nữa, nhưng anh ta chỉ đón nhận với một cái gật đầu phản ứng.

Tên địch quân moi túi để trao cho anh ta một mẫu bánh mì khô, bảo :

— Mày dùng tạm nhé, bọn tao chỉ còn có thế.

Anh ta nhai lộp bộp và nghiền thật nhỏ chất bột, trong trí nghĩ tìm một lối thoát. Anh ta vụt thêu thào :

— Các anh... các anh có thể giúp kẻ bại trận một điều, chỉ một ân huệ nhỏ được không ?

— Gì ?

— Tôi muốn có vài đốt xương tay của mấy thằng đồng đội, các anh không từ chối chứ.

Tên địch quân nhìn ghim vào mắt anh ta như muốn biết là anh ta điên hay chẳng, nhưng nét mặt anh ta lộ vẻ van xin và cương quyết, anh ta long lanh đôi mắt như tha thiết được thỏa

mãn nguyện vọng. Tên địch quân kia động lòng, đứng lên quơ một que củi đỏ hồng đi chập choạng trong đêm, lật từng xác chết, cứ thế chẳng bao lâu y quay trở lại với một bụm lông tay khô cằn, trắng bạch, vương chút máu hồng.

Anh ta nâng đồng xương lông tay, áp vào lồng và hôn từng cái giữa bốn tia mắt ngơ ngác của hai tên địch quân. Anh ta lại cất tiếng :

— Anh cho tôi mượn tạm chiếc lưới lẽ.

— Làm chi ?

— Tôi muốn xỏ xâu số xương lông tay này để đeo trước khi chết.

Lời xin của anh ta không có gì nguy hiểm, vả lại anh ta chỉ là một kẻ kiệt lực, không đến nỗi khả nghi.

Tên địch quân ném lưới lẽ về phía anh ta, đôi mắt vẫn thao láo nhìn.

Anh ta lột từng mẫu da, rồi rút từ trong cổ một sợi dây chuyền xỏ từng đốt xương vào xong đeo vào cổ ra chịu thích

NHỮNG LÔNG TAY KHÔ

thứ. Anh ta nhìn hai tên địch quân giọng chua chát:

— Đẹp không hai anh ?

— Tại sao anh lại đeo những lông tay ấy ?

— Vì đó là những lông tay của đồng đội tôi, từng thề với nhau trước khi lên đường : là không bỏ nhau bao giờ.

— Thế à !

— Nhưng tại sao anh không chết theo họ ?

— Họ là những anh hùng, còn tôi, tôi không xứng đáng chết vì tôi chưa làm được một điều gì.

Nghe anh ta nói, một tên địch quân cười rũ rượi, nhưng anh ta bỗng thét lên .

— Ối. chết tôi... chết...

Thì ra nhân lúc cả hai tên địch quân còn đang bỡ ngỡ về hồi lễ của anh ta, anh ta bắt hình linh phóng vút ngay mũi

lưỡi lê về phía tên đang rũ ra cười, mũi lưỡi lê cắm ngay vào tim, tên địch quân kia chết tức khắc, cùng lúc anh ta dùng hết sức lực cử động nên các vết thương bứt máu tuông xối sả, anh ta ngã lăn ra, tên địch quân còn lại sôi máu căm hờn, nhào tới, nhằm vào thì thề anh ta đâm túi bụi, anh ta nằm im không cử động, mặc cho máu đào tuông, mặc tên địch say máu cứ đâm nhào lên thì thề, xác thịt anh ta.

Đôi mắt anh ta mở to, lông lánh ngời sáng như hai vì sao môi anh ta đã héo hồng tươi lên vì nụ cười mãn nguyện. Anh ta đã vùng lên từ lần sau cùng của cuộc đời để làm một cái gì, để xứng đáng chết theo đồng đội như đã hứa, và anh ta giết được một địch quân.

Cái chết của anh ta đến như một điều bất buộc, trong khi tên địch quân còn lại cúi xuống

NHỮNG LÔNG TAY KHÔ

giật phẳng sợi giây chuyền có những lốt xương lông tay khô ném đi thật xa như chưa đã cơn giận y lại chạy đi lượm lên, chặt ra từng khúc rồi rải đi khắp nơi..

Trong buổi bình minh lên, mặt trời chói chang rạng rỡ, tên địch quân reo vui khi thấy đồng đội của y đã hiện ra đằng xa.

Riêng anh ta, môi vẫn còn đọng nụ cười thắm vì đã lập được chiến công và xứng đáng kết những lông xương tay của đồng đội để làm vòng hoa chiến thắng cuối cùng cho đời chiến sĩ vô danh của anh ta.

Thanh Đức, mùa chiến đấu

22 - 11 - 65



● Lời anh lính mới :

Hai anh tân binh phải qua một cuộc trắc nghiệm tâm-lý để xung vào hải-quân. Vị sĩ quan hỏi anh thứ nhất :

— Anh có biết lợi không ?

Anh này liền quay sang nói với bạn :

Tao biết mà, họ không biết lợi nên chọn người biết lợi để vớt họ khi cần.

● Tư tưởng hay.

Nhà cách mạng thường mong thay đổi cả thế-giới. Người phản loạn lại mong giữ nguyên những điều bất công mà họ đang chịu đựng để có thể nổi dậy chống những bất công ấy.

J.P.SARTRE

Dũng midol *Vị các chứng đau nhức và cảm cúm*
1360/BYT/SPDC
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

TÀ PHẠM-NHAN,

Một chứng bệnh phụ-nữ, do lời kết tội của

TRẦN-HUNG-ĐẠO

?

— Tóm tắt kỳ trước. — Chị dâu tôi mắc bệnh tà, mời thầy Phù-thủy về chữa, thầy làm phù phép thử bệnh nhân và đã biết đích xác là chị dâu tôi mắc phải bệnh tà Phạm-nhan, thầy mới bắt đầu chữa.

Thầy nói với ông tôi, người này mắc bệnh tà đã lâu, phải chữa nhiều ngày mới khỏi. Chọn được ngày tốt, thầy bắt đầu chữa bệnh. Thầy bảo thiết lập bàn thờ, trên bàn thờ có treo tượng đức Thái-thượng lão-quân, có đủ nhang đèn trầm trà, hoa quả. Về phần thầy thì

có một cái còi bằng sừng dê (sơn-dương-giác) một cái khăn vải, một cây kiếm (épée) của các sĩ quan đời Pháp thuộc. Ngoài ra còn có hai đĩa châu sa, thần sa, quần bút lông, giấy vàng, để thầy họa phù và một bình rượu.

Khoảng độ tám giờ tối, thì bắt đầu lên nhang đèn, thỉnh tổ.

Thầy đứng giữa, mình mặc áo đạo-phù, đầu đội mũ pháp-sư. Hai bên có hai thầy chúng, (thầy phụ). Các thầy vái tổ xong, anh chị tôi cũng phải lạy tổ, và đứng hầu bên dưới.

Thầy thổi ba hồi còi, tiếng còi rất rùng rợn, như là tiếng kêu gọi hồn ma. Hai thầy phụ đọc hê hà, hê hưởng hòa theo nhịp mở tang.

Giọng thầy thỉnh tổ rất oai nghiêm, hùng dũng, miệng niệm chú, tay hoa nhau, tay nhật khăn ấn, nghe vang dội khắp gần xa, làng xóm đến xem rất đông không khác gì một đám hát. Thỉnh tổ xong, thầy lấy giấy vàng, vẽ phù bằng châu sa, thần sa. Biên tên tuổi ngày sanh tháng đẻ của chị tôi vào lá phù, xếp lá phù thành hình con nộm, thư hồn sanh chị tôi vào hình nộm. Bỏ hình nộm vào hộp giấy, niêm phù bên ngoài. Thư hồn sanh xong, bảy giờ xác của chị tôi là xác của con tà, mà thầy đã làm phù phép buộc nó phải nhập vào xác bệnh nhân. Thầy bắt đầu tra khảo. Thầy lấy lưỡi kiếm, thư phù và phun rượu trên lưỡi kiếm. Bảo chị tôi nằm ngửa trước bàn thờ, nới quần xuống quá lỗ rún. Chị tôi cũng gàn, hỏi thách lại ông thầy: Trước bàn thờ, nhang đèn sáng rõ, thầy bảo tuốt quần tôi để làm gì? Thầy dùng roi dậu, quất vào

người chị tôi và nạt lại, nếu còn lồn láo thì sẽ chém đầu.

Thầy lấy lưỡi kiếm đã thư phù, chặc mạnh trên bụng chị tôi ba nhát, trên tầm lỗ rún. Lại còn dùng dùi đục, đóng trên sống kiếm, để cho lưỡi kiếm lúi sâu xuống bụng. Mọi người thấy mà sửng sốt, tưởng e đứt ngang ruột, nhưng không, chỉ có lằn đỏ, chứ không đứt da, mà cũng không chảy máu. Chị tôi la khóc, tuồng như đau đớn lắm, kêu vang lạy thầy xin tha thứ. Thầy hỏi với giọng rất oai nghiêm. Mày là tà gì? hảm hiếp người đàn bà này đã mấy năm, và đã được mấy mặt con rồi? khai mau. Miệng thầy tra hỏi, tay thầy đóng dùi đục trên sống kiếm. Chị tôi vang khóc như là một tội nhân bị tra khảo, và xin khai sự thật:

Tôi là tà Phạm-nhan, ăn nằm với người đàn bà này, đã hơn 2 năm, sinh được một cháu gái, tôi đã đem nó về ở với tôi trên giòng nước biếc. (Chị tôi sinh cháu gái đầu lòng chưa đầy tháng, mắc bệnh kinh phong mà chết) Thầy bảo anh tôi lấy khăn cung rên tờ giấy vàng, buộc chị tôi phải ký vào tờ khăn cung, để dâng trước bàn thờ.

KHOA HỌC HUYỀN BÍ

Từ đêm ấy sắp về sau, đêm nào thầy cũng niệm chú, họa phù, hòa tan tro phù trong chun nước, rồi cho chị tôi uống.

Đêm thứ 15. Thầy lại thư phù trên lưới kiếm, tra khảo chị tôi một lần chót. Làm phù, bắt ấn, buộc con tà phải nhập vào xác chị tôi để cung khai, và đã cũng khai như đoạn trên.

Thầy buộc phải làm tờ ly dị giữa con tà và bệnh nhân, anh tôi rất thông chữ nho, biệt hiệu Nãi-tâm, hay là Thăng-nhạc. Mấy năm về trước, anh tôi là giáo-sư Hán-học trường Đại-học Huế, anh tôi mới qua đời năm 1967—Tờ khâu cung, tờ ly dị, đối với anh tôi không khó khăn gì cả.

Thầy nói với ông tôi : Con tà đã chịu cung khai và chịu ly dị. Vậy ba hôm nữa, thầy sẽ làm đại lễ, khai trừ dứt khoát, giữa bệnh nhân với con tà, và tạ tổ luôn thể.

Lễ này rất lớn, theo sự chỉ định của thầy. Làm một cái rạp rộng lớn, chính giữa đặt một cái bàn xung quanh là ghế dài, để thầy chạy đàn, và làm phù phép tần liệm bệnh nhân theo cách tượng trưng. Bốn góc, bốn bàn

nhỏ, có đủ hoa quả, xôi chè, đồ cúng âm binh bộ hạ.

Lễ tạ này có tất cả bốn thầy chúng và một thầy cả. Một ban nhạc 4 người, có đủ kèn, trống đàn, sáo.

Đàng tràng lập xong, thầy bắt đầu làm lễ, lúc bảy giờ tối. Thầy thỉnh tổ xong, bảo chị tôi lên lạy tổ và quỳ trước bàn thờ. Thầy cả thư phù, niệm chú, thầy chúng khua tụng mõ, đọc hê hà hê hướng, nhật khấn ấn. Trống kèn đàn sáo hòa theo nhịp điệu tụng mõ của thầy. Khoảng độ nửa giờ chị tôi thíp thíp riu mắt, và nằm dài trước bàn thờ.

Người cô ruột chị tôi, sò vào thân thể chị tôi, chân tay đều lạnh, chỉ còn hấp hối hơi thở cuối cùng. Bà ta khóc than kể lễ, bà con thầy đều rơi lụy. Thầy bảo : không can gì, thầy đã thư hồn sanh bệnh nhân vào hình nộm, đây chỉ là hồn con tà nhập vào con bệnh, để chiều sự tra khảo. Lễ xong, thầy thả hồn sanh, thì bệnh nhân sẽ tỉnh lại như thường.

Thầy bảo đem xác chị tôi ra để trên bàn giữa ngoài rạp, đã làm sẵn. Thầy cả, thầy chúng

KHOA HỌC HUYỀN BÍ

đi xung quanh bàn, trên ghế dài đã kê sẵn, miệng đọc chú, tay nhật khấn ấn, trống kèn, đàn sáo, hòa theo điệu bộ, vang dội khắp gần xa. Làng trên, xã dưới, đến xem rất đông, không kém gì một đám hát.

Thầy còn bảo, lập đàng hỏa than. Thầy bước đi trên than lửa, làm cho con tà phải khiếp phục.

Thầy làm phép thư con tà vào lá phù, bỏ lá phù vào ấm đất, bên ngoài dán phù đ y kín. Bảo người đem chôn tại ngã ba đường cái, gần bờ : ông để cho con tà phải dứt 1 hoa xa cách người bệnh.

Xong xuôi, Thầy làm phù phép thả hồn sanh của chị tôi,

cho nhập vào xác. Chị tôi riu riu mở mắt, ngo ngằn không biết gì, những việc đã xảy ra. Thầy bảo rửa mặt, và cho uống phù, độ năm phút, chị tôi tỉnh lại như thường.

Thầy và bệnh nhân, đều lạy tạ tổ, và triệt thoái tất cả các bàn thờ. Lễ chữa bệnh tà xong xuôi lúc 12 giờ đêm.

Thật là huyền bí, chỉ làm phù phép, ma bệnh nhân phải đau thương, chết giả, thoát khỏi bệnh tà. Các nhà khoa học đại tài cũng phải đành chịu.

Từ ấy sắp sau, chị tôi khỏi hẳn bệnh tà, kh ng còn ngo ngằn, nói lầm nhảm như trước n ra.

HOÀNG ĐÌNH TRỨ



Dũng midol Trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/ĐHT/ĐPDC

CÓ NHỮNG NGƯỜI ĐI

Có một chàng trai trẻ,
Mang nặng mỗi cặm thù,
Nhìn đau thương đất mẹ,
Mang nỗi buồn thiên thu !

Ra đi trong túi nhục,
Trở thành trong đấng cay.
Hãy góp phần xương máu,
Điền tô đất nước này.

Có người yêu quê hương,
Đã lặng lẽ lên đường.
Âm thầm không tiếng gọi,
Bóng mờ trong đêm sương.

Ta là con nước Việt,
Mang giòng máu oai hùng.
Không bao giờ khuất phục,
Đề ngàn sau soi chung.

Những người con yêu nước,
Rèn đúc chí anh tài.
Xông pha vào gió bụi,
Đắp xây một ngày mai.

Những người yêu lý tưởng,
Không thể đứng nhìn đời.
Khi non sông chia cắt,
Óan hồn vang nơi nơi.

Có bao kẻ hy-sinh,
Quên cả cuộc đời mình.
Cho quê hương dân tộc,
Chọn đường đi vang vinh.

Bao giờ đất nước này,
Thôi đau thương tràn đầy.
Cho lũ người xâm lược,
Hết cuồng điên hăng say.

THÙY-LINH (Long-Hương)

CON ONG

□ TÍN-KHANH

Bạn hãy nhìn con ong hút nhụy hoa. Hút xong, nó quay đầu về phía mặt trời mọc như tìm lấy hướng rồi bay tuốt về tổ cách đó năm, bảy trăm thước. Nó hút nhụy no bụng, không phải cho riêng nó mà cho tập thể nhà ong, cho vị chúa tể của nó vị đã cất, nhắc phân công cho nó.

Khoa học từ lâu đã thừa nhận tổ ong không phải là một nhóm cơ cấu duy nhất, có tổ chức hẳn hoi, với một ngàn lẻ một lối phân công rành mạch, và mọi «người» đều sống theo một kỷ luật tự giác nhưng sắt đá nghiêm minh.

Gấu rừng hay con người phá tổ (chúng chẳng ? Chúng đau sâu lắm nhưng chiến đấu rất mãnh liệt, dù phải trong tuyệt vọng. Thế rồi do bản năng sinh tồn toàn thể đoàn viên lại chung sức xây dựng lại cơ đồ. Hư nhiều chữa nhiều hư ít chữa ít y như cơ sở cũ, vì nề nếp sinh hoạt đã sẵn, và để tiếp tục cuộc sống rất kỳ lạ, không giống bất kỳ một

loại thú vật nào khác. Vì con ong có thể tùy theo hoàn cảnh mà thay đổi «con người» mình miễn sao có lợi cho cộng đồng. Nếu cần, bất kỳ con ong nào cũng có thể trở thành già cỗi hoặc trẻ lại trong giây lát. Ong không từng để cũng có thể để, hoặc ong già, bộ phận hư hỏng hết cũng có thể trở lại như lúc thanh xuân.

Cả một xã hội chuyên viên.—

Mời các bạn xem một tổ ong hoang đóng trong một bọng cây giữa rừng.

Các bạn thấy trước tiên là cửa chính đưa vào tổ. Đây là một lỗ tròn trơn tru, phía sau là một «phòng» vĩ đại gồm rất nhiều lỗ bằng sáp láng ánh. Trong số này, có nhiều lỗ chứa mật, những lỗ khác đây cả phần hoa. Bên trong nữa là «khu vực hộ sinh», trong những lỗ này, trứng, nhộng, ấu nòng theo lứa này.

Ong chúa trị vì quốc gia nhà

ong. Được làm chúa, không phải vì tài ba thao lược hay uy-tín vang lừng gì mà chính là do mình to lớn hơn, và có tài đẻ mỗi ngày đến 3.000 trứng. Dưới bà chúa là một số ong đực, quanh năm suốt tháng chuyên nghề «đúc con» cho lũ ong cái đồng-trình vừa lớn lên trong chuyên sinh sản vừa qua. Quần chúng còn lại, vào khoảng từ 20 đến 30 ngàn con là thần dân chuyên bách công, bá nghệ, có nhiệm vụ gầy dựng cũng cố giáng sơn.

Được cưng hơn hết, trước tiên là ong «vú nuôi» lo món ăn cho ong chúa và bày nhộng, gọi là «sữa ong» một thứ nước đông (gelée) rất nhiều chất bổ mà riêng chúng mới sản xuất được bằng một số tuyến đặc biệt trên đầu.

Một số khác chuyên làm ra sáp. Bọn này ăn mật. Mật biến thành sáp sau khi qua một lớp tuyến và đọng dưới ức ong. Ong dùng chân sau này ra từng lớp sáp vừa khô rồi bỏ vào miệng nhai nhỏ đoạn mới nhả ra đắp thành từng lỗ lục giác. Lỗ này dính liền với lỗ khác và thành lỗ.

Một hạng công nhân khác chuyên đi tìm phấn và mật hoa đem về cho «ban tiếp thu». Bọn này ăn mật hoa và do một số hạch riêng, biến thành mật và tích trữ trong các lỗ lục giác trên.

Một số khác nữa chuyên nghề canh gác tổ. Chúng chỉ cho phép vào ra các hang chuyên viên trên, tuyệt đối chống đối quân lạ mặt. Vòi ong gồm 12 ngàn cơ quan khứu giác, nhờ đó mà chúng phân biệt được mùi quen thuộc của bạn bè cùng một tổ chức. Khi nhận được mùi con ong nào khác lạ, chúng hạ sát tức khắc.

Ban vệ sinh kiêm điều-hòa không khí.

Một số chuyên viên khác có trách nhiệm giữ cho nhiệt-độ và ẩm-độ của tổ luôn luôn được đều đặn. Chúng thay phiên nhau đậu phía trong cổng chính, đập cánh không lúc nào nghỉ tạo ra một luồng gió lạnh chạy thẳng vào trong

Một toán khác lại lo việc quét dọn bên trong tổ, sửa chữa những lỗ bị hư hỏng méo mó v.v.

Cả một thế giới huyền bí.

Nhiều nhà nuôi ong đã cố tìm hiểu nhưng vẫn chưa thấy được do đâu mà loài ong biết làm những việc chúng được phân công để làm. Do đâu chúng biết lúc nào tổ cần thêm lỗ hay phân công phân nhiệm làm mọi việc trong tổ? Một trong những nhiệm vụ phức tạp nhất là vai trò người vú nuôi.

Một con ong vừa đủ điều kiện «hạ sơn», khi cánh nó đã mạnh và cứng, thì công việc tập sự trước tiên là công-tác vệ-sinh. Sau việc này nó bắt đầu vào việc nuôi dưỡng mấy con nhộng trong lứa nở trước bằng mật và ngụy hoa.

Xong việc nuôi nhộng lớn đến nuôi nhộng nhỏ và cứ như thế nhiệm vụ này tiếp tục mãi khi mà họ nhà ong còn sinh con để cháu liên miên. Đặc biệt ở điểm này là ong trẻ được phân công nuôi nhộng già và ong già lo nuôi nhộng trẻ một cái kỳ lạ mà các nhà tự-nhiên học không sao hiểu thấu.

Được nuôi dưỡng chu đáo như thế, trong 15 ngày con nhộng đã trưởng thành và bắt đầu

nhân công tác làm sáp. Các bộ phận cần thiết để làm ra sáp tự nhiên này nở trong số những con ong sau này sẽ đảm nhận việc này. Qua ngày thứ 18, đời qua công tác canh gác. Đến ngày thứ 21, những hạch tuyến dùng cho những việc trên bị hủy hoại, công việc còn lại của chúng là đi hút nhụy và phấn hoa, cho đến ngày vào khoảng thứ 38, chúng nhắm mắt từ giờ cõi đời sau một thời gian «làm ăn» đầu tắt mặt tối.

Anh hùng lao động.

Trong một tổ mà hoàn cảnh sinh hoạt được thuận lợi thì sự phân công như trên rất thích hợp. Tuy nhiên khi bị tai biến, dân cư chết chóc, thì ong lại có thể tùy nghi hoạt động bất chấp tuổi tác hay thời gian biểu đã định. Một con ong trung bình chỉ canh cửa trong 3 ngày, có khi phải canh đến 9 ngày, có con mới ra đời có 2 ngày đã phải làm ra sáp trong lúc đó là việc của lứa 15 ngày

Khả năng thích ứng với hoàn cảnh trong họ nhà ong thật là vô tận. Bạn hãy bạo gan trèo đầu trùm tay bắt chử bà chú.

gag và một số nhộng mới nở rời đời xem...

Trong vài giờ đầu, dường như cả quốc gia nhà ong chưa hay biết gì về tin động trời này. Bằng nhiên một ả «thị nữ» thường hầu cận «nữ hoàng» nhà ong ra vẻ ngờ ngác. Mấy chiếc «cân-tên» trên đầu ả cử động mạnh và ả bay quàng mấy vòng phía ngoài tổ, đập xuống một bộ phận làm sập và sau khi nghe một ám hiệu, cả bộ phận nổi lên kêu và bay tủa ra tứ tung. ả lại đến một toán khác và cứ như thế cho đến lúc toàn bộ tổ ong kêu la lên thảm thiết, cánh đập vù vù như đang bị lên cơn sốt dữ dội.

Chúng đã đau khổ vì quốc tang, vì một số đồng bào bị mạng vong thật nhưng chẳng lẽ khóc mãi trên trên điều tàn đồ vớ?

Vài tuần sau, nghĩa là sau thời gian cần thiết để cơ thể phát triển thêm cho thích hợp với nhu cầu mới, chúng mới khởi sự xây dựng lại cơ đồ, hàn gắn lại bao nhiêu đồ vớ tang tóc.

Thế rồi những con chưa từng biết đẻ là gì nổi lên đẻ lu bù.

Các ả vú nuôi quây quàng chung quanh lo cung cấp món ăn, nâng như nâng trứng, hứng như hứng hoa mặc dù bọn này chỉ đẻ mỗi ngày từ 6 đến 8 trứng trong ong chúa đẻ mỗi ngày 2 đến 3 ngàn.

Điều đáng chú ý ở đây là xã hội ong, khi mất chúa thì những con ong không biết đẻ tự nhiên phải đẻ, thay thế cho chúa.

Các nhà bác học cho rằng bộ phận sinh sản của chúng nó chỉ phát sinh khi trong cộng đồng đòi hỏi mà thôi.

Bạn có nghịch phá vỡ nát phần tổ chứa số nhộng mới nở đem đi chỗ khác và bỏ nhộng bừa bãi trên mảnh tổ kia chẳng?

Vụ họ không có, không có lương thực; cũng không ai lo vệ sinh v.v. liệu chúng có chết không?

Đứng trước mỗi nguy cơ, khả năng thích ứng được động viên tột mức.

Những con mới nở được 3 ngày đáng lẽ còn nằm chờ ăn, tự nhiên thân thể được phát

triển đầy đủ như những con lớn hơn. Chúng chia nhau bay đi tìm giang sơn cũ. Tìm ra, chúng về báo động và một chương trình phục hồi, cấp tốc được đưa ra. Một số khác cũng trong lứa tuổi này trở về xây lại căn nhà bị phá vỡ—một công việc đáng lẽ phải dành cho hạng tuổi 16 ngày. Qua ngày thứ tư, toàn thể bọn lưu vong này đã trở thành như «người lớn» và bắt đầu hoạt động lại như bình thường.

Lối thông tin huyền diệu.

Bạn hãy theo dõi chúng thông báo nhau về địa điểm tìm được món ăn.

Con ong được chỉ định đi tìm hoa, sau khi hoàn thành sứ mạng, trở về tổ và trình bày cho đồng bọn biết bằng một lối bay đặc biệt.

Nếu vòng bay ra hình con số 8 thì vườn hoa ở gần đầu đây.

Nếu vòng bay không rõ ràng và ngực con ong có những cử động nhẹ khác biệt thì hoa ở rất xa. Đoạn này xa hay gần chút


đỉnh có thể tính là bao nhiêu thước được đối với các nhà chuyên nghiên cứu về ong. Nếu mình con ong phóng đứng từ dưới lên cao dọc theo con đường bán kính của vòng tròn, tức là hoa ở về phía mặt trời mọc, Ngược lại, nếu từ trên cao xuống thấp thì hoa lại ở về phía tây.

Trong trường hợp nó bay theo một đường góc 60 độ thì so với *Pháp-tuyến*, thì hoa ở về 60 độ so với hướng mặt trời mọc.

Muốn phổ biến cho đoàn hút nhụy hoa nào — và đây là điều bắt buộc — bọn này phải ném mùi nhụy do con kia nhả ra trước mắt đồng bọn.

Nghĩa quân thần cao cả.

một tổ ong hoang nọ đóng trong một chiếc vách nứt của một tòa nhà trong rừng. Trong 12 năm sống. Người ở trong nhà vẫn thường nghe tiếng reo bồng vào tháng 9 năm nọ nghe tiếng reo khản hẳn. Chủ nhà tìm xem và chỉ thấy vài ba con thoát ra



Trị các chứng đau nhức
và cảm cúm.
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

1360/ĐVT/ĐPDC

CON ONG

lỗ nẻ bay ra ngoài và rơi ngay dưới chân tường. Từ ấy về sau, tuyệt nhiên không còn nghe tiếng gì nữa. Một năm sau, nhân phá bức tường chủ nhà nhận thấy một con ong chúa nằm chết khô ở giữa, chung quanh trên một vòng tròn đều đặn, có mấy á «cung phi mỹ nữ» cũng nằm chết, nhiều con đầu miệng ong chúa, dường như trong cơn

hấp hối của nữ chúa chúng đã cố truyền hơi qua để cứu cấp. Chúng sống chết có nhau: Ong chúa rũi có chết, bọn cận thần cũng chết theo, còn thần dân, vì tình chung thủy mà nằm im chờ chết lần hồi, quyết không vong ban đi thờ hai chúa. con ong hơn hẳn loài người là vậy.

TÍN KHANH



THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

231 - 233, Phạm Ngũ - Lão - SAIGON

Điện-thoại : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP VẬT DỤNG VĂN H ÒNG
CÓ XƯỞNG MÁY CUNG CẤP PHÙ HIỆU, CỜ HIỆU ĐOÀN,
NHĂN CỜ ÁO (ÉTIQUETTES) MÀU ĐẸP, BỀN, KHÔNG PHAI
Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện

Saigon s2.701 THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

Võ thuật tự vệ hữu hiệu và dễ luyện tập

TEAKWONDO

★ TỪ-CHÁU



— Hai thiếu nữ VN đã đậu
cấp bậc huyền đai
Teakwondo—

● Những môn đồ tí hon của Teakwondo



Môn thể-thao mới.

Là một thể-lực bền-bĩ từ chỗ quân-binh hóa được thể-chất tạo nên một sức mạnh bất ngờ và một tinh-thần tráng-kiện, không chỉ độc-tôn dành riêng cho kẻ mạnh mà bất cứ người nào gia trẻ, nam nữ đều có thể luyện-tập thông-thạo, cộng

thêm tinh-cách dễ truyền-thụ, một huấn-luyện viên có thể chỉ dạy cho nhiều võ-sinh cùng lúc trong địa thế giới-hạn mà chẳng cần đến khí-cụ nào tốn kém cho lắm, thế nên, từ một loại võ-thuật cổ-truyền, Teakwondo ngày nay coi như môn thể-thao đang được ưa thích.

Teakwondo được mang theo từ những người bạn Đại-Hàn sang chiến đấu tại Việt-Nam, như ngọn gió lạ có sức thu-hút mãnh liệt, đang trên đà phát-triển mạnh và sự bành-trướng của nó ngày càng thêm phần tăng-trưởng. Ngày nay không riêng Việt-Nam và Đại-Hàn mà hầu hết các dân-tộc Hoa-Kỳ, Trung-Hoa, Nhật, Ý, Mã-Lai, Úc-Đại-Lợi... đều nghiên cứu và tập luyện võ môn này. Teakwondo tức Thái-Cực đạo hay Túc-Quyền đạo, khởi-xương từ thuở sơ-khai của loài người, được xếp đặt thành hệ-thống và nâng lên hàng võ-thuật phổ-thông tại Đại-Hàn từ triều-đại SIN-LA cách thời-đại chúng ta 1.300 năm. Thiếu-Tướng Lục-Quân Đại-Hàn CHOI HONG HI, huyền-đại đệ tửu đăng, chủ-tịch tổng-cuộc Teakwondo quốc-tế, có lẽ là môn-đồ cao cấp nhất của Teakwondo hiệu nay.

Kỹ thuật Teakwondo.

Kỹ-thuật Teakwondo có nhiều biến-thể. Chẳng-hạn như nhờ sự luyện võ-thuật Teakwondo mà vũ-lực và tinh-thần của chúng ta được hun-đúc thêm

lên, giúp chúng ta có thể đối-phó với mọi cuộc tấn-công một cách tự-nhiên. Có thể xếp loại kỹ-thuật này: đó là sức phản-lực và tập-trung ý-lực. Theo định-luật về lực của NEWTON thì mọi lực đều có một đối-lực tương-đương của nó. Vì vậy, một khi địch thủ xông vào với tốc-độ mạnh và nhanh, ta chỉ cần tung ra một đòn nhẹ chính-xác là đủ, vì lực của ta dùng chính là hợp-lực của chính sức mạnh mà địch-thủ tấn-công ta cộng với sức của ta tạo nên. Về ý lực tập-trung, lấy thí dụ sức ép của vòi nước chảy càng mạnh nếu đầu vòi nước càng bé đi. Do đó, Teakwondo thường tập-trung sức mạnh vào lườn bàn tay hay bàn chân hoặc đầu ngón tay hay chân Ngoài ra kỹ-thuật xoay của mỗi lần tấn công, thủ tung hoặc tránh đòn, người ta còn sử-dụng như thế xoay của viên đạn khi thoát khỏi nòng súng. Sức công-phá cũng chỉ có thể đạt được bằng sự hòa-hợp khéo-léo của các bắp thịt và gân cốt để tập trung sức mạnh. Teakwondo không phải là một võ-thuật có thể quán-thông trong một chiều, một sớm. Mà bí-quyết để đạt tới một đẳng cấp nào đó

VÔ THUẬT TỰ VỆ HỮU HIỆU

của võ-thuật này chính là một điều-kiện sung-mãn về thể chất. Sức công phạt của Teakwondo tàn-khốc đến độ người ta không thể lấy người làm đối-tượng công phá mà phải thay thế bằng các miếng ván, các viên gạch hay ngói.

Luyện tập

Võ sinh nhập môn thường phải mất hàng tháng trời, mỗi ngày trung-bình 6 giờ, để tập những động-tác thể-thao và các thể căn-bản, đi đứng, đâm đá gạt đỡ Thân-thể nhờ đó dẻo-dai, uyển-chuyển thêm lên không còn thấy cứng nhắc và khó-khăn như khi mới bắt đầu. Mỗi cử-động đều được dẫn giải và sửa-chữa thường-xuyên cho đến khi nào thông-thạo. Sự hòa hợp các động-tác thủ và công theo trật tự hợp-lý, đó là những thể-thức của bài quyền. Võ-sinh cũng phải khổ công rèn-luyện ít nhất 500 lần cho mỗi bài quyền hầu có thể phản-ứng một cách máy móc thành phản-xạ tự-nhiên trong mọi trường hợp để thích-ứng với cuộc giao-tranh. Sau khi thành-thuộc một số bài quyền hạn-chế, võ-sinh bắt đầu học phép đối-luyện, tức là học cách đối phó

với mọi đòn bất-ngờ từ tứ phía của địch thủ bất luận lớn hay bé trẻ hay già, mạnh hay yếu. Trong thời-gian này, võ-sinh còn bắt buộc phải vận sức cho gân cốt tay, chân cứng rắn và nâng cao tốc độ khững-khiếp của mỗi lần tung đòn bằng cách thường-xuyên đấu với một vật-thể đối-tượng đó là bao chứa đầy cát hoặc cột trụ bằng gỗ được trồng vũng-vàng trên mặt đất. Những bàn tay, bàn chân, ngón tay, ngón chân từ từ trở thành những ngọn thép nguội. Năm ba viên gạch chông ngói cao, những tấm ván sẽ không còn là trở ngại gì nữa, dễ-dàng lăm, chỉ cần dùng lườn bàn tay, cú đấm, cái đá tất cả sẽ biến thành vô-dụng.

Tài-năng của võ sinh được thi-thố sau thời-gian trao đổi luyện-tập, những kỳ thi do đó cũng được tuân-tự tổ-chức mà mục-dịch là để phân-tách, trắc-nghiệm tinh-thần cũng như kỹ-thuật của võ-sinh để từ đó minh-định, xếp hạng và thăng-cấp khác nhau cho mỗi cá-nhân tùy theo khả-năng đã thu-thập được.

Teakwondo và đời sống tinh-tần.

VÔ THUẬT TỰ VỆ HỮU HIỆU

Hãy nhìn hai-đối thủ làm-li hờm nhau trong một vũ-trường nào đó, chúng ta sẽ thấy tiết-thảo của họ cũng mạnh-mẽ như bất cứ người luyện-tập môn võ-thuật nào. Cử-động của họ nhanh-nhẹn, khoan-thai mà cường-bạo như bão-tổ chẳng khác nào chúa sơn-lâm. Ánh mắt của họ hiền-từ, thâm-hậu mà ẩn-chứa những sắc bén chất-chứa. Tôn-trọng tính nhã-nhận, bảo vệ kẻ yếu trên một cương vị ngay thẳng quang-minh và duy trì hết sức lễ độ, danh dự, ãnh-huynh đệ và sự tương trợ lẫn nhau là một trong những điều tâm niệm mà võ sinh phải thuộc lòng và lập đi lập lại trước mỗi buổi tập. Trong phòng học, những võ sinh còn bắt buộc phải tuân theo và tôn trọng kỷ luật triệt để như những tín đồ ngoan đạo.

Teakwondo trong quân-chúng.

Là một loại võ-thuật tự-vệ và tấn-công hữu-hiệu, Teakwondo không những đang được lan-truyền ngoài dân chúng mà ngay trong quân-đội, Bộ T.T.M đã có S.V.V.T ấn-định, quân-nhân thuộc quân-lực Việt-Nam Cộng-Hoà phải nên tập Teakwondo mỗi ngày 30 phút. Teakwondo cũng rất phổ-thông trong giới phụ-nữ, nhiều thiếu-nữ Việt-Nam hâm-mộ môn võ-thuật này và, mặc dầu với một thân-thể mảnh-mai một sức-vóc không lấy gì làm mạnh mẽ lắm, họ vẫn đậu cấp-bậc huyền-đại một cách dễ-dàng và vẻ-vang. Có lẽ đó cũng chính là đặc-tính dễ luyện-tập của Teakwondo.

TỪ CHÁU



Dũng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BXT/ĐDĐC

Một áng văn

du - ký

của thời

Minh-Mạng

«Hoa trình tiệp lăm khúc»

Của Cụ Lý-văn-Phức

kể chuyện đi sứ sang Tàu

● AI-LAN

(tiếp theo P.T. 213)

IV— Thành Tân trình uốn theo

Trần, Vĩ (1)

Di-ái còn miếu đề ngàn thu. (2)

Danh thơm Đường tề, Tống nho,

Kia bia Vĩnh-phúc (3) nọ mở

lấn-công.(4)

Ngoài Trịnh-châu, vào trong

Huỳnh-trạch,

Qua Hoàng-hà hương bạch đảo

thần. (5)

Trị triều trời mở thánh nhân,

Xưa nay trong đã mấy lần nhớ
không.

Rộng mười dặm, đi trong vại
khắc.

Ấy là nhớ phong lực đưa qua,

Trèo đê qua huyện Hoạch-gia,

(1) Hai con sông ở Mã-Nam. (2)

Từ sản tướng nước Trịnh có
nhân chính, dân lập miếu thờ.

(3) (4) Âu dương Tử, Bùi-Độ. (5)

nước sông Hoàng-hà lúc nào
trong thì có minh thánh ra đời

HÒA TRÌNH LĂM KHÚC

Cổ-dung đã đến, huyện là Tân-
huương.

Nghe công quán có nàng Đất-
Kỷ, (6)

Một đôi khi vắng-vẽ hiện hình,
Vong Thương chẳng xét tội mình
Còn khoe nghiệp nước nghệp
thành với ai ?

Vệ-Huy-phủ trong nơi xung-yếu.

Vốn Trụ-đô cổ hiện triều ca.

Vẫn còn nền củ mấy toà,

Vọng-đô có viện, Khán hoa có
đài.

Sau đời Chu phân làm vệ-địa,

Kích-khánh đài (7) còn để
muôn năm.

Biền đề ngọc chấn di âm,(8)

Lòng người, gọi tỉnh hồn năm
chiêm bao.

Kia Ký-huyện Ân trào độ trước,

Bia Hiền-quân thất tác(9) đề in.

Tam nhân (10) di miếu còn
truyền,

Qua sông Kỳ, đến tiên hiền cổ
huương. (11)

Thanh-âm huyện bên đường có
miếu

Là Tấn triều Kê-Thiệu (12) nhị
trung.

Giữa trời giọt máu cô-trung

Nét son đầm đá vàng hồng cháy
gương.

Cây cỏ bách nhạc-vương (13)
cổ-lý.

Tòa sùng tử trắng lệ huy-hoàng.

Biết bao bia kệ thi chương,

Tinh-trung (14) hai chữ lưu
phương muôn đời.

Gớm thay tượng năm người Tần
Cối,(15)

(6) Đất-Kỷ gái đẹp đời Thương
làm vua Trụ mê, mất nước. (7)

Di tích đức Khổng-Tử khi sang
chơi nước Vệ.

(8) di tích Khổng Tử khi sang
nước Vệ, đánh khánh đá để
truyền đạo học, người sau lập
miếu thờ.

(9) Bia kỷ niệm 7 vị vua hiền
đời Ân.(10) ba người có lòng
nhân ở đời Ân là Vi-Tử, Tỉ-Can
Cơ-Tử. (11) Làng củ của Tử
cống.

(12) Vua Tấn bị kẻ nghịch đâm,
Kê Thiệu lấy thân che đỡ, bị
thương.

(13) Nhạc Phi một danh tướng
đời Tống. (14) Hai chữ vua Tống
ban cho Nhạc Phi. (15) Tể
Tướng đời Tống, đầu giặc Kim,
giết cả nhà Nhạc Phi, người sau
khắc tượng Tần Cối bị trói, quai
trước mộ Nhạc Phi.

HOA TRINH LÂM KHÚC

Mặt rơ rơ tay trối chân qui,
 Kiếp xưa ngoảnh lại ra gì,
 Thọ nào khéo đực cho đi nét tà.
 Ngoài cửa bắc có tòa trụ thạch,
 Chu-văn-Vương diễn dịch (16)
 chữ đề.
 Dấu thành Dữu-ly gần kề.
 Tấc mây hầu dễ bay che mặt trời
 Cỏ tướng châu kia nơi chường
 đức,
 Hàn-ngụy công (17) huân thạc ai
 đương.
 Danh từ sáng rỡ vàng tương.
 Ấy là chốn Trú-cầm đường ngày
 xưa,
 Qua chường thủy châu Từ phủ
 quảng.
 Bốn bề sông mạc-khoảng bình-
 nguyên,
 Ngồn ngang gò đồng kéo lên.
 Bảy mươi hai chủng (18) còn
 truyền dấu ghi.
 Dấu Nhị-Trinh (19) có bia giảng
 dịch,
 Cổ Triệu thành nào tích Hàm-
 đan.
 Hồi xe (20) khen kẻ lượng khoan,
 Còn người học bộ thế gian chề
 cười. (21)
 Kia cổ quán «Bồng lai tiên cảnh»

Gối du tiên lay lảb trần tâm (22)
 Công danh trong bốn mươi năm,
 Tỉnh rồi sao hãy còn nằm (23)
 chi lâu.
 Sự tiên, trần biết đâu chân, ảo.
 Giác Hoàng lương đề truyện
 đến giờ.
 Một bầu cảnh thú quá ưa,
 Hồ sen thoang thoảng gió đưa
 hương trà.

(16) Dữu Lý. nơi giam vua Văn-
 vương.
 (17) Hàn Kỳ đời Tống. (18) Ngôi
 mộ cổ 72 tử sĩ.
 (19) Nơi hai anh em ông Trinh
 Di Trinh-Hệu giảng kinh dịch.
 (20) Liêm Pha đại tướng nước
 Triệu, có mối thù với Lạn
 tướng như định giết như. Tương
 Như đi xe gặp Liêm Pha. vội
 quày xe lẩn tránh.
 (21) Hàm Đan có tài đi nhanh-
 người nước Yên tìm đều học
 cách đi nhanh. Kết cuộc không
 học được, lại quên luôn bước
 đi củ của mình.
 (22) Gối của tiên Lã đồng rần,
 Lư sinh nằm gối ấy ngủ, chiêm
 bao thấy giác hoàng lương. (23)
 Ở đó có thợng Lư sinh nằm ngủ,

HOA TRINH LÂM KHÚC

V - Chốn giới hà ấy nơi phân
 giới. (1)
 Lâm-lạc-quan vừa tới Vĩnh-miên
 Không môn dấu củ tiên hiền,
 Bà nguừ thần đạo bia truyền
 tinh danh.
 Sa-hà với Cổ hình hai sỡ,
 Tô-át (2) đồ cùng Dự-nhượng
 Kiều. (3)
 Phùng-đường (4) cổ lý còn tiêu,
 Am viên tản xê rất đều u thanh.
 Viện Bối các rêu quanh từng lớp,
 Trúc nây hoa bông rợp một
 chòm.
 Cỏ từng một gốc xanh om,
 Cây kê thạch kỹ, ngọn trùn
 tỉnh lan.
 Nội khân biên «hùng phiến kỳ
 phụ»,
 Bách hương -đỉnh quăng vũ
 thiên thu,
 Thần minh đã đứng xích phù, (5)
 Lưỡi gương trừ hết những đồ
 thạch-tinh.
 Qua Triệu-châu loan thành
 Hoạch-lộc,
 Sông Ô đà nước đực dòng trôi.
 Thuở nào giá đóng như chơi, (6)
 Sống lâu mới biết mắt trời
 chẳng xa.

Kia chính-định xưa là Cự-lộc,
 Đất bình-sa dân tộc kiếm cần,
 Có bia cổ lý Triệu-Vân (7)
 Có Long-hưng-tự trăm phần
 nguy nga.
 Tượng đại phật bảy mươi hai
 thước,
 Vốn đời Tùy đời trước chú
 thành.
 Trưng tu thuở Tống triều Thanh
 Lam cung xanh biếc, bia đình
 vàng tươi.
 Kia Tân-lạc-Hy, (8) Hoàng thánh
 lý,
 (1) Con sông phân giới hai tỉnh
 Hà nam và Trực lệ.
 (2) Một ông vua đời Ân, (3) Dự
 nhượng một quyền thần nước
 Tấn đời xuân thu. (4) Phùng
 Đường, người đời Hán võ Đế.
 (5, 6) Điềm báo trước vua Quang
 vũ khởi binh và vua Quang vũ
 thua trận khi qua sông Ô-đà.
 Nước sông bỗng đóng giá, quân
 Quang vũ chạy thoát được qua
 sông, khi giặc đuổi đến thì già
 tan, thành nước.
 (7) một hồ tượng của Lưu-Bị,
 (8) Phục Hy hoàng đế.

HOA TRÌNH LÂM KHỨC

Nọ Định châu Nghiêu đế cố đô,
 Vọng đô suối ngọt cảnh u.
 Lăng bà Nghiêu mẫu miếu vua
 Đào đường
 Gân Mãn-thanh có làng quang-vũ
 Quách-Ngỗ (9) xưa quê cũ cũng
 đây.
 Lại qua Bảo-định phủ này,
 Tỉnh thành Trục lệ (10) định
 ngày kiến an.
 Tỉnh tổng tạ vãng hoàn như lễ,
 Rồi từ hành chiếu lệ đổi xe,
 Kinh đường An-túc huyện kia;
 Tiếng truyền Yên-quán nền
 ghi Kim-đà (11)
 Sông Dịch-thủy nhớ người
 tráng-sĩ,
 Ngọn thu phong cảm kẻ phân kỳ.
 Nên thua chuyện cũ bàn chi,
 Định-hưng này đến sông kia
 Mã-đầu.
 Kia Tân thành, Trác-châu giao
 giới.
 Miếu Hoàn-hầu (12) treo chơi
 biển vàng.
 Hãy còn cô tỉnh trong làng.
 Hãy còn cô-chúng bên đường
 như y.

Lâm tang thôn là quê chiêu liệt,
 (13)
 Tình nghĩa sơ khéo kết nên
 thân,
 Hai bề ca đệ, quân thần,
 Vườn đào muôn kiếp dăm phần...
 (mắt hai chữ)
 Yên Đan (14) với Ô Kỳ (15) thuở
 trước,
 Chén đồng cừ dẫu tạc Hoa
 dương,
 Cầu đầu trăm trượng bề trường,
 Đá xanh vỉnh tế, Đình vàng
 ngự thi,
 Phong sơn huyện, lưu ly cầu ấy,
 Đá xây nên trượng bảy mươi dư,
 Sắt vương ai cấm bao giờ,
 (9) Kinh đô cũ của vua Nghiêu.
 (10) Phủ Bảo định là tỉnh ly
 Trục lệ.
 (11) vua Chiêu vương nước Yên
 lập một đài cao trên đồi nhiều
 vàng nên gọi là Hoàng-kim-đà.
 (12) Trương Phi.
 (13.) Lưu Bị, tức Thục tiên chủ.
 (14.) Thái-Tử nước Yên.
 (15) Một tướng cũ của vua Tần
 chạy trốn sang nước Yên, tự
 đâm cổ chết cho Thái tử. Đan
 mượn thủ cấp đem nộp vua Tần.

HOA TRÌNH LÂM KHỨC

Chiếc sào giữa nước tro tro
 vũng vàng.
 Truyền rằng cửa Ngạn chương
 (16) cổ vật.
 Sự lâu năm biết thật hay hư.
 Lương hương vốn đất Yên xưa,
 Miếu thờ Nhạc nghị (17) tháp
 thờ Dương công.
 Lê miếu khám (18) tỉnh hồng
 đơn bộ.
 Lư câu kiều (19) sương số điểm
 qua,
 Tang kiều đây vốn cổ hà,
 Đồi Kim xây đá gọi là Lư câu.
 Trong bát cảnh, cảnh cầu là
 một,
 Bia triều Thanh ngư bút có thơ,
 Quan thành cũng chẳng bao xa,

Quảng ninh vào cửa đây là Yên
 kinh,
 Qua Hoàng Thành Đại thanh
 môn ngoại;
 Bồng tới nhà vương hội bộ
 đường. (20)
 Y quan qui tấu biểu chương,
 Đường quan tiếp thụ lễ thường
 ven xong.

Hết

(16) Một tướng đời Ngũ đại. (17)
 danh tướng nước Yên.
 (18) Chỉ có vua Thanh miên
 khám xét các cổng phủ.
 (19) Một cái cầu rất đẹp bắc
 qua sông Tang kiên.
 (20) Nơi triều Thanh tiếp sứ bộ.



Đông midol Trị các chứng đau nhức
 và cảm cúm.
 CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
 360/817/800C



nỗi buồn trên cao

Hoang liêu mở lối đưa hồn,
Văng thơ 18 chập-chờn bóng xưa.
Nẻo về gió cuốn xa đưa,
Người đi trên lối nắng mưa gọi buồn.
Một mình cuối mặt cô-đơn,
Nghe hồn lên tiếng van-lon nã nề.
Đường dài soi bóng người về,
Kê đi giữa chốn bốn-bề mệnh-mang.
Sao cho người hết ngộ-ngàng,
Phút qua, mỗi phút lại càng thêm xa.
Nhớ chi nhớ tựa hải-là ? !
Thương chi thương mãi như là núi non ? !
Một mai tôi chết chẳng còn,
Nhớ thương người thả theo dòng Hương-giang.

NHẬT-HUYỀN-THANH
(Hoàng-Điệu. Pleiku)

TÚ QUỲ

✧ GIANG-TRANG
X. 64—XI. 65

Trong việc sưu-tầm, tìm kiếm thơ-văn của các cụ xưa, người ta đã vấp phải nhiều trở ngại lớn-lao, đó là sự thất-lạc vì chiến-tranh tàn-phá, lịch sử từng ghi lại những «trang sử phần thư» (1) đã làm cho chúng ta ngậm ngùi tiếc rã.

Những cuộc đời phá cuồng-điên của bọn người hiếu-chiến đã làm nghèo đi cái gia-tài Văn Học cổ Việt-Nam, khiến cho ngày nay có nhiều kinh-sách mà người ta chỉ biết danh chữ chưa hề đọc đến. Nhiều sách cổ của ta bị biến mất từ những năm quân Mông-cổ tràn sang đánh-phá Thăng-Long (1257, 1258 và 1287), kể đến, những cuộc phá-phách của Chế-Bồng-Nga (Chiêm-Thành) trong những năm nhà Trần suy-nhược (1371, 1377 và 1378).

Thế rồi, sang thời Minh-thuộc, nhiều sách sử còn sót lại cũng

bị tịch-thu đem về Kim-Lăng bên Trung-quốc cả.

Những biến-cố lớn của thư tịch như đã nói trên đã làm cho nhà khảo-cứu văn-học ngày nay khó phần tìm kiếm.

Sở dĩ chúng tôi hơi đông dài như vậy là vì không ngoài mục-đích tự nhắc cho chúng ta thấy rằng : đến những tài-liệu văn-học đã được in thành sách vở hẳn hoi mà thời gian với những cuộc giao-động của lịch sử đã làm hao đi, huống vì một vài cuốn thi-văn, chép tay cất giữ làm gia bảo thử hỏi sao cho an toàn được ?

(1) «Những trang sử phần thư» của Thiện Sinh đăng trên «Bách Khoa» số 87, sau đăng trong «Tin sách» số tháng 10-11 và 12 năm 1961.

TU QUỲ

Vã lại trong thời chiến tranh, tính mệnh của con người còn nhẹ hơn lông hồng nói chi đến thơ cùng văn, những sách cùng sử !

Những tác phẩm của cụ Huỳnh Quý cũng cùng chung số phận ấy. Sự trạng này đã làm cho công việc giới thiệu cụ phải vương vấp nhiều nỗi khó khăn. Hôm nay tưởng nhớ để Huỳnh Quý chúng ta không khỏi không có những dè dặt, băn khoăn, thương cảm cho một chân tài lỗi lạc, nhưng lại lu mờ, lẫn khuất, ít ai biết tiếng, biết danh. Ngoài một vài quyển sách do những người đồng hương viết ra mới có nói qua về nhà Nho này, như quyển «chương dân Thi-thoại» của nhà văn Phan Khôi, còn hồ đư không ai biết đến.

Duy có những vị Lão-thành ở đất Quảng-nam chỉ còn mừng trượng vóc-dáng Huỳnh-Quý bay vào ra nơi thôn-ấp và những người dân quê chất-phác nơi này vẫn còn nhớ mãi những câu đối, những văn-thơ hi-lộng nô-m-na do cụ sáng-tác.

OoO

Huỳnh-Quý người làng Giảng-Hòa, nay thuộc quận Đại-lộc, tỉnh Quảng-nam. Cụ sinh vào năm nào chưa ai biết rõ; chỉ biết cụ sống đồng thời với Phạm-Liệu, Phạm-Tuấn, là những nhà nho nổi tiếng ở đất Quảng-nam, nghĩa là vào khoảng năm 1890. Thuở nhỏ Huỳnh-Quý từ Đại-Lộc sang Duy-Xuyên, một quận kề cận, xin thụ giáo tại nhà một ông đồ nho tại làng Cồ-Tháp. Sau, thi Hương đậu Tú-tài nho-học, từ đó, cụ về quê nhà thương giao-du với các bạn học đương thời như nhà cụ Tư-Thiệu ở Hà-Nhuận, nay thuộc xã Xuyên-Thái, cũng ở phủ Duy-Xuyên.

Tính người lanb-ợi, có tư chất thông-minh, am tường Nho-học sớm và thông hiểu thơ-phú, người đời thường biết danh Tú-Quý qua những giai-thoại văn-chương trào-lộng trong đó người đóng vai chính là cụ, hoặc qua những câu đối mà cụ đã không ngần-ngại viết cho người đồng xứ mỗi khi họ có tang lễ, cưới-hỏi hay trong những dịp tết, nhứt v.v...

Nhưng, tính-tinh cụ rất phóng khoáng và nhà nho lại rất «thâm»

TU QUỲ

nên 1 lần có người đến xin chữ biếu đề treo nhà mới, cụ lạ làng lấy bút đề ba chữ như rồng, như phượng : «Nhuận nhi ngã» để rồi người đời được một phen cười tức ruột:

Nhuận nhi ngã : nuần hai ta : Nhà hai Tuân. Thế là ông chủ ngôi nhà mới, Hai Tuân phải một lần bấm bụng «hạ thổ» tắm biển xuống.

OoO

1 Về câu đối : Cụ rất sở trường. Năm ấy nhân ngày Tết đến Tú Quý lấy hai tờ giấy hồng-đơn viết hai câu đối dán trước ngõ để đón chào năm mới, luôn tiện nói lên cái tinh đơn-giản của mình :

«Đỏ đen dán cột một câu, ấy gọi mình niên lấy có»

«Mặt lạt kéo kéo ba bữa, kéo đờn xuân nhứt rằng không.»

Nói thì vậy chứ oéo trong nhà có đủ bánh chưng, bánh dầy, dưa, hành, thì có sao. Đây cụ còn cố ý để răn người đời nên đơn-giản thì hơn; chúng ta phải tùy theo hoàn cảnh mà sắm tết chớ nên chạy đua với người làm chi cho chết xác.

Lại một câu đối Cụ Tú viết cho mấy người góa phụ đến xin đôi liễn thờ chồng, những ngu phũ chẳng may bị nạn sau cơn giông-tổ ngoài bề khơi :

«Chích cánh buồm loan, một thăm một sàu mười bức-rức.

«Gây cây chèo quế, ba chim bảy nổi sáu lênh đênh».

Thật tài tình, cụ đã gói ghém trong vẻ đối hai cảnh đau thương và buồn thảm của người trong cuộc. Người chồng chết thăm thương (một thăm) để người vợ ở nhà sầu khổ (một sàu) cho cái kiếp con người nhô-nhoi trước đại-dương bất ngát. Cụ còn khéo gợi lại cái nghề của người chèo bằng cách gắn vào mấy chữ «cánh buồm», «cây chèo», «lênh đênh».

Ông Tú thi ngao đư phóng khoáng, bà Tú ở nhà nuôi tầm nuôi heo đúng với cương-vị của một người đàn bà nhà quê. Heo nuôi chỉ mong kiếm lợi hay đầu thời tiết chẳng lành cho heo mắc dịch, thấy vậy ông Tú đã không tiếc rẽ mà còn đùa vui bằng câu đối xuất khẩu :

«những tưởng nuôi cho hip mắt, chẻ lòi xâu lấy tiền quan.»

TÚ QUÝ

« Nào hay chết nghèo ngay đuôi,
bắt nước lên làm thịt quách»

Đã giỏi mà lại tài, con người
quân-tử nho lúc nào cũng giữ
tĩnh-tĩnh một mực, dầu của-cải
có hư-hao, thủy chung như
bất, cụ vẫn vui, vẫn bình-tĩnh.

Đã thế cụ lại rất cương-trực
có sao nói vậy dù nói về mình
hay nói về người cũng thế.
Nhưng, bất cứ trường-hợp nào
hề nói ra thì vẫn một giọng
khô-hai đặc-biệt. Năm nọ, tại vùng
Gia Cốc, thuộc quận Đại-lộc.
quân ta đụng độ với Pháp, sau
một hồi giao tranh, nghĩa quân
đã thất bại nặng nề. Được tin
này Huỳnh Quý đã rất khách
quan khi viết hai vế đối :

«Dinh Gia-cốc đánh chơi vai
chấp, chết năm một, bị thương

«năm một, nọ Quân vương
đền đáp thế xong rồi,

«Quân Tả Tây kéo đến bai phe,
đi sáu mươi, về sáu mươi
«trách Trời sao nở binh vực
nó.»

2-Về hát nói: Phạm-Liệu, người
sống đương thời với cụ Huỳnh.
ở Phủ Duy xuyên, nhân khoa

thi hội năm Mậu Tuất (1893) (2)
đã «dù võng nghênh ngang giữa
xóm giềng» Tú Quý hay tin liền
làm một bài thơ theo thể hát
nói đề mừng bậu «tân Tiến sĩ» :

«Xót tuổi già can phận bất tài.
«Mà cho quạt, cho quạt, cho quạt.
«Sông Trường thủy càng dài
càng chẳng dứt.

«Trời Nam Việt hãy còn nhiều
mưa móc,
«Tuần Ngải tuê như rồng mây
gấp hội,

«Này các, này điện, này công,
hầu, bá, tử,

«Cấp quan giai nhẹ gót bước
lần lần,

«Như vậy mừng lấy chi cần.

(2) : Trong khoa thi này nho sĩ
Quảng nam đã chiếm được tỷ
số 5/18 trong số những người
chiếm được bằng vàng. Năm vị
ấy là : Phạm Liệu, Phan Quang,
Ngô Lý, Phạm Tuấn. và Dương
hiên Tiến. Vua Thành Thái ban
cho năm vị trên 4 chữ «Ngũ
phụng tề phi». năm con phụng
cùng bay.

TÚ QUÝ

3- Về Đường luật : Chúng tôi
muốn giới thiệu Huỳnh Quý với
nhiều sắc thái thi văn để người
đọc được nhân tâm và luôn dịp
nhận định nhân tài của cụ. Tuy
những bài thơ này không phải
là tiêu biểu cho văn nghiệp
Huỳnh Quý.

Nhân đi xem hát bội, cụ Huỳnh
Quý có bài thơ như sau :

«Nhỏ mà không học lớn làm sang
(3)

Trống đánh ba hồi đã thấy
quan,
Ra rạp ngồi trên ba đũa hệu.

Vô buồng đứng dưới mấy ông
làng,

«Mượn màu sơn phấn ông kia,
nọ

Còi lốt cần đai chú điểm đang
Tuy chẳng ra chi nhưng cũng

Đã từng tựa mắt lại phùng
mang»

Bài thơ trên đây có một giọng

châm-biểu chua cay, chẳng khác
nào bài «Lũ hát tuồng» của nhà
thi sĩ ở đất Vị-Xuyên, Tú-Xương :

«Nào có ra chi lũ hát tuồng!

Cũng hề, cũng hót, cũng y uông !
Dẫu rằng đối được đàn con trẻ.

Cái mặt bôi vôi nghĩ cũng buồn».

4- Về trào-phúng: Về thơ trào-
phúng của Tú Quý có lẽ thú vị
nhất là bài «Vịnh chiếc đồng hồ
con cu», nhưng ở đây chúng tôi
chỉ xin đơn-cử một bài thơ tiêu
biểu cho giọng trào phúng của
cụ:

Bài thơ cạo đầu.

Phất phơ trên trán hoa râm điểm
Hiếu đề ngoài da cóc mốc gi
Nỡ đề rộn ràng cơn gió bụi
Thà rằng mặt mẽ đáng Từ-bi.

(3) Trong cuốn «Việt thi» câu
này của Trần trọng Kim chép:
«Nhỏ mà không học lớn làm
ngang».



Tóm lại, về thơ, phú, liễn, đối của cụ Tú Huýnh-Quý người dân ở Quảng-Nam biết đến rất nhiều, họ truyền đọc, họ tán-tụng cụ như một chân tài, bởi vì hầu hết những bài thơ của cụ, ngoại trừ những bài thơ Hán-tự, còn phần nhiều rất hợp với tinh-tinh của người bình dân chất phác: nôm na, không chau chuốt, không gò bó. Tuy nhiên, trong phạm vi bài này chúng tôi không muốn tham lam vì ngoài những bài thơ đích thực của cụ còn rất nhiều bài khác chưa đủ chứng cứ để xác

nhận rằng cha đẻ của nó là ai (4).

(4) Ví dụ, trong Tạp chí Phổ thông năm nào, độc giả đã có nhiều ý kiến mâu thuẫn về cha đẻ của bài thơ « nước lợ », người thì cho rằng bài thơ ấy của cụ Tú Huýnh Quý, người bảo của cụ Hoàng Diệu, rồi Lê Trung Đĩnh, rồi Nguyễn đình Chiểu, rồi Ông Ích Khiêm, khó mà bảo rằng ai phải. Việc « bứt râu ông nọ, cắm cằm bà kia » đã thường xảy ra trong lịch sử văn học.



— Tôi xin chừa...

Một anh binh nhì được nghỉ phép, khi trở về trại, say túy lúy. Viên chỉ huy trưởng gọi đến bảo :

— Tại sao anh cứ rượu chè mãi vậy ? Tôi nhận thấy anh là một người rất tốt, nếu anh chừa hẳn rượu, đừng bê bối, anh có thể lên cấp bậc Trung-sĩ... Thượng-sĩ... rồi Chuẩn-úy...

Anh bị h nhì gật gù khoái chí :

— Vâng, em xin chừa, nhưng...

— Còn nhưng gì nữa ? ...

— Thưa Đại-úy, em còn một lít ba-xi-đề mà vợ em vừa gửi cho, để em tu cho hết lít này rồi em sẽ chừa.

— L... l...



ĐANG CAY

Nếu đọc được những dòng này, X. hãy tha thứ cho tôi LAN

(Tiếp tiếp P.T. số 213)

Chị hai nhìn tôi :

— Em về đây mượn chị gì nữa ?

Tôi buồn lắm.

— Em ở lại với chị,

Chị hai mừng rỡ :

— Em ở lại với chị ... Thật nha.

Tôi gật đầu.

— Thật. Bây giờ nói làm sao với cô năm hả chị ?

Chị hay suy nghĩ, bần khoản.

— Cô năm khó tánh quá. Nói làm sao đây. À để chị năn nỉ với cô năm cho. Rồi em xin lỗi cô.

Chị lại nhìn tôi.

— Sao em buồn quá vậy Xuân.

Tôi ngược mắt nhìn không trả

lời. Tôi muốn chị biết những gì đã xảy ra qua ánh mắt tôi, Chị xoa đầu tôi như ngày còn nhỏ.

— Bây giờ em thay đồ rồi vô giường chị nằm. Em thiếu ngủ phải không ?

Tôi chẳng buồn trả lời. Dù đêm qua không ngủ nhưng giấc ngủ đến với tôi rất khó. Chị Hiền, chị sáu, tất cả đều không ngờ tôi rời Mỹ Tho một cách rất lặng lẽ. Bao nhiêu kỷ niệm lờ mờ chen lẫn trước mắt tôi.

— Xuân ơi ra chị bảo.

Tôi mang dép vội vàng:

— Chị kêu em ?

— Em lại xin lỗi cô năm.

Tôi ấp úng :

— Con ... con xin lỗi cô năm. Cô năm không gay gắt như tôi tưởng.

— Máy nay con ở đâu?

— Mỹ Tho.

— Ở nhà ai?

— Nhà chị sáu Tâm.

— Con vẫn được đi học?

— Dạ được

— Ai cho?

— Chị sáu.

— À năm nay con học tới lớp mấy rồi?

— Đệ Tứ.

Cô năm tỏ vẻ thương tôi:

— Mau quá, ngày con trốn đi mới có 12 tuổi. Con còn bé bỏng quá lúc ấy cô lo ngại cho bước chân của con. Nhưng cô biết làm sao tìm được con.

Cô năm ngừng lại. Tôi biết cô chờ một câu nói biết ơn của tôi. Tôi vẫn yên lặng. Tại ai mà tôi đi? Cô năm tiếp:

— Giờ con về đây ở với cô.

Tôi gạt đầu.

Chị hai cho tôi đi học. Lòng chị bao la như người mẹ. Còn tôi.

Tôi là con người ích kỷ, ngang ngược. Tại sao tôi chỉ biết có tôi? Chỉ biết lo cho tôi?

Năm ấy đậu được bằng trung học. Tôi làm đơn xin vào trường công lập Tân An. Thủ tục đó ít học sinh nên nên học vấn của tôi ít bị cản trở.

Một năm trôi qua. Tôi bám vào chị hai như loại cây ký sinh. Rồi bị năm phôi nên chị ấy về quê dưỡng bệnh. Tôi lại trở về với cuộc đời bơ vơ. Lúc này tôi khổ hơn bao giờ hết.

Có những người học sinh may mắn. Suốt thời gian ở nhà được học. Tôi không được cái may ấy. Ban ngày thì đi chợ nấu cơm. Vừa xong thì đem nút, kết khuy lương áo. Quá nửa đêm tôi vẫn còn ngồi ở bàn học. Tôi biết học như vậy là có hại nhưng tôi có thể nào làm hay hơn.

Má ơi, lúc này má ở đâu? Má có biết rằng con ham học lắm không? Má biết rằng con đang buồn tủi không?

Trong lớp tôi là một người học sinh dở nhưng ngoài đời tôi là một cô bé đảm đang. Dù không cần tiếng khen «giỏi quá»

tôi cũng phải nhận. Tôi chỉ cần học nhưng sang năm đệ nhị tôi học rất kém dù có chí. Tóc tôi như ngày xưa. Chị sáu yếm bảo thật khê:

— Hay là em về nhà. Em xuống thăm chị sáu Tâm hay Quỳnh. Chị muốn em đi chơi cho vui buồn.

Em nên về nhà. Hai bác vẫn còn thương em.

— Chị đừng dối. Hai bác thương một đứa bé mồ côi chứ không bao giờ thương em.

Chị hai nhìn tôi thật lâu.

— Em đâu biết những điều bí ẩn chung quanh...

— Ai.

— Sau này em biết. Bây giờ em về thăm hai bác đi. Nghe lời chị đi Xuân. Em đi đã 7 năm rồi. Bác trai vẫn thương nhắc em. Bác gái vẫn vẫn lo ngại cho em, không ai ghét em đâu.

Tôi nhớ lại cái gia đình đã nuôi tôi. Vui có, buồn có, buồn vẫn nhiều hơn vui. Tôi nuối tiếc những ngày vô tư ấy.

Sau 7 năm rời bỏ nơi đây. Tôi theo chị hai trở về thăm hai bác. Chị chỉ cho xem những kỷ

Những bạn tôi, thầy dạy tôi đều nghĩ rằng tôi lười học. Tôi đau khổ với tôi. Không ai hiểu được hoàn cảnh này mà thông cảm dùm tôi. Nhiều khi tôi muốn bỏ tất cả. Trường học, ngôi nhà này, tỉnh Tân An... còn bao nhiêu hy vọng của chị hai, tôi bỏ làm sao được?!

Cuối năm đệ nhị, chị hai hết bệnh trở lên Tân An. Gánh nặng của tôi rơi bớt. Tôi là kẻ bị thương. Chị hai là người tiếp máu. Vết thương của tôi quá nặng, những giọt máu ấy rất quý nhưng không kết quả gì.

Hay tin tôi thi rớt, chị hai không trách một lời. Tôi đoán rằng chị hiểu hoàn cảnh của tôi. Chị thương tôi. Trong lúc cô năm rầy la, chị lại an ủi tôi:

— Hồng keo này bày keo khác,

Tôi gục đầu vào vai chị. Tôi khóc nức nở. Những giọt nước mắt ấy tôi đã để dành từ lâu. Những lúc giáo sư chê học dở. Những lần bạn tôi khinh ra mặt hay cô năm cản gận. Chị vượt

ĐĂNG CAY

niệm ngày thơ. Từng gốc dừa, từng bụi tre, bến bờ sông sau nhà. Cây mận tôi trồng đã có trái. Cây gòn thêm hai tầng lá. Tôi vẫn phân biệt được những đôi thay dù chập chạp của thời gian. Còn lòng tôi? Có thay đổi không? Tôi biết rằng tôi đã đổi nhiều lắm. Từ tuổi tác đến hình dáng. Bác hai vẫn nhận ra tôi.

— Con đi đâu lâu quá không về đây?

Tôi cúi đầu. Chị hai gỡ rối

— Nó vừa thi rớt tú tài I, con biết nó buồn lắm. Ba đừng làm nó buồn thêm.

Bác hai nhìn tôi.

— Bây giờ con đi nghỉ đi.

Nằm trong phòng, tôi nghe chị hai kể lại cuộc sống của tôi bảy năm qua. Có lẽ chị không biết rằng hai năm đầu tôi sống với chị Hiền. Tiếng bác trai vang lên;

— Tôi nghiệp số phần của nó lận đận quá.

Thành kiến không thương tôi vẫn còn. Bác gái hơi gắt:

— Lận đận là tại nó chứ ai.

Phải rồi tôi sống cuộc đời

gian truân là vì tôi. Tôi cũng biết như vậy, và tôi không bao giờ trách ai cả.

Không sống trong gia đình này lâu được. Tôi lại theo chị hai lên Tân An. Tôi vác hồ sơ tìm việc khắp nơi. Chị Tâm giới thiệu cho tôi làm sở Mỹ. Hai tiếng sau cùng đã làm cảm tình của tôi dành cho chị vui đi một ít. Tôi tự hỏi tại sao mình vô lý như vậy. Chị sáu thương tôi mới tìm việc làm cho tôi. Thế là tôi trở về Tân An với nghề đơm nút áo. Tiền học đệ nhị mỗi tháng 350đ, trong lúc tiền may một cái áo dài 40đ. Sáu năm ăn học bây giờ chỉ sống với gia đình. Tôi nhớ đến cái tuổi 19 của chị Liên, chị ấy đã tâm sự với tôi những gì? Còn tôi, 19 tuổi, tôi sống khác hoàn toàn với tuổi của tôi. Tôi có cảm tưởng rằng tôi còn bé bỏng trong khi «người ta» nghĩ rằng tôi đã lớn.

Mỗi lần tôi đi chợ. Tôi biết từ khung cửa kia có ánh mắt theo dõi tôi. Khi tôi trở về, hẳn lại nhìn tôi. Tôi nhìn hẳn thì hẳn rụng về quạ. Đáng thương quá. Tôi nghĩ rằng cả tôi lẫn hẳn đều còn bé nhỏ. Phải cần có thời

ĐĂNG CAY

gian. Thật ra hẳn không làm tôi bận tâm đối với tôi. Tôi chỉ cần việc làm. Cần làm ra tiền.

Một lần tôi xuống thăm chị sáu. Chú hai ở cạnh nhà chị gọi:

— Cháu Xuân mới xuống đó hả?

— Dạ

— Qua chú hai biểu coi.

Tôi không hiểu chuyện gì đã xảy ra? Có liên quan đến tôi.

— Năm nay cháu bao nhiêu tuổi trên giấy tờ?

— Trên giấy tờ cháu 22 tuổi.

— Tốt lắm. Chú hai đang làm ở quầy hàng quản tiếp vụ Gò Công. Hiện quầy hàng ấy thiếu một người thợ kỹ dân sự.

Tôi mừng rỡ vô cùng: Chú hai tiếp:

— Nếu cháu muốn đi làm thì mai này đi với thiếu hai.

Tôi trở về Tân An thu xếp đồ đạc. Một lần nữa tôi trốn chị hai, cô năm. Tôi muốn khi nào có việc làm chắc chắn tôi sẽ báo tin cho chị hai. Bao giờ cũng chị tôi trên hết.

Đường xuống Gò Công thật hoang vu. Qua bắc chợ Gạo, nhìn những phu đang kéo dây cáp sắt. Tôi tưởng tượng đến Gò Công với những ngôi nhà cổ kính hiên. Những khu phố được ủ trong vòm cây rậm rạp. Những cô gái cuối thế kỷ 19 vượt thời gian, sống ẩn náu ở Gò Công. Thật ra Gò Công không tệ như tôi tưởng tượng.

Dù nhỏ hơn Mỹ Tho, Tân An, nhưng Gò Công là một thành phố yên tĩnh. Không có snack bar. Không có nhà hàng, cũng không có chiếu đài viên. Tôi tìm thấy ở Gò Công một bộ mặt hiền hòa, nhút nhát của cô gái quê.

Tôi sống những ngày thật trầm tĩnh ở Tiểu khu Gò Công. Tôi phải mượn tiền thiếu hai để may thêm áo dài. Không có tiền, tôi không được về nhà. Buổi chiều tôi hay ra phía sau tiểu khu ngồi bên gốc cây. Tôi tìm một bóng người đi ngang qua. Ở đây vắng lặng quá. Tôi đơn độc, con chim về tổ muộn. Tôi đến đây như một con chim đuối cánh trong cơn bão. Mặc cho dòng đời đưa đẩy.

Tháng sau chú hai mượn được

một căn phố nhỏ. Đến ở căn này, tôi quen được Yến và tôi tìm thấy ở Yến ít nhiều hình ảnh của tôi. Cũng ham học, cũng bận việc nhà với vai chị cả của sáu, bảy đứa em. Yến hơn tôi vì có ba má nhưng ba má của Yến lại không hiểu Yến. Không bao giờ tôi thấy Yến ngồi ở bàn học được 20 phút. Má Yến sai Yến làm việc rất nhiều. Ba Yến thường rước bạn về nhà uống rượu. Có lần tôi tỉnh giấc lúc nửa đêm. Tiếng rượu, tiếng cười vẫn vang lên. Tôi nhìn qua kẻ vách. Yến ngồi yên ở bàn học. Đầu gục xuống quyền sách đang mở. Tôi tưởng rằng Yến học bài. Không ngờ tôi nghe tiếng nấc nghẹn nghẹn, nho nhỏ. Tôi gọi.

— Yến.

Yến nhìn lên :

— Đi qua em chơi chị Xuân.

Tôi vuốt tóc Yến. Bây giờ chỉ có tôi. Có tôi hiểu được hoàn cảnh của Yến mà thôi.

— Sao khuya rồi Yến không ngủ ?

Có lẽ rằng tôi đã hỏi một câu thừa, hay tôi là một giọt acide

đur của phản ứng trung hòa. Yến vẫn khóc. Tôi biết rằng khó khăn được một dòng nước làm vờ đê.

— Yến học chị không cần nhưng sức khỏe mình là quan trọng hơn cả. Thi rớt kỳ này Yến còn thi được kỳ khác. Năm nay qua, năm khác sẽ đến. Còn sức khỏe, lỡ Yến bệnh thì sao ?

Yến chột nói:

— Không ai giúp đỡ gia đình. Cả tháng nay, nếu ngồi lâu em cảm thấy đau nhói ở giữa lưng.

— Yến thức khuya quá coi chừng bị nám phổi. Triệu chứng của nám phổi, là như vậy đó.

— Chị không biết năm nay là năm quyết định nhưng chắc em rớt quá.

— Em học trường công lập, nếu rớt tú tài họ không cho học lại sao ?

Yến nhìn thẳng vào mặt tôi. Mắt Yến xanh như tàu lá. Mắt Yến có vẻ khờ khạo vì thiếu ngủ. Tóc Yến khô cứng vì thức khuya, Yến nói có vẻ sành đời lắm.

— Chị ra đời trước em: Thế nào

chị cũng nhận thấy rằng đời lắm bất công. Em là nạn nhân của sự bất công ấy.

Trong gia đình em không nói làm gì. Còn ngoài xã hội, Chị nhìn lại em, một người con gái không đẹp, không giàu, không học giỏi, không thân thế làm sao để được hội đồng giáo sư cho học lại.

Tôi nghĩ rằng Yến nói có lý. Chính tôi đã hứng chịu những sự bất công ấy. Nửa đêm còn lại, tôi phải trả yên tĩnh về cho Yến. Tôi không ngủ được. Tôi nhớ đến chị Liên rồi đến những người còn sống ở Tân An. Sáng hôm sau, trời còn sương mù, tôi đã thấy Yến đi đổ rác. Trở về Yến bảo.

— Chị thấy không, đời em khổ cực quá.

Tôi an ủi Yến :

— Không khổ đâu. Người ta thường nói rằng hết sương đến khô.

— Sung sướng đâu không thấy. Từ ngày em chào đời đến bây giờ em chưa hiểu được chữ đó.

— Vì trách nhiệm em quá nặng phải không Yến ?

Yến cúi đầu.

— Rồi khi nào cất được gánh nặng ấy là lúc đời Yến hết khổ.

— Làm sao để cất gánh ?

— Sẽ có ngày.

— còn lâu lắm chị Xuân.

— Không xa đâu.

Giọng nói bi quan của Yến làm tôi nhớ đến chị Liên, Yến thi đậu và đã về quê vì bệnh lao phổi. Yến đành nghỉ học để dưỡng bệnh.

Ngày giấy gọi nhận việc làm của Yến đến tay tôi là ngày tôi đốt nhang tiễn Yến xuống nấm mồ. Mảnh bằng, vệt làm có nghĩa gì đối với một linh hồn ?

Những giọt nước mắt thi nhau rơi bên Yến. Tôi không cảm một gia đình khóc người con gái đầu lòng. Tôi không nở nói ra những gì thật sự làm cho Yến chết. Tôi không muốn má Yến đau lòng. Tôi nghĩ rằng ngày Yến còn sống, những giọt nước mắt của bà cần hơn bây giờ.

Yến chết rồi, tôi lại trở về cuộc sống cô đơn. Quá khứ lại kéo đến với tôi. Để giết thì giờ. Để làm quen với hiện tại. Tôi

ghi lại những gì đã qua trong đời tôi.

Một hôm đi làm về tôi nhìn thấy xấp giấy này trên tay thiếm hai. Tôi mỉm cười để dấu nét hoảng hốt. Đợi tôi thay đồ xong thiếm hai mới hỏi. Nhưng bối rối còn lẫn trốn trong lòng tôi.

Giọng nói thân mật.

— Mày ghi lại với sự thật

— Thật.

Thiếm nói lên nhận xét.

— Tao công nhận mày ngang ngược thật. Mày không có tính chịu đựng nhưng bù lại mày có tính khôn ngoan. Có lẽ là nhờ mày bước ra đời quá sớm.

Tôi biết thiếm hai an ủi tôi chứ tôi không khôn như thiếm tưởng. Tôi trả lời :

— Nếu khôn thì con tìm được má rồi.

— Mày muốn có má lắm hả ?

— Ai cũng vậy. Có mẹ vẫn hơn là không?

— Nếu những dòng chữ này ghi đúng sự thật thì đi ba chính là má của mày.

Thiếm hai tưởng tôi sẽ ngạc

nhien. Tôi không đề lộ về ngạc nhiên, chính vì tôi thấy một dấu hỏi to, trông đang chạy đến gần tôi. Đi ba là má tôi? Có nhiều đêm tôi cũng nghĩ đến điều đó.

— Nếu đi ba là má con... Con sẽ không nhìn má con đâu.

Đến lượt thiếm hai ngạc nhiên,

— Sao vậy ?

— Vì...

Tôi cũng không biết trả lời ra sao ?

Cuối tuần đó, tôi lấy giấy phép nghỉ thường niên 8 ngày. Tôi trở về Tân An. Tôi cố moi trí nhớ con đường về nhà đi ba.

Sau gần 10 năm. Tôi trở về đây. Tôi không tìm được một hình ảnh quen thuộc nào cả. Căn nhà lá có hàng lựu trước ngõ, tôi không gặp. Hầu hết đều nhuộm màu tang tóc. Đi sâu vào đồng ruộng. Tôi liền thấy rõ hình ảnh kết cuộc của chiến trận. Ruộng đào lên như những ao. Nhà hoang siêu vẹo. Tôi tìm thấy hình ảnh thật của những cuộc quay phim. Họ đang quay cảnh đổ nát của một ngôi nhà gạch to lớn đồ sộ. Bền gạch đổ

người ta còn tìm thấy những vết cháy đen. Xa hơn nữa, một vài cột khói bốc lên như hơi thở nơi vùng băng tuyết. Một vài người lính thấy tôi đi lang thang:

— Kiểm anh hả cưng ?

— Của tao mày.

— Mời đi có chút mà kiểm rồi.

Những người ngoại kiều mỉm cười chỉ chỗ. Rồi cười phá lên một cách khinh bỉ. Tôi biết và hiểu tất cả những lời nói và những cử chỉ ấy. Tôi không cần ai hiểu tôi. Tôi cần tìm lại mẹ. Tôi sẽ khóc với mẹ tôi thật nhiều. Mẹ tôi cũng khóc.

Chỉ có một vật tôi nhận ra là dòng sông. Bây giờ dòng sông lớn ra nhiều lắm. Tôi nhớ một căn nhà có cửa quay ra bờ sông, có hàng lựu trước ngõ. Gặp nhà nào tôi cũng hỏi thăm đi ba. Không ai biết đi ba của tôi là người nào cả. Tôi không biết tên đi. Tôi cũng không nhớ được đặc điểm nào của đi ba 10 năm

qua. Trong trí tôi chỉ còn hình bóng của một người thiếu phụ bé nhỏ, mảnh khảnh. Mỗi đến chiều. Tôi đón xe trở về Tân An.

Đói, mệt và thất vọng. Tôi không muốn nghĩ đến gì hết. Ngày hôm sau tôi lại lên đường. Chị hai hỏi :

— Ngày hôm qua em đi về tối quá. Hôm nay sao em không ở nhà với chị ? Đi đâu vậy ?

— Em đi thăm một người bạn, Chiều em về.

— Về sớm nha em.

Tôi đã dối chị hai ba lần. Bốn ngày qua tôi đi tìm đi ba hay đi tìm má tôi ? 7 ngày liền tiếp tôi đã âm thầm tìm cho tôi một người mẹ. Tôi hoảng loạn thất vọng.

Tôi trở về Gò Công như một ông vua mất ngôi. Thiếm hai đón tôi ở thềm nhà :

— Sao ?

Đặng midol

1360/8V1/0000

trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

Tôi lắc đầu thay cho câu trả lời.
Thiểm hai hỏi tôi.

— Mày về tới đó?

Tôi gật đầu.

— Có hỏi thăm ai không?

— Có, gặp nhà nào cũng vô.
Không ai biết tin tức gì về người
thiếu phụ thứ ba trạc tuổi con
nói. Trước đây mười năm cũng
không có ai giống như con tã,

Tuy đi tìm mẹ nhưng tôi lại tự
hỏi «tại sao mẹ tôi lại bỏ tôi?»
Bác hai, chị hai, cô năm không
ai nghĩ rằng tôi đã biết được
những gì người ta cố dấu tôi.

— Xuân. Mày tìm được mẹ rồi
làm gì nữa?

— Con sẽ tìm cha.

— Mày nghĩ đến cha bao giờ?

Tôi bối rối.

— Chưa... Theo thiểm hai có
phải cha con đã dẫn mẹ con
theo V.C không?

Thiểm hai lắc đầu. Tôi hỏi
dồn.

— Ai?

— Bác hai.

Tôi mở to mắt nhìn thiểm
hai. Tôi sợ thiểm biến đi
Trong lúc thiểm kể lại.

Ngày xưa bác hai (trai) đã có
vợ, một con. Rồi tình cờ bác
gái nhận được một cái thư nặc
danh báo tin bác trai đang sống
ở Sài Gòn với một cô gái. Bác
ghen quá nhưng vừa lên đến
Sài Gòn thì cô gái trốn mất.

Sau mấy tháng bác gái có
công theo dõi mới biết cô gái
kia sắp làm mẹ. Nàng là một
người con gái cô đơn. Lợi dụng
sự bơ vơ của nàng, bác hai đã
tạo thêm một dòng con.

Bác gái ghen nhưng biết điều
Sau khi nàng sanh nở. Bác gái
dem đứa con rơi về nuôi.

... «Từ đó người mẹ không trở
lạ. Cha không bao giờ giám
nhìn con»

... «Cha đã gạt mẹ con. Cha

Dũng midol trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BX.T/ĐPDC

không khai sanh cho con. Để che
dấu dĩ vàng của con. Cha đã bịa
chuyện gạt con. Rồi bây giờ cha
sợ con thù oán. Con không sinh
ra đời dưới một ngôi sao xấu.
Nhưng con đã sống một cuộc
đời lận đận. Dù có ít nhiều may
mắn trên đường đời nhưng
những cái lận đận ấy là tự con
tạo ra. Tự con làm khổ. Con
không có quyền oán giận hay
trách ai cả. Cha mẹ, con không
oán hờn đần! Cha mẹ vẫn không
nhìn con.

Nếu không biết bác hai là cha
tôi, có lẽ tình cảm của tôi đối
với bác hai không đổi. Lần này
về quê, tôi mang một tâm trạng
khác lạ. Tôi vẫn gọi... cha tôi?...
bằng bác hai. Bác nhìn tôi với
cặp mắt triu mến. Tôi ngại
ngùng, nữa tôi muốn cho bác
biết sự thật. Nữa tôi muốn lắng
im luôn để bác khỏi hồ thẹn với
tôi, Tôi đã can đảm ra đi, Nhưng
tôi đã thiếu can đảm để nói...

(Còn 1 kỳ nữa)



LỚP NHẠC FLAMENCO

- * Lớp nhạc căn bản của các bạn yêu nghệ thuật.
- * Thời gian ngắn, kết quả mỹ-mãn.

Do G.S. Đào-Kim Tốt nghiệp Trường Q.G.A.N, hướng dẫn

Ghi tên : 205/1 Cô-Giang Phú-Nhuận.

Dũng midol trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BX.T/ĐPDC

mệnh thu



« Mến gửi hương hồn
Anh Lê-văn-T... »

Mùa xuân qua !
Đêm của mùa xuân đen
Ngọn đèn dầu bạc tỏa
Bóng anh và Tôi nghiêng nghiêng
Anh bảo đầy linh hồn tao đó
Sẽ bạc đầu trong tuổi còn xanh (!)
Tôi rùng mình — thăm nghĩ
Linh-hồn anh — Linh-hồn tôi
Hai linh-hồn chung nhịp thở
Có lẽ nào lại nở âm dương
Và
Mùa thu đến !
Mùa thu tiêu-diệu
Buổi chiều của đau thương — mất mát
Anh đi rồi — đi vào lòng đất
Tôi còn đây — đứng tựa thềm mây
Như ngày ngất ?
Thân anh còn đấy !
Hai linh hồn xa cách muôn thu
Tôi ngỡ ngàng
Anh tôi có biết (?)
Ai gây niềm thương tiếc xa xăm

kha... HUYỀN-LAN

Người khách đến chia buồn.

★ NGOC-TẤN

Một hôm bất ngờ tôi gặp hẳn
ngồi ở một góc phố. Thoạt mới
gặp hẳn, tôi hết sức ngỡ ngờ và
lâu lắm mới nhớ lại được
trường hợp nào tôi đã biết đến
hắn...

Tối hôm đó, gia đình tôi rất
đông đảo và bận rộn; vì là ngày
đám táng mẹ tôi vừa mới được
chôn cất xong lúc chiều. Hẳn có
mặt lúc nào tôi không biết. Tôi
tin chắc rằng mình chưa một lần
nào biết hẳn hoặc đã gặp hẳn.

Tôi đoán có lẽ hẳn là một trong
những người chỉ quen biết
riêng với mẹ tôi lúc sanh tiền
mà tôi không biết mặt, và hôm
nay hẳn đến để chia buồn với
gia đình tôi thế thôi.

Vừa thấy tôi, hẳn nhăn nhó
răng ra cười nhưng đôi mắt lại
lim dim trông có vẻ buồn thảm
lắm. Tôi còn nhớ, bộ điệu hẳn
lúc ấy thật đúng với cử chỉ một
người khách đến chia buồn với
gia đình có tang: chậm chạp, âu

sầu, không buồn nói.

Tôi vào rót nước ra mời hẳn,
hắn uống một lần là cạn tách.
Tôi mời hẳn vào nhà, hẳn không
nói gì nhiều chỉ khẽ nhếch
môi : « Dạ được » rồi lẳng lẳng,
chậm chạp theo tôi.

Dưới ánh đèn sáng choang,
bây giờ tôi mới có dịp quan sát
hắn kỹ càng hơn. Hẳn mặc chiếc
áo sơ mi màu trắng đã đổ thành
vàng đậm, cổ áo đã rách cùng
với chiếc quần tây xanh bạc
màu. Đầu tóc hẳn bù xù, da mặt
hắn màu nâu lợt, sần sùi có lẽ
sạm nắng lâu ngày, mắt hẳn lúc
nào cũng lim dim, dật dờ như
nửa nhắm, nửa mở ẩn hiện dưới
đôi mày rậm và dài. Râu mép
và râu cằm của hẳn ra khá dài,
không đều đặn, chỗ rậm, chỗ
 thưa. Toàn thể bộ mặt hẳn
dường như được bôi qua một
lớp mỡ nhờn bóng láng và ướt
ướt càng nhìn càng dễ sợ.

Hắn ngồi yên trên ghế rất lãn,

tôi chẳng thấy hắn nói và làm gì. Tỉnh thoảng hắn gật gật đầu vai cái, tay sờ cằm ra vẻ đang nghĩ suy gì lung lăm. Có lúc hắn cúi đầu nhìn xuống thềm nhà như đang trầm ngâm nghĩ ngợi. Điềm đặc biệt là hắn chẳng nói ai bao giờ, hoặc có nói thì chỉ nhìn từ khúc nửa thân mình trở xuống trông như hắn đang có một mặc cảm xấu xa gì to tát vậy. Người nhà đông đảo ra vào cung kính, hắn vẫn ngồi yên, bất động, duy chỉ có một lần độc nhất mà dường như hắn chờ đợi đã lâu là lúc người nhà vừa lạy cúng xong hắn nhẹ nhàng bước đến bàn thờ mẹ tôi, rút ba cây nhan, đốt lên, rồi cúi xuống vái lạy. Lạy xong, hắn lại lặng lẽ về ngồi chỗ cũ.

Tôi mời hắn ngồi dùng cơm, hắn nhếch miệng cười, lần này hắn cười ra tiếng, mắt mở to hơn. Tôi thấy rõ hai hàm răng thưa, to lớn, màu vàng đục. Trán và hai má hắn nhăn lại tạo thành những nếp dài, rõ rệt, trông đến khắc khổ, dạn dày.

Hắn ngồi xếp bằng cẩn thận trên ván và bắt đầu cầm đũa. Trước khi đưa chén lên miệng hắn đưa mắt từ từ nhìn lần lượt

từng người trong nhà và tôi, nửa tỏ ý mời, nửa thăm cảm ơn. Đây cũng là lần đầu tiên tôi thấy hắn dám nói vào mọi người xung quanh. Hắn ăn thật ngon và thật nhiều. Hắn ăn cơm và miệng từng miếng to rồi nhai chửng. Đôi ba cái là nuốt. Nồi cơm lớn tôi ước độ phải ba người ăn, thế mà một mình hắn trong chốc lát đã hết. Dường như hắn đã lâu lắm không được ăn, tôi thăm nghĩ như vậy. Ăn xong, tôi đưa nước mời hắn, nước thật nóng, nhưng tôi chẳng thấy hắn thổi cái nào mà ly nước vẫn cạn mau. Một chập lâu sau đó, tôi không còn thấy hắn đâu cả...

Thật thật, người nhà tôi và tôi vẫn không ai quen biết hắn. Như ai ai cũng đinh ninh rằng hắn quen biết mẹ tôi đã từ lâu, thế thôi. Vì vậy mọi người cùng nghĩ rằng đến ngày mẹ tôi mất hắn đến chia buồn là việc thường. Chúng tôi lễ phép và ân cần đón tiếp hắn như đối với tất cả quan khách có mỹ-ý đến phân ưu với chúng tôi. Dĩ nhiên theo tục lệ khi cúng xong là phải mời khách dùng cơm và hắn không từ chối. Vẫn biết không một lần hắn mở miệng nói một câu chia buồn trong suốt

thời gian hiện diện của hắn, nhưng thái độ im lặng, không nói, thường xuyên vẫn là thái độ người khách của một gia đình có tang. Khi ra đi, hắn không cáo từ ai lấy một lời và cũng không ai biết ra đi lúc nào, nhưng không ai thắc mắc để ý hắn điều ấy vì lúc đó nhà đông đảo và bận rộn.

oO

Sau này, khi hỏi ra tôi mới được những người đi đưa đám táng mẹ tôi hôm đó cho hay đã gặp hắn ngồi trong một góc phố trên đường đi xuống nghĩa địa. Khi đám tang đi ngang qua, hắn lặng lẽ bước theo sau lần lộn trong đám người đi đưa. Mặc dù hôm ấy trời đổ mưa, hắn vẫn âm thầm đi theo sau chiếc quan tài đến mộ huyết. Người ta kể lại, dọc đường chẳng thấy hắn nói gì với ai, cứ lặng lẽ đi, mắt lim dim như thêm ngủ, thỉnh thoảng hắn đưa tay lên lau nước mắt, đôi môi mấp máy như thầm đọc kinh cầu nguyện.

Đến mộ huyết, khi quan tài mẹ tôi được đặt xuống lòng đất xong, mọi người bắt đầu lễ bái và ném xuống mộ huyết những nắm đất cuối cùng, hắn cũng

làm đủ lễ nghi đó. Người nhà tôi khóc, hắn cũng khóc. Không rõ hắn khóc có thật tình hay không, nhưng người ta cho biết đã trông thấy hắn khóc sụt sùi và thống thiết lắm. Đến lúc chôn cất xong, mọi người ra về thì hắn cũng lặng lẽ theo sau về rồi... xuất hiện trước sân nhà tôi hôm đó ...

oO

Rồi đúng một năm sau, hôm làm tuần cho má tôi, tôi lại gặp hắn và hiểu hắn nhiều hơn. Trông hắn gầy và hốc hác hơn năm trước. Hắn ăn mặc bần thủ rách rưới hơn, râu tóc dài và ghê tởm hơn. Mới cách hắn một năm mà tôi tưởng chừng như cách hắn mười năm sau. Trước kia tôi không biết hắn ở đâu, làm nghề gì nhưng bây giờ tôi biết hắn là một hành-khất, không nhà cửa, không họ hàng quen thuộc. Hôm qua, ở đám táng trong gia đình một người bạn của tôi, tôi lại trông thấy hắn với những cử chỉ như lúc hắn đến dự đám tang trong gia-đ nh tôi...

Ngọc-Tấn (Phan Rang)

Phiên luận

HÔN NHÂN

★ NGUYỄN-ĐÔN-MÃN

Không có việc gì có thể đem lại nhiều hạnh phúc hay nhiều khổ sở cho con người bằng việc hôn nhân. Và cũng không có việc gì khiến cho người ta phải đem hết tâm trí để lo lắng, suy tư bằng việc hôn nhân. Bởi vì hôn nhân là căn bản xây dựng gia đình. Đặt vấn đề hôn nhân trên tất cả mọi vấn đề trong cuộc sống của con người không phải là điều quá đáng. Lớn lên, con trai, con gái ai cũng phải lấy vợ lấy chồng để kiến lập gia đình— nền tảng của xã hội— và bảo tồn nòi giống. Cũng vì lẽ ấy. Chúa đã từng phán: Con sẽ theo người đàn bà và sẽ lập một tổ ấm» Và nho giáo có câu: «Quân tử tạo đoan hồ phu phụ.»

Thật vậy vấn đề hôn nhân không hơi hợt, đơn giản như người ta tưởng mà nó rất phức tạp rắc rối, có hồ cò tính cách thần

bí ở trong. Người mình thường quan niệm hôn nhân là vấn đề duyên nợ, là định mạng, là phần số đã được an bài sẵn hoặc do ông Trời bà Nguyệt tác thành. Những câu thơ và ca dao sau đây sẽ chứng minh điều đó.

Nhân duyên vốn sẵn tại trời.

(*Nhị-độ-Mai*)

Hữu duyên thiên lý năng tương ngộ,

Vô duyên đối diện bất tương phùng.

(*Thơ Liễu*)

Mình thăm chốn ấy chữ bài,

Ba sinh âu hẳn duyên trời chi đây

(*Kiều*)

Cũng không t ách phận hôn cha,

Trách cho căn số sinh ra lỗi giờ.

(*Ca dao*)

HÔN NHÂN

Chồng gì anh, vợ gì tôi,

Chẳng qua là cái nợ đời chi đây.

Mỗi người một nợ cầm tay,

Người xưa nợ vợ, người nay nợ chồng.

(*Ca dao*)

Ngâm nhân sự có chi ra thế,

Sợ tình thằng chi để vương chân.

(*Cung oán*)

Bất ông Trời đánh sớ vài chục,

Có mối duyên gần ngủ gác quên xe.

(*Ca dao*)

Tích Vi-Cổ đời xưa bên Trung-Hoa lấy phải vợ là con gái người ăn mày ở chợ là một trường hợp điển hình về sự kết hôn do Nguyệt lão xe dây, sắp đặt trước. Và sách Tình sử chép rằng số dĩ con trai con gái lấy nhau làm vợ chồng là để trả cho nhau một cái nợ tiền kiếp, nợ «ba sinh». Khi nào trả xong nợ, chạm nhất là ở kiếp thứ ba, thì cái tên mình mới được xóa hẳn trên tấm bia đá (Tam sinh thạch thượng cứu linh hồn.)

Tuy biết hôn nhân là chuyện duyên nợ, là định mạng, là phần số, là do Nguyệt lão xe dây, nhưng các người làm cha mẹ vẫn ngày ước, mai ao sao cho con gái mình sau này sẽ lấy được tấm chồng xứng đáng cho bổ công sinh thành, dưỡng dục của mình:

*Nước con những ước về sau,
Trao tơ phải lựa gieo đầu xứng nơi.*

(*Kiều*)

Về phương diện luân lý thì vấn đề hôn nhân phải thuộc quyền cha mẹ sở sinh sở dục: Cha mẹ đặt đâu con ngồi đó, cải lại là ngỗ nghịch, là bất hiếu. Mỗi khi có chuyện dựng vợ gả chồng, cha mẹ cứ nêu ra câu: «Phụ mẫu chi mạng, mới chước chi ngôn» để thuyết phục con, để cưỡng ép con phải ngoan ngoãn vâng lời. Vì vậy mà hai bên trai gái không có mấy may quyền tự do kết hôn, mặc dầu họ yêu nhau tha thiết, ý hiệp tâm đầu:

Thương nhau hót cỏ chèoang lưng,

Việc ấy xin đừng, phải đợi mẹ cha.

(*ca dao*)

HÔN NHÂN

hoặc :

*Em đây có mẹ có cha,
Có cô có chú bác,*

*Cho nên em không dám tự tung
tự tác một mình.*

*Anh có thương cây mai đong
đến nói,
Phụ mẫu ừ, em ưng.*

(ca dao)

và cũng vì lẽ ấy mà xưa kia nàng Kiều, rất có hiếu hạnh, không dám tự tiện trả lời dứt khoát với chàng Kim-Trọng :

Dầu khi là thắm chỉ hồng,

*Nên chăng thi cũng tại lòng mẹ
cha.*

(Kiều)

Riêng về phần người con gái, trước khi xuất giá đóng vai một người vợ, một hiền phụ, họ thường ngày đem bản khoán, lo sợ cho duyên kiếp của mình sau này. Nhưng rồi họ cũng tự an ủi : « Ô ! sức mảy mà lo, có phúc gặp duyên, vô phúc gặp nợ », hoặc bằng khuâng mơ ước vẫn vợ :

Thân em như tấm lụa đào,

Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai.

*Em ngồi canh trúc em tựa cành
mai,
Đông đảo tây liễu biết ai bạn
cùng.*

(Ca dao)

Và nếu chẳng may gặp cảnh trống đánh xuôi, kèn thổi ngược cơm không lành canh không ngon, họ sẽ âm thầm, nhẫn nại chịu đựng để chung sống với người chồng để làm tròn nhiệm vụ thiêng liêng nối dõi tông đường vì họ biết an phận ; « Thân gái mười hai bến nước, trọng nhờ đực chịu ». Cũng nhờ vậy mà trong nhiều gia đình luôn luôn có sự trên thuận dưới hòa trong ấm ngoài êm.

Còn về phương diện tục lệ, trong việc hôn nhân, người con trai -- hay nhà trai -- giành hết quyền chủ động ; người con gái -- hay nhà gái -- chỉ có quyền thụ động. Họ đơn phương đưa ra những điều kiện, nào là môn đương hộ đối, nào là tông chi nhà gái, nào là đức hạnh cô dâu, v.v... Những câu nói đầu môi chót lưỡi như « mua heo lựa đòng » và « Thú thê dụng đức, mãi thiếp dụng sắc » hãy còn tro tro trên cửa miệng người đời.

HÔN NHÂN

Khi đã thành vợ chồng rồi, rũi người vợ không sinh con để thừa tự, đẻ nổi đôi, thì người chồng ngang nhiên có quyền đi cưới vợ bé vì sợ phạm tội bắt hiếu. « *Bắt hiếu hữu tam, vô hậu vi đại,* » không cần đòi chối việc không sinh con trai là lỗi ở tại ai, người đàn bà chỉ biết than vắn thở dài hoặc nguyên rửa hậm tộ như nữ sĩ Hồ xuân Hương đời trước : « *chém cha cái số lấy chồng chung !* »

Và đau khổ nhất, nếu người chồng bất hạnh chết sớm, người vợ, dù không thương chồng, cũng phải ở vậy đến già để thủ tiết thờ chồng nuôi con, để mua tiếng thơm hảo, để giữ tròn đạo tam tòng : « *Tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử.* » Cho nên dầu muốn dầu không, người góa phụ trẻ tuổi cũng không dám bước thêm bước nữa vì sợ tục lệ cổ hủ và thành kiến những người chung quanh.

Lại có những cha mẹ, vì neo người giúp việc trong nhà hay ngoài đồng áng, nên đã lon xon đi cưới vợ sớm cho con trai mình. Do đó đã xuất hiện những cặp... uyên ương mà cậu chồng mới mười, mười một tuổi, miệng

còn hôi sữa, đứng bên cô vợ những mười chín, đôi mươi ! Ta hãy lắng nghe người con gái bị ép uồn lấy anh chồng non ấy oán trách hoặc mỉa mai một cách oái oăm, chua chát :

Mẹ em tham thúng xôi rền,

Tham con lợn béo tham tiền
Cảnh-Hung.

Em van bảo mẹ rằng đừng,

Mẹ ngấm, mẹ nguyệt. mẹ bung
ngay vào.

Bây giờ biết nói làm sao,

Như đôi đũa lệch so sao cho
bằng.
(Ca dao)

hoặc :

Bồng bồng công chồng đi chơi
Công đến vũng lội đánh rơi
mất chồng.

Ơ chị em ơi ! Cho tôi mượn cỗ
gầu sông,

Đề tôi tát nước vớt chồng tôi lên
(ca dao)

Như vậy người phụ nữ vẫn bị dồn vào chân tường trước hai áp lực hùng hậu : quyền sở sinh sở định của cha mẹ và tục trọng nam khinh

HÔN NHÂN

nữ của xã hội ta. Tuy ngày nay việc hôn nhân, giá thú được luật pháp nhà nước can thiệp, chi phối, nhưng phép vua vẫn thua lệ làng.

Chúng ta mong rằng, sống dưới chế độ tự do dân chủ càng ngày càng phát triển, vai trò người phụ nữ phải được tôn trọng, đề cao, đúng theo tinh thần dân chủ và nguyên tắc nam nữ bình quyền.

Ngày nay, trước vận hội mới, trước trào lưu mới, quyền lợi cá nhân dần dần được tôn trọng. Việc hôn nhân, trong nhiều trường hợp, được tự do định đoạt giữa đôi bên nam nữ thật tình yêu nhau và dốc lòng lấy nhau để xây tổ ấm, để hưởng hạnh phúc gia đình. Nhưng ở đời, cái gì có lợi ắt có hại, theo luật thừa trừ. Nếu có tự do kết hôn thì tự trung cũng có tự do ly hôn. Tuy bị luật pháp khống chế, dư luận bài xích, người ta vẫn thấy nhan nhản từng cặp vợ chồng trơ tráo dẫn nhau ra tòa xin xé hôn thờ hôn thú. Những người này, họ quan niệm hôn nhân một cách quá ư giản dị, tạm bợ, không duyên kiếp, không tình nghĩa gì ráo.

Giữa hai chế độ hôn nhân cưỡng ép và hôn nhân tự do, chúng ta nghĩ rằng nên chấp nhận một giải pháp chiết trung, đề dung hòa, để làm cái gạch nối giữa cũ và mới, một cách hợp lý hợp tình.

oOo

Theo tư tưởng tiến bộ ngày nay, người vợ không chỉ là một cái máy sinh sản, một người nội trợ mà còn là một người bạn chung tình của người chồng để chia buồn xẻ ngọt, để đồng lao cộng khổ, để cùng nhau gánh vác nhiệm vụ chung. Cho nên, trước khi đi đến hôn nhân hai bên trai gái đều hết sức đắn đo, cân nhắc, suy nghĩ tinh toán. Họ không đặt tình yêu hoặc đức hạnh làm điều kiện tiên quyết mà cùng song phương đưa ra những tiêu chuẩn thiết thực, hết thảy đều ảnh hưởng đến hạnh phúc sau này của vợ chồng, tình chuyện ăn đời ở kiếp với nhau. Họ lại lý luận rằng « hôn nhân mà không xây dựng trên lý trí là xây dựng trên cát, khó mà phát triển, mà tồn tại lâu dài. » Những tiêu chuẩn đó, ngoài tình yêu và đức hạnh ra, gồm có :

HÔN NHÂN

- Cộng đồng tinh thần.
- Cộng đồng tinh dục.
- Cộng đồng kinh tế.
- Cộng đồng gia đình.

Cộng đồng tinh thần là phải có trình độ văn hóa không quá chênh lệch để dễ hiểu nhau, dễ thông cảm nhau. Ít ra cũng phải có những tính tình, lý tưởng, xu hướng tôn giáo, chính trị giống nhau để tránh những vụ cãi vã vì bất đồng ý kiến.

Cộng đồng tinh dục là phải có sức khỏe, không mắc bệnh di truyền để chung hưởng hạnh phúc lứa đôi, sinh con đẻ cháu đầy đàn.

Cộng đồng kinh tế là phải đều có nghề nghiệp sinh sống để cho quỹ gia đình thêm phần dồi dào, phòng hồ những sự bất trắc có thể thỉnh linh xảy đến.

Cộng đồng gia đình là chia nhau công tác tạp nhạp trọng nhà như các việc giao tế, nuôi

nấng, dạy dỗ con cái hoặc phụng dưỡng song thân.

Tuy nhiên, muốn cho cuộc hôn nhân « kế hoạch hóa » ấy đem lại hạnh phúc, những tiêu chuẩn kể trên chưa có thể gọi là ắt có và đủ. Người vợ cũng như người chồng phải có tác phong đạo đức và có ý thức tối thiểu về cuộc đời. Một người vợ, một người chồng không thôi, chưa đủ, còn phải là những người bạn chí thân, chung tình, không câu nệ, không cố chấp, luôn luôn vui vẻ, niềm nở, nhân nhượng nhau và biết điều. Khi bàn đến người đàn bà Pháp, 1 nhà văn có nói « Tuy đã là vợ rồi, nàng vẫn muốn đóng vai vị hôn thê suốt đời, tiếp tục chiều chồng, mớm trợn chồng, quyền rũ chồng, làm vui lòng chồng, thậm chí xúi dục chồng ghen tuông nữa, nói tóm lại, chính phục và chinh phục chồng không thôi. » Những ý kiến, những tư tưởng của các học giả trên thế giới trích dẫn sau đây sẽ giúp chúng ta có một quan

 **Midol** trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

1360/EXT/ĐDCC

HÔN NHÂN

niệm tổng quát về vấn đề hôn nhân và hạnh phúc gia đình,

Danh ngôn và tư tưởng:

Hôn nhân là mỏ sâu chôn chặt ái tình.

(Bà Chamfort)

Ái tình! con vật cũng kỳ,

Đói thì sống mãi, no thì chết queo.

(. A. de. Musset)

Hôn nhân chỉ thấy thú trong thời kỳ tiền hôn nhân.

(Nữ-Sĩ George Sand)

Chung tình, bắt buộc phải chung tình vì chung tình là cánh cửa mở đường đi vào hạnh phúc.

(André Maurois)

Vợ chồng yêu nhau không phải là ngồi nhìn nhau suốt

ngày mà là cùng nhìn về một hướng.

(St Exupéry)

Phải giống nhau một phút để hiểu nhau nhưng cũng phải khác một chút để yêu nhau.

(Paul Géraudy)

Muốn gia đình tràn ngập hạnh phúc, kiếm một người bạn trăm năm lý tưởng chưa quan hệ mấy, điều quan hệ nhất là chính mình phải là người bạn trăm năm lý tưởng đã

(Lelend Foster Wood)

Một cuộc hôn nhân được hoàn toàn hạnh phúc là một cuộc nói chuyện dài nhất và khó nhất mà người vợ cũng như người chồng từ ngày cưới đến ngày chết đều không bao giờ chán ngán.

(André Maurois)



Thư cho người

ĐÃ MẮT

★ ĐÀO-NGUYỄN

Anh đã chết thật rồi sao Vinh? Em không tin, Lãmsao em tin nổi, nụ hôn giả biệt còn hẹn hò ngày về của anh. Thư của anh còn ấp đầy niềm tin yêu tha thiết, em làm sao tin được.

— Anh ấy đã mất tích rồi.

Người quân nhân với áo quần đầy khổ hạnh và nét mặt xót xa đã đem tin đột ngột, lời nói sắc nhọn ngỡ ngàng quá, em ngỡ ngần hỏi lại như những ngày cô tịch.

— Mất tích là chết rồi sao?

Thôi, anh chết thật rồi, đồ đặc của anh đã về hết, trả lại cho em, cho tình yêu cô cút của em, tất cả đã đi rồi, em tìm tòi lục lao để lấy hương thừa của anh, nhưng không một dư vị, anh đã lấy mất rồi, mang hết kỷ niệm không cho em luyện nhớ hồ Vinh?

Em thần thờ lặng yên. Không,

nhất định anh sẽ về, như mơ ước đốt cháy tâm linh đã bao lần anh về rồi, âm vang của tiếng giầy rộn ràng từ ngoài cổng. Anh đã mang bao nhiêu nụ cười lau nước mắt cho em rồi hồ Vinh? Sao không thêm một lần nữa, cho em ghi dấu trên lịch để mỗi lần bắt gặp ảo tưởng là xót xa đến run người nổi tiếc.

Vinh, anh đã chết rồi phải không? Sao không rõ ràng như bao người đã chết, lá quốc kỳ phủ hình hài có lời chào vĩnh biệt, có đám tang để em được khóc lóc với cỏ cây, du mùi hương của em vào đất giữ gắm cho anh: tặng cho anh, anh yêu dấu.

Sao cuộc đời em quá tàn ulla, ngày anh còn, không được nhận danh là vợ, ngày anh mất, không có đám tang để mua lấy cái goá phụ cho mình.



Điàng midol Trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/84.T/ĐDCC

THƯ CHO NGƯỜI

Em hai mươi ba tuổi rồi, một ngày nào đó anh về đã tính tuổi họ em, đề nếu anh chết em dư thời gian đi vào cuộc tình mới. Vinh ơi! anh gỡ miệng thật rồi, anh chua ngoa với em đề anh mua chia rẽ, cho ngày đau đớn của đời mình, em tìm kiếm nước mắt khôn người.

Anh đã chết rồi hở Vinh? sao không chia buồn nỗi mất mát quá lớn của em trong đời, bỏ quên lại cả ngàn lời hứa hẹn cho em, sau những ngày nghỉ phép em đã lấy hẹn hò để nuôi sự thật, nuôi tin yêu, nhưng nay anh đã chết, vĩnh biệt rồi!

Vinh không còn, không còn thật rồi, chủ nhật em vừa viết thư cho anh đó, thư cuối cùng anh đã đọc chưa đề mang về địa ngục làm hành trang thương nhớ, còn không ngày mai em gặp gỡ lại những dòng chữ của mình, bàn tay này đã nắn nót cho anh hỏi lại, đọc thư lại bằng nỗi xa xôi cách biệt nghìn trùng. Vinh ơi!

Vinh ơi!

Bây giờ em ngồi lại căn phòng tình ái cũ, nhớ những ngày anh

còn, còn có anh và cuộc tình ngắn ngủi của hai đứa mình: «Lẽ ra thì anh không nên làm khổ em» anh vẫn an ủi em đều đó, nhưng bây giờ anh không trở lại một lần nữa nói lại những câu cổ tích đó, đề em nũng nịu như ngày xưa còn có anh: Em chịu tất cả, dấn thân theo anh không một đám cưới nhỏ cho ba mẹ nở mày nở mặt, khỏi đau buồn vì hàng xóm ra vào: con gái theo trai; theo anh dù mẹ một, hai ngăn cấm, em gọi mẹ cho riêng em, dù mẹ không cho phép, nhưng anh chết rồi còn niềm thương nào đề mẹ có mục đích dẫn vật em, em hư thân mất nét nên theo anh làm điểm không tiền còn mang tiếng bỏ bùa mê, không cho anh về Huế cưới vợ.

Em đã chọn cuộc đời mình buộc vào cuộc sống của anh, không một tờ kế ước, không có con đề níu giữ thương yêu cho kỹ càng, nay anh chết rồi, em hận là không có lấy một đứa con đề kê những kỷ niệm của anh, hình dáng quen thuộc đó phải mãi còn cơ hội vương vấn với em.

THƯ CHO NGƯỜI

kéo không, nhờ một mai lãng quên xâm thực, tay em gầy quá làm sao chống đỡ hở anh! Anh yêu dấu.

Vinh ơi!

Em vẫn nhờ bọn học trò đến ngủ hộ, như những ngày cũ kỹ xa xôi đó, vẫn sắp thời khóa biểu đề riêng những ngày lãng lờ cho anh dù nay anh không còn nữa nhưng em vẫn mang ấn tượng được anh che chở ru ngủ trong tiếng hát phi lao, căn nhà vẫn mang về sơn cước hoang tàn.

Vinh yêu dấu!

Mười ngón tay dài em cắt trọn móng hồng đề, đề tang cho tình yêu, đề tang cho mình nữa, soi bàn tay cụt móng em ngỡ là mình đã đi vào ngõ cụt cuộc đời. Những vuốt hồng kiều sa không còn nhưng lời dịu dàng của anh em nuôi dưỡng như ngày đầu tiêu heo may nhẹ chớm thu.

«Những móng tay em kiều sắc hơn cả mũi viết của cuộc đời viết lách anh; nay giọng buồn đã đi ngủ, em đề tang cho người yêu bằng cách chặt bẻ quá khứ của mình, thứ quá khứ êm đềm

hơn mộng寐 những đêm em nắn nót chép bản thảo cho anh. Vinh.

Vào những ngày cuối năm ngôi nhà buồn lãng ghè gớm nhưng em không trở về nhà mẹ, đã ra đi rồi đề trở lại chuyển đi khác chỉ thêm gieo nước mắt cho mẹ, ngày chọn sống với anh, em đã từ biệt gia đình hẳn rồi, nay còn trở lại làm chi nữa. Ngôi nhà đầy hương hoa con gái đó em đã bỏ áo một lần rồi. Ngôi nhà màu trinh nữ không còn với mình nữa về làm chi hở anh mùa thu đã qua, hoa cúc tàn tạ mất rồi, từ gặp gỡ đôi mắt xa xôi của anh, em chọn đời làm vợ rồi, ngày anh mất.

Vinh.

Mẹ có vào thăm em, mẹ khóc kêu em bằng con có phải nhờ một người đã mất mà thành kiến sa mạc của mẹ lãng chìm không hở anh. Mẹ già hơn bức ảnh anh cho em xem, có lẽ vì mẹ khóc nhiều lắm, em khóc nhiều vì nghĩ đến anh, nỗi mơ ước như đại dương có bao giờ mình gặp nghĩ tới.

Nếu một ngày nào đó như hôm

THƯ CHO NGƯỜI

nay thì cuộc tình êm đềm của mình đâu còn lời vỗ về an ủi và em khổ sở vì mang ân huệ đó nên khóc và anh dịu ngọt thêm, em không dám làm vỡ ấn tượng đó. Mẹ dịu hiền quạt cho em suốt cả đêm, em đúc hết trí nhớ, và viúu hình ảnh những ngày cuối cùng của anh kể cho mẹ nghe bằng giọng nước mắt. Mẹ em cũng lại thăm đủng giữa những màu tươi sáng của hạnh phúc gần gũi đó em ghen ngào hỏi thăm sao màu đen đến với em sớm thế. Mẹ nói : tết ni về Huế với mẹ nghe con, em khóc mà chối từ mà nhớ cái ngày xa xôi đó Vinh, hai đứa mình gặp anh chị Hoài, chị ấy cũng lạc giọng như em nhưng điềm phúc hơn nhiều, anh vô tình hỏi :

— Chị Hoài về Huế chưa ?

— Ba lần rồi.

Anh suốt đầu em.

— Tội nghiệp em bé của anh.

Tết ni anh sẽ đưa em về Huế, em biết anh thật tình mong muốn như lời nói đó nhưng làm sao còn mẹ, còn chị, gia đình anh đã sửa soạn nằng dàu từ lâu đời rồi, em ngoại hôn từ hình thức đến tâm hồn làm sao dám trình diện được hở anh.

Anh Vinh, em không về Huế chả bao giờ về lại dù em nhớ rằng ngày đầu tuổi tình yêu của mình em buồn buồn trách anh.

— Sao không đưa em về quê hương anh, xứ Huế kiêu sa đó cho em nhìn quê hương anh, được đắm lại con đường ngày thơ ấu anh học, vỡ lòng những nguồn thương, cho em thâu vào hồn những sông những núi những người thân thuộc mà anh đã yêu, em sẽ yêu dù chả ai yêu em cả nhưng đó là quê hương người tình em đã chọn, em tình nguyện thương yêu tất cả mà không dám mơ ước chuyện đên bù.

 Dùng midol
1360/BNT/ĐDĐC

Trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

THƯ CHO NGƯỜI

Nhưng nay còn gì nữa những ngày vui như bông hoa rã cánh mất rồi người yêu em không còn, chàng bỏ dở lời hẹn ước với em.

Mẹ mời thiết tha :— Về cho biết bà biết con đi con.

Vinh ơi ! em khóc thật nhiều con đường hạ về ngập tràn hoa đỏ, dốc Nam.giao tình sử, những cánh hoa soan cuối mùa dịu dịu mùi hương đã bao lần em nằm mơ được đi với Vinh, được ruở bước nơi miền quê hương ngọt ngào đó.

Quê hương anh, quê hương em, sao có sự xa xôi đó hở Vinh ? Em gần tròn hai mươi bốn tuổi, ba năm tình yêu với anh, ng i

nhà mỗi ngày mỗi trống vắng, mệnh mông thêm, bao nhiêu người xin thuê bớt, nhưng em giữ riêng làm gia tài, em chỉ còn vùng kỷ niệm này thôi là của Vinh, của em nên cố giữ lấy không về ở với mẹ để hoài niệm quãng đời con gái, không ra Huế để tìm kiếm dấu vết ngày thơ của Vinh. Em đóng đô đời góa phụ nơi đây, gìn giữ tô son một khuôn mặt. Có một dạo nhìn em say đắm, một lần nhìn lại, em biết rằng em đã yêu, chúng mình cùng về lấy nơi đây làm giang sơn chung. Nay vì vương đã yên ngũ từ lâu như vết tích kỷ niệm em khắc đầy lãnh thổ.

ĐÀO NGUYỄN.



 Dùng midol
1360/BNT/ĐDĐC

Trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

Tiếng nói thê hệ

Dòng tâm sự

(Những dòng này cho C.H)

★ PHƯƠNG-CHI

Tôi sinh ra đời và lớn lên trong một gia đình không mấy giêm ám và hạnh phúc cho lắm nên quãng đời trẻ thơ của tôi cũng vì đó mà mang một sắc thái buồn-thảm, gượng-gạo. Từ thuở chào đời cho đến lúc lớn, tôi là một đứa con xấu nhất trong gia đình. Tôi không bao giờ nghi ngờ tình-thương của cha mẹ tôi nhưng cũng không phải vì thế mà tôi không nghĩ rằng anh chị tôi có thể lệch lạc tình thương đối với sự bất hạnh mà trời đã dành riêng cho tôi.

Trong cuộc sống hằng ngày, tôi mang nhiều mặc cảm, tôi gặp bất mãn ngay lúc vào học đường, và rồi tôi cũng lơ mờ hiểu rằng sở dĩ như vậy là vì tôi không dễ thương như những đứa trẻ khác. Tôi buồn nhưng tôi không than thở, không bao giờ oán trách như bây giờ

các cô vẫn than «Em là gái trời bắt xấu», mà trái lại, tôi còn an ủi bằng một lý luận thật trẻ con, nhưng cũng thật xác thực.

— Nếu có 2 đứa bé, một đứa sạch-sẽ, kháu khỉnh; một đứa dơ dáy, xấu xí, mình sẽ có thiện cảm với đứa nào? Tất nhiên là chú bé dễ thương kia sẽ được mình dành nhiều cảm tình hơn! Vậy thì đó chỉ là một sự thương tình, một sự thật dĩ nhiên.

Rồi từ đó, tôi nhận lãnh của cuộc đời bằng một thái độ «an phận», bằng lòng với số kiếp, nhưng tuổi trẻ 13, 14 của tôi không hồn nhiên, vui vẻ, mà bắc đầu bằng những bước chân lẫm lẫm, li li. Những buổi học đi, về âm thầm không bè-bạn và nghi-ngờ tất-cả những thiện

TIẾNG NÓI THÊ HỆ

cảm của ai dành cho mình, một ngày nói không quá những câu cần-thiết. Rồi không-khi gia đình cũng nhân đó mà đồng lõa, nung-nấu trong lòng tôi tạo cho tôi một mở lý-luận già-cổ.

... Theo dòng đời, tôi lớn lên và trở thành « một cô gái ». Phải rồi « một cô gái xấu như ma ».

Chao ôi ! biết bao nhiêu khổ sở trong cái tuổi « dậy thì » đó.

Các bạn phải công nhận rằng đàn bà con gái sinh ra để được nuông chiều, tán tỉnh ca tụng ...Làm duyên và e lệ. « Đàn bà mà không e lệ như một món ăn không có muối » có người đã nói như vậy đó các bạn ạ ! Nhưng thử hỏi một người như tôi mà làm duyên, mà e lệ nữa thì nó ra thế nào? Nghĩ vậy nên tôi lúc nào cũng đứng đưng đến gần như gỗ, để nhận lãnh những câu khôi hài đôi khi châm biếm độc ác của bọn con trai. Nhiều lúc tôi tự nhủ «thì mình cứ tỉnh bơ đi có được không. Bọn

đó có dính líu gì mình đâu ? »

Nhưng không được các bạn ạ ! Tôi là con người, luôn luôn vẫn là con người, tôi không thể vô tình như cây cỏ được. Đến nỗi nhiều đêm tôi phải tự hỏi thăm : «Tôi có tội tình gì không ? Sao lại bắt buộc tôi mang một hình hài xấu xí như thế này ? Rồi tất cả phiền-phức, buồn bực đổ ập lên đời tôi, làm cho tôi không tìm thấy một chút an ủi nào ! Tại sao người ta không buông tha những người con gái thiệt thòi bất hạnh như tôi. Những lời mai mỉa ấy, tại sao người ta nỡ đùa nghịch độc ác với những người con gái như tôi ! »

Ở đâu, và thời nào người ta cũng vẫn có một khiếu thâm-mỹ đặc biệt, luôn luôn chuộng vẻ đẹp, một nụ cười duyên, một cái liếc mắt đưa tình, một câu nói duyên-dáng, công việc sẽ trôi lọt và người ta sẽ đi đến thành công dễ-dàng; còn mình tìm ngàn đời cũng không ra được « nhất tiểu khuynh thành » thì sao như người ta được. Ở học đường, nội cái bước vô lớp

nhìn thấy cái mặt vừa xấu xí và lấm lì cũng đủ phát nóng bực bội. Chứ giá sử nghe một giọng oanh vàng thỏ thẻ thì có một cũng khỏe phải không các bạn (không phải tôi chỉ trích ai, nhưng thực trạng thói đời vẫn là vậy), đến nỗi trong gia đình, cha mẹ tôi còn nghĩ rằng tôi là một đứa con gái lù đù nữa là. Còn anh chị tôi, bạn bè tôi thì: Cù lùn, què... Đủ thứ gán vào tôi, họ không nói thẳng vào mặt tôi, nhưng tôi cũng không đến nỗi ngu như họ tưởng mà không hiểu ý họ. Mọi người chung quanh tôi tưởng tôi ngu lắm. Phải rồi, bởi vì nét mặt « lù đù » của tôi đã tố cáo một cách tai hại như vậy mà.

Nhưng rồi, bắt đầu bị chèn ép, sau bao nhiêu cố gắng đưa con gái « Đại Què » đó vẫn trèo lên được đệ II cấp, phải nói đó là một cố gắng vượt mức của tôi, gia đình tôi, với lại hồi nhỏ tới giờ tôi học công cũng có.

Rồi tôi bắt đầu đi học xa, phải ở trọ, tôi được thử cái

không khí dễ chịu hơn ở gia đình, chạy trốn được cái không khí ngột ngạt thường ngày. Những người thân của tôi quan niệm con gái không cần phải học nhiều, cũng nhờ đó mà tôi cứ « được » nghe những lời khuyến khích nghỉ học, từ hồi mới còn học lớp nhất cơ ! Bây giờ thật là quá mức... « ừ ! Con gái đi học, không lo đảm đang bếp núc lại còn đi học, mà đi học xa nữa chứ, con gái ra một bước đường là khó một bước, hư thân cho coi... » Tại sao những người thân của tôi không chịu hiểu dùm tôi ? Hay họ nghĩ : « Xấu như ma cũng là con gái. » Tôi muốn nói thẳng ra rằng : dù đi đâu, ở đâu, tôi cũng không sao cả, phải rồi « không sao cả » chua chát quá ! Bởi vì tôi có phải là một cô gái xinh ròn, có đôi môi tươi thắm mộng đỏ đầu mà... đến nỗi kêu gọi thiên hạ, ra một bước là gặp « bất trắc có thể nguy ». Thế mà rồi tôi đành làm thinh. Miệng vẫn câm như hến, bởi vì có ai chịu hiểu cho mình mà phân bua ? Đau lòng lắm các bạn ạ ! Tôi không phiền trách ai hết. Nếu phải nghỉ học

không biết ở nhà tôi phải làm gì cho đỡ buồn, hay cứ nấu cơm mãi rồi già, ế chồng, người ta gọi là cô gái già ? Nhưng bây giờ tôi đã cố gắng hết sức trong việc học, tìm được con đường sáng, mở mắt thật to mà nhìn vào thực tế, buồn, vui của cuộc đời mình đều tiếp nhận một cách dửng dưng, coi mọi sự diễn biến như một trò hề dĩ nhiên phải có thể thôi.

Thời gian vẫn vô tình tiếp nối nhau đi, tôi thì vẫn những buổi học đi, về lặng lẽ, cô đơn tôi không ngờ, thật tôi không ngờ, không bao giờ ngờ rằng trong căn góc hẹp ngoại ô thành phố này, tôi tưởng tôi tìm thấy một chút yên-tĩnh của tâm hồn dù rằng tôi cô đơn, lạc-lỡng. Nhưng không, ở đó tôi đã gặp « người ta », và người ta..., yêu tôi. Phải nói là tôi ngạc nhiên ghê lắm, nhiều lúc nghe người ta nói xa, nói gần, tôi chỉ cười khan, rồi tôi tự hỏi : tại sao người ta có thể yêu thương tôi ? Tôi thấy tất cả những cái thật khôi hài, vô lý trong tình yêu đó, tôi nghi ngờ !

Người ta thì cố gắng tế nhị tỏ ra cho tôi biết « người ta yêu tôi ». Nhưng tôi chỉ đổi lại bằng những cái bĩu môi, khinh bỉ. Hồi đó, tôi vẫn thường bắt gặp những cái nhìn khác lạ, say sưa lặng lẽ của « người ta » nhìn tôi, ban đầu tôi bàng hoàng ngạc nhiên, nhưng sau đó tôi cảm thấy hoang mang, « người ta » không còn đối xử « bè bạn » với tôi nữa. — Một tình bạn đã mất —

Từ đó, tâm hồn tôi luôn luôn chìm sâu trong vùng tư tưởng, tôi cứ tự hỏi : tại sao người ta có thể yêu thương được một người con gái như tôi ? Tôi nói với « người ta » toàn những lời cay đắng, tôi coi thường tình yêu của người ta và khi tôi thấy tình cảm của « người ta » « tiến triển » mỗi ngày một « mạnh » thêm tôi bèn chạy... trốn. Trời ơi ! tôi phải chạy trốn tình yêu ! Nhưng dù có chạy trốn, có chế ngự, tôi cũng vẫn không làm sao thoát khỏi tình yêu. Thỉnh thoảng người ta săn sóc tôi làm tôi cảm động quá, tôi muốn nói với người ta những lời thật êm ái dịu ngọt của hai

TIẾNG NÓI THỂ HỀ

kẽ yêu nhau nhưng rồi tôi dè dặt những xúc cảm của triều lòng, tôi chỉ trả lời «tĩnh như sáo» và còn «cộc lốc» có vẻ khiến trách nữa là khác, làm như tôi không thèm chấp nhận tình yêu của «người ta» đối với tôi, Tình cảm của tôi muốn nói với «người ta» thật nhiều là tôi cũng yêu thương người ta như người ta yêu thương tôi. Bởi vì tôi chỉ là cô gái bé nhỏ yếu đuối mang trong người một con tim tôi không thể thiếu mất tình yêu. «Con người không có tình yêu như cuộc sống không có ánh mặt trời» và nhất là tuổi trẻ, tình yêu và tuổi trẻ như hình với bóng không thể không có trong cuộc sống được. Nhưng rồi cuộc tôi vẫn tự chế ngự đợt sóng ngầm, những ngọn lửa nội tâm vẫn tiếp tục âm ỉ cháy, tình cảm tôi là cảm nín, cảm nín như tâm sự ngàn đời của tôi. Trong tình yêu, «người ta» hành

động theo tình cảm. Còn tôi, tôi chỉ đem lý trí ra xét đoán. Đến nỗi, nhiều lúc tôi phải hối hận, lý trí tôi lên án khắt-khe. «Một đứa con gái xấu không được quyền yêu đương, bởi vì thế nào rồi cũng chuốt lấy khổ đau». Nhưng tình cảm tôi lại lý-luận; «Thà đau khổ vì yêu, còn hơn là không có tình yêu» cứ thế mà ray rức, dằn co, làm tôi khổ sở quá.

Cho đến một buổi chiều, «người ta» không còn kiên nhẫn dùng ánh mắt với tôi nữa. «Người ta» dịu dàng cầm lấy tay tôi và hôn nhẹ lên bàn tay tôi, tôi bối rối, sợ sệt; trong lòng nồn nao muốn khóc, thật tình lúc đó tôi chỉ muốn khóc thối khóc thật nhiều để «người ta» an ủi tôi, chia sẻ với tôi trong cái buồn trọn kiếp của tôi, tôi muốn nói, nói thật nhiều. Vì sao?... và vì sao? để trả lời những câu trách cứ mắt mẽ, xa-xôi của «người ta» nhưng

Dũng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BYT/ĐDĐC

TIẾNG NÓI THỂ HỀ

tôi vẫn cảm lặng. Tại sao? tôi cũng hông biết tại sao; có lẽ lý trí tôi không bao giờ tin rằng có một tình yêu chân thật với một đứa con gái như tôi chẳng? Tôi không muốn sự mềm yếu của tình cảm làm «người ta» khinh tôi, chế điều tôi thà rằng đau khổ vì mình xấu còn hơn là bị «người ta» khinh khi mình trong chính tình yêu của họ.

Bây giờ, không biết «người ta» đang làm gì? Có nghĩ đến tôi hay đã quên rồi, có còn trách tôi: «Hiền mà... ác quá» nữa không?

Riêng tôi, vì hai cuộc sống và hai hoàn cảnh khác nhau, nên hiện tại tôi chỉ có một tình bạn— một bông hồng không gai— để dành riêng cho «người ta» mà thôi, dù ở đâu, đi đâu và làm gì lúc nào tôi cũng nhớ đến «người ta». Như nhớ một người bạn thân nhất đời, ít ra «người ta» cũng khác xa người khác «một chút». Nếu người ta đọc được những dòng này chắc «người ta» sẽ không nở trách tôi... ác nữa đâu

PHƯƠNG-CHI

Bình Định



HỒ - XUÂN-HƯƠNG

Một nữ Thi-sĩ tài-hoa nhất của
Lịch-sử nhân-loại, sau Sapho

□ NGUYỄN-VÝ

VI— Không dâm - dục, không lẳng-lơ, không tục-tỉu : đặc-tính của thiên-tài HỒ-XUÂN-HƯƠNG

(Tiếp theo P.T. số 213)

Bổ-túc. —

Trong P.T. kỳ trước, số 213, bài Hồ Xuân Hương, trang 92 cột hai, in sót mất một đoạn dài. Nay xin bổ túc :

Bắt đầu từ câu thứ 17, sau những chữ : «sung sướng thỏa mãn», xin thêm như sau đây :

yêu đêm chưa phải, lại yêu ngày.
Nghĩa đen, chắc ai cũng hiểu rõ công dụng thường xuyên của cái quạt. Trời nóng bức, ai cũng

phải dùng đến nó. Nhưng về nghĩa bóng, ám chỉ người đàn bà thì cô nữ-sĩ họ Hồ cố-ý, không phải diễn tả nhiệt độ dục tình của người đàn ông, — không có một hậu ý «kiêu dâm, lẳng lơ hay tục-tỉu» nào cả—mà chính là nhấn mạnh bản chất hấp dẫn thiên-nhiên của người đàn bà, cái thiên tính quyến rũ của phái đẹp khiến người đàn ông phải say mê đến một cường-hứng vô điều độ. Không lẳng lơ, Hồ Xuân

HỒ-XUÂN-HƯƠNG

Hương lại còn chế nhạo, mỉa mai cái thói dâm dật bề bổi, bất hạn chế của giống đàn ông.

Xin nhận kỹ cái ngụ ý mỉa mai, trào lộng của câu thơ. Và phải lưu ý đến dụng tâm bèo chửa một cách tế-nhị tài tình — bèo chửa cái gì? — cái phẩm giá bất khả xâm phạm của người phái đẹp, theo quan điểm của Hồ Xuân Hương. Bản chất hấp dẫn của phụ nữ là do thiên-phú ; bản chất thuần túy thắm mỹ của cả tinh thiên nhiên là một «vốn sẵn» của trời cho riêng người đàn bà.

Hai câu kết của bài thơ cái quạt xác-minh thâm-ý đó:

*Hồng hồng mà phấn duyên vì cây
Chúa dẫu vua yêu một cái này.*

Nghĩa đen: Hồng hồng mà phấn là lớp giấy trắng bởi quạt thường trở thành màu hồng, vì giấy ấy đã được người làm quạt ngâm vào vỏ cây màu đỏ để cho giấy quạt sau khi phơi khô ngoài nắng, đã trở nên «hồng-hồng», và dai bền, lâu rách.

Nghĩa bóng, ám chỉ người phụ

nữ, xác-minh ý-nghĩa thâm-trầm và kiêu hãnh của hai câu luận.

Người đàn bà chỉ cậy có cái duyên hồng mà phấn đó cũng đủ làm cho Chúa dẫu Vua yêu, cho nghiêng thành đổ nước. Thật thế, sau khi lấy cái quạt làm tượng trưng cho cô gái «17, 18», sau khi dùng nét bút tài-hoa siêu việt mô tả cái quạt với những chi-tiết vô cùng hấp-dẫn, vô cùng linh-động, sau khi vận dụng rất tài-tình những chữ ảo-thuật và những ẩn tượng huyền-diệu tinh-vi, làm say-mê cả đám «hiền nhân quân tử» cả chúa lẫn vua cô Hồ-xuân-Hương, khinh khi ngạo mạn, đã phô trương ra vốn vẹn một chế-diệu trần-trường:

*«Chúa dẫu Vua yêu một cái này!
Thật là bất ngờ ! Chua chát!*

Trên mười ngàn năm lịch sử và Văn-chương nhân-loại, khắp thế giới đã có người đàn-bà con gái nào dám quăng ra trước mặt giống đàn-ông một thách-đố kiêu-hãnh và tuyệt-diệu như thế không?

oOo

Hồ-xuân-Hương tài-tình độc đáo ở cả 2 trạng-thái văn-chương và tư-tưởng. Không thể so-sánh ai với cô được cả.

Tôi đã nhắc đến Bà Huyện Thanh Quan trong bài «Qua Đèo Ngang» (tức là Đèo Ba-Dội). Tả cảnh đèo, và cùng một cảnh đèo, Hồ-Xuân-Hương thâm thúy và linh-động bao nhiêu thì Bà Huyện Thanh-Quan nhạt-nhẽo giả-tạo bấy nhiêu. Một người là Thi-thần, một người là thợ thơ. Nét bút cô Hồ tinh-vi, tuyệt-xảo, và vô cùng mãnh-liệt, trong lúc tám câu thơ của bà Huyện rất vụng-về, gượng-ép, thô-sơ. Hồ-Xuân-Hương thoát hẳn ra ngoài khuôn-sáo cũ. thị hững và nghệ-thuật của cô song-song vượt lên một cao-độ siêu-chân mà Bà Huyện thanh-Quan không thể nào đạt tới.

Về bài thơ *Cái Quạt* cũng thế, khiến người ta nhớ đến bài *Cái Quạt* của Mạc Đĩnh Chi. Ông Trạng-nguyên bậc nhất của nước ta đời nhà Trần, được cử đi sứ sang Tàu, gặp đại sứ Cao Ly. Đến chầu vua Nguyên Thế-Tổ, nhà Nguyên. Muốn thử tài hai

nhà Danh-Nho An-Nam và Triều Tiên, vua Nguyên đang cầm một chiếc quạt, yêu cầu hai vị *Sứ-thần* làm mỗi người một bài thơ lấy đề-tài «*Phiến Minh*» (bài thơ thuyết-minh về cái quạt).

Đại sứ Cao-ly thảo ngay 4 câu thơ sau đây :

Uân long trùng-trùng

Y-Doãn Châu-Công

Đông-hàn thê-thê

Bá-Di Thúc-Tề.

Đồng thời, Mạc-Đĩnh-Chi, đại sứ An-Nam-quốc, cũng đã xong bài thơ của ông :

Lưu Kim thước thạch,

Thiên-địa vi lư,

Nhĩ u tư thời hề

Y-Châu cự-nho.

Bắc phong kỳ lương,

Võ tuyết tái đồ,

Nhĩ u tư thời hề

Di-Tề nga-phủ.

Y ! Dụng chi tắc hành,

Xã chi tắc tàng !

Duy ngã dĩ nhĩ hữu thị phủ !

Bà Song-Thu, một vị Nữ Danh Nho Việt-Nam hiện tại, đã dịch như sau :

Lò Tào đốt vàng sỏi đá nirt,

Lúc bấy giờ mi là bậc Y Châu.

Ngọn Bắc-phong thổi tới ào ào,

Mưa rơi, tuyết đổ, ai nào hỏi mi

Mi lúc ấy là Tề, Di, chết đời,

Núi Thái-Dương ai hỏi ai han.

Than ôi ! Dụng, xã, hành, tàng,

Đời dùng nhớ tới, phủ phàng cất đi.

Thì đây, ta cũng như mi.

Chúng ta thấy bài thơ của Mạc Đĩnh Chi đại ý cũng như bài thơ của Đại sứ Cao Ly, diễn tả về cái quạt chỉ thu gọn trong ý nghĩa : mùa hè nóng bức thì được người ta trọng dụng như Y-Doãn Châu Công, mùa đông lạnh lẽo bị người ta bỏ rơi như Bá Di, Thúc Tề.

Mạc Đĩnh Chi, thâm thúy hơn vị Đại Sứ Cao ly, còn nữa mai thêm : «ta cũng như mi» «Cái quạt» của Hồ Xuân Hương, trải lại, đã thoát ly hoàn toàn công

thức cổ điển của hai nhà thơ Việt Nam và Cao ly ở đầu thế kỷ XIV.

Người ta càng ngạc nhiên hơn khi đọc bài thơ *Hakai* «cái quạt» (*Uchiwa*) của 1 thi sĩ Nhật bản rất nổi tiếng ở thế kỷ XVI, *Yama-saki Sakan* :

Gắn một cái cánh

Vào mặt trăng :

Cái quạt đẹp !

Không ! cái quạt mặt trăng của Thi sĩ Nhật, và Y-Doãn — Châu Công — Bá-Di — Thúc-Tề của Mạc đĩnh Chi và vị sứ thần Triều Tiên, hãy còn ấu trĩ về tư tưởng cũng như nghệ thuật, không bằng *một lỗ xâu xâu mấy cũng vừa* của Nữ Thi hào Việt Nam, cô em họ tài hoa siêu bạt của Quang Trung Hoàng Đế.

(còn nữa)

KỶ SAU : VII — Hai bài «*Khóc ông Phủ Vĩnh Tường*» và «*khóc Tổng Cốc*» phủ-nhận hoàn toàn học thuyết Freud áp dụng cho Hồ Xuân Hương.



Saigon lai rai...

Ngày 1.11 của Phổ-Thông tạp chí và của Việt Nam Cộng Hòa.

● HOÀNG-THẮNG

Nói theo ý nghĩa hẹp, ngày 1-11 là ngày tạp chí Phổ Thông mở mắt chào đời. Và Phổ Thông đã sống tới năm thứ mười một. Mười một năm qua, bao nhiêu chuyện đời đời. Đã có một vài biên tập đã thâm thế giới khác nhau: bà Thượng Lạc, ông Nguyễn Triệu. Có nhiều người ngưng bút, và cũng có những cây viết mới. 214 số báo rồi và sẽ còn nữa, còn nữa...

Từ trước tới giờ, Phổ Thông vẫn ra đều đặn một tháng hai kỳ nhưng sau cuộc biến cố do Việt Cộng gây ra ngày mồng 2 Tết, Phổ thông đã bị ngưng mất mấy tháng. Vì chiến sự nổ bùng tại Thủ Đức, rồi đường xá cách trở. Sau nữa tới vấn đề nhân công. Vì lệnh tổng động viên, nên hầu hết các anh em ấn công và nhân viên chạy máy nhập ngũ đã gây sự thiếu hụt nhân công trầm trọng. Chỉ còn lại lớp người non tuổi, non ngày—vi

mới tập sự—nên việc xếp bài đã chậm lại càng thêm chậm trễ. Phổ Thông lúc đầu mới chỉ là muộn hơn thường lệ một tuần lễ, rồi tiến tới chậm nửa tháng Bán nguyệt san hóa thành nguyệt san. Rồi có lúc tới một tháng rưỡi mới... ra rồi.

Thật là cả một sự khổ tâm cho toàn thể bộ biên tập Phổ Thông và nhất là ty Quản lý. Có nhìn thấy bộ mặt nhăn nhó của ông Quản lý, độc giả mới thấy thương thương và sẽ đỡ bức mình khi phải chờ đợi, chờ hoài mới thấy Phổ Thông xuất hiện.

Còn như ông Giám đốc—bác Nguyễn Vũ—thì khỏi nói. Ông đi ra đi vô, lên lầu coi anh em sắp chữ, xuống nhà nhìn mấy chiếc máy rồi thở dài sườn sượt, chậm quá, chậm quá!

Nhưng biết làm sao được!!!
Cứ mỗi lần tới ngày 1-11, báo

SÀI GÒN LAI RAI...

Phổ Thông lại một lần ăn... kỷ niệm. Đệ nhị chu niên, Đệ tam chu niên... Đệ thất chu niên... Anh em toà soạn, các văn hữu gặp nhau nhậu nhẹt tung bừng, ngâm thơ. Hát, ngâm thơ có chị Lệ Liễu... Hát có cô Lê Thanh... Có lần đứng dịp trao giải Yao Đan Bạch Nga. Năm ngoái 1967- dự tiệc tại nhà riêng của ông Đồ vạng Lý và cô Tuyết Vân. Có lấy thăm trúng giải. Vui biết bao.

Năm nay, kỷ niệm Đệ thập nhất chu niên. Hồi cuối tháng 10 bác Nguyễn Vũ cười buồn nói:

— Năm nay, Phổ Thông ăn... chao!

Kể cũng buồn!

★1-11 nói chung lại là ngày mà toàn dân Việt miền Nam đã hân hoan thở một bầu không khí mới. Ngày 1-11-1963. Ngày cách mạng lật đổ chế độ gia đình trị họ Ngô. Trương Dương văn Minh và các sĩ quan cấp tướng được dân chúng hoan nghênh và đặt rất nhiều tin tưởng. Nhưng chính phủ đầu tiên do ông Nguyễn ngọc Thơ làm Thủ Tướng đã làm mất đi

rất nhiều nồng nhiệt của người dân. Báo chí đã mệnh danh chính phủ này là chính phủ...Rùa,

Rùa Hành chánh, trong khi cơn sức sôi của Cách mạng vẫn bốc cao ngùn ngụt, Không có gì mới lạ! Không có gì gọi là thay đổi cả. Rồi sau đó, là những cuộc đảo chính liên tiếp. Các vị Quốc trưởng Thủ Tướng thay đổi như thay áo. Những cuộc biểu tình hoan hô, đả đảo tay nhau xuất hiện. Những cuộc xuống đường chống đối (nhất là Miền Trung) đã làm cho một số lớn quân đội phải trở về Thủ đô để bảo vệ và bỏ ngõ nhiều khu vực. Và những khu vực này dần dần đã bị Việt Cộng kiểm soát. Sự kiểm soát đất đai của V.C. lan dần cùng với nhịp độ xâm nhập của họ từ Bắc vào mỗi ngày một nhiều.

Kết quả Miền nam Việt nam phải kêu cứu. Và quân đội Hoa kỳ lúc đầu chỉ là những vị cố vấn với con số nhỏ nhoi 682 người hồi năm 1962. đã tăng lên tới ngoài 500.000 người, chưa kể các lực lượng Đồng minh như Đại Hàn, Úc, Tân Tây Lan và Phi luật Tân(dân sự vụ).

Quân số càng tăng, chiến tranh càng khốc liệt, nên tượng Hòa Bình càng mờ mịt như màn sương.

Ai cũng mong muốn Hòa Bình. Đó là lẽ dĩ nhiên. Nhưng muốn có Hòa Bình phải làm sao đây? Nhiều người nói: «Hãy ngưng oanh tạc miền Bắc là có Hòa Bình ngay!». Thật là một lời tuyên bố ầu và ngu đần. Từ ngày 31-3-68, phi cơ Mỹ đã ngưng oanh tạc từ vĩ tuyến 19 trở ra Bắc, chỉ còn khu vực Vinh-Đồng Hới mà thôi. Kết quả của những vụ ngưng oanh tạc đó ra sao? Đường xá, cầu cống, đường hỏa xa đã được cấp tốc sửa chữa lại để chuyển quân vào Nam nhanh hơn, nhiều hơn.

Lại có người tuyên bố: «Minh cứ ngưng trước đi rồi Hà Nội sẽ phải ngưng theo mình!»

Ai bắt buộc rằng Hà Nội sẽ phải ngưng theo mình? Nếu mình đơn phương ngưng rồi họ

được tự do kéo quân qua sông Bến Hải thì liệu mình có trở tay kịp không? Nếu nhờ Ủy Hội quốc tế kiểm soát liệu họ có đủ thâm quyền, và có vô tư chẳng?

Hãy nhớ lại kinh nghiệm mới rồi. Chính Hà Nội đề nghị ngưng chiến và khi chính phủ ta đồng ý, họ lại đề nghị thời gian lâu hơn ta đề cố ý tỏ là họ ưa chuộng Hòa Bình.

Và kết quả là, nếu ta không lĩnh táo đề phòng, thì Saigon nay còn đâu nữa và cả mảnh đất Tự Do này còn đâu nữa.

Đã có ai lên tiếng tố cáo sự tráo trở của họ không? và họ xử sự ra sao? Chắc ai cũng đã rõ: họ vẫn tĩnh như không có chuyện gì, chỉ khổ cho những gia đình có con em phải vào Nam để chết, và chết không có giấy khai tử.

Chỉ bao giờ không còn những con người chết không có giấy khai tử thì Hòa Bình mới có dạng! ★ ●

Bài thơ cuối cùng của nghệ sĩ Lê-Liễu

Chiều thứ sáu 18-10, tôi có nhận được bức thư của «*một người lao sắp chết trên lầu thơ...*» kèm theo hai bài thơ của người yêu-cầu cho đăng trên tạp chí Phổ-Thông. Nét chữ run-run tác giả là Lê-Liễu, một nghệ-sĩ tài-hoa đã nổi tiếng từ lâu trên sân-khấu cồ-nhạc, và trên đài phát-thanh Sài gòn,

Cảm tình văn-nghệ, tôi đăng hai bài thơ của Lê-Liễu tặng một thi-hữu miền Nam.

Câu chúc Lê-Liễu qua được con tử-bịnh

N.V.

I— Bài thơ của người lao : LÊ-LIỄU

(Họa nguyên văn «*Bài thơ Lê-Liễu*» của Thi-hữu Kiên-Giang)

Ngày nay, tôi vẫn là thi sĩ
Khi chiếc đò tình dỗi bến mơ
Kỷ-niệm ngày xưa là ảo-ảnh
Phôi tôi đau lắm... vẫn làm thơ.

Đã trót mang rồi danh Lê-Liễu
Khóc hoài... nước mắt chảy vào tim
Đời tôi héo rụi vàng như lá...

Rung giữa mùa Thu... ai khóc em ?

Giờ đây vắng bóng nhiều xa mã
Chỉ có một người năng lái xe
Đậu trước lầu thơ.. tìm nét mộng
Lên thăm Lê Liễu... nói rằng : Yêu

Dùng midol trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ TÍNHỐC TÂY

1360/BY.T/ĐDCC

Lệ ướt hoen mi... lấm buổi chiều
Khi chàng không tới... khóc cô liêu
Lầu thơ k óa kín... phaj son phấn
Em khóc một mình ; Chẳng được yêu

Phôi em đã rách giữa lầu thơ
Ai vá dùm em... ai ước mơ ?
Ai hiến vòng tay làm gối mộng
Ai ru em ngủ giấc say sưa ?

Lệ Liễu đã mưa trên bản thảo
Nhưng hồn em... chẳng gặp hồn anh
Vú ơi ! tình thắm như hoa nở
Dù chẳng mong chi mộng đặc thành

3 giờ sáng 4/10/1968

Mai thị Điều, tự Lệ Liễu,

viết bên giường bệnh. Trên lầu thơ tư thất
số : 305/125 Lý Thái Tồ, Saigon.

II— YÊU NGƯỜI LAO

của LỆ LIỄU

Tặng Thi-sĩ K.G.

Chàng Vũ thường hay vuốt tóc tôi
Khuyên rằng : Em khóc... cũng đau rồi
Bệnh lao .. ai góm...anh không góm,
Má em vẫn yêu em... đến trọn đời

Trời hỏi... làm sao tôi nở ghét
Khi chàng tha thiết yêu người lao ? f.
Phôi nám...vi-trùng đang đục khoét...
Giết tôi... con đại khổ đường bao ? ...

Mẹ già tóc trắng... ai nuôi dưỡng ?
Đắp lạnh quạt nồng .. bồn phận tôi...
Lệ thấm tuôn tràn... con lần mẹ
Má ơi ! con vẫn sống an vui

Tôi cười... tôi hát... như người khỏe
Cố nuốt thương đau... để mẹ mừng .
Chàng Vũ biết... nhưng tôi cấm nói...
Yêu em... cần giấu ghen anh cung...

Lén lau nước mắt... đổ dành nhau
Ai bảo anh yêu kẻ bị lao
Tái phát lần này... em sẽ chết
Tự em tây trọc... Vũ càng đau

Má ơi ! con vái : phải tu hành
Con má đẹp nhờ cắt tóc xanh
Mẹ hiểu ý con...nhưng chẳng trách...
Bệnh em trầm trọng... đi đi anh..

Mai thị Điều, tự Lệ Liễu, viết bên giường
bệnh lúc 3 giờ sáng 4-10.68 ,tại lầu
thơ tư thất (305-125 Lý Thái Tồ, quận 5)

(Tiếp theo trang 10)

Wasanni, Mansan-Mycon Ongjin-gun, thuộc tỉnh Whang-hae, Hiện nay trên đồi I-Eul Bong, Dumun dong, không xa Whasanni, có ba ngôi mộ của ông và hai người con của ông. Và trên núi Gwang dac-san, có 1 tảng đá gọi là Weol-song-am (Đá tiếng nói An Nam) Tục truyền rằng vị Hoàng thân Việt Nam không thể quên quê cha đất tổ nên thường thường đứng trên tảng đá này hướng về miền Nam, nhìn Tổ quốc. Trên núi Whasan có một cái nền bằng đá vạt tục truyền rằng ông Hoàng Việt Nam đã cho xây nền này để ngày hai buổi, sáng và chiều, đứng nhìn về Nam Hải. Gần bên cửa phía đông của căn cứ quân sự Ongjin có một tấm bia ghi rằng tại nơi đây Hoàng thân Lý Long Tường đã nhận sự đầu hàng của quân Mông Cổ. Đó là những vết tích chứng tỏ sự hiện diện của ông Hoàng Việt Nam trên đất nước Đại Hàn.

Dưới triều vua Gojong nhà Koryo vào năm 1253, quân Mông Cổ kéo sang xâm chiếm Hàn quốc. Chúng tiến chiếm thủ phủ và nhà vua phải trốn sang đảo KangWha. Quân Mông Cổ xua quân về phía Tây nhằm vào vùng Ongjin và nơi đây chúng đã gặp khó khăn. Hoàng Thân Lý Long Tường xuất đầu lộ diện, đem tài năng ra giúp nhà cầm quyền Ongjin. Sau năm tháng chiến đấu gian khổ, quân của Lý Long Tường làm chủ được tình hình. Một hôm quân Mông Cổ bày mưu đầu hàng, cho mang năm thùng vàng lớn đến cầu hòa cùng Lý Long Tường. Trong mỗi thùng này chúng để một tên quân cầm tử để giết họ Lý. Nhưng Hoàng thân Lý Long Tường biết trước âm mưu của quân Mông Cổ. Thay vì truyền lệnh mở thùng, ông đã cho lệnh đổ nước sôi vào thùng và cho đem trả lại các thùng này cho quân Mông cổ. Bọn Mông cổ thấy không thể thắng nổi họ Lý

Điêng midol 1350/ĐY.T/ĐPDC

Trị các chứng đau nhức
và cảm cúm

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

nên đã vội vã rút quân. Nghe câu chuyện này, vua Gojong hết lời khen thưởng họ Lý và phong cho chức Hoa sơn Quận công, cấp cho họ Lý một thửa đất 30 mẫu với 20 ngôi nhà để làm nơi thờ phụng tổ tiên. Một công kỷ niệm được cất tại Ongjin để làm nơi ghi ơn ông Hoàng Lý Long Tường. Con cháu của ông từ đời này sang đời khác đều ở tại nơi này và mang họ YiWhasan. Bên công kỷ niệm có xây một cái bia, trên bia có khắc công lao của Hoàng thân. Bia này được đặt tên là Su-whang-mun (nhận đầu hàng) trải qua 6 thế kỷ nay và là nơi thăm viếng và chiêm

ngưỡng của du khách.

Năm 1900, khi thị xã Ongjin được đổi sang Sogang, các công thự nơi này phải dời đi, kể cả bia kỷ niệm Suwhangmun nhưng vị Thống Đốc nơi này, ông Yun Gilgu, thay vì dời đi đã ra lệnh sửa sang lại Suwhangmun.

Sự đánh đuổi quân xâm lăng Mông cổ và cứu nguy cho nhân dân Hàn quốc đã làm cho nhân dân Đại Hàn luôn luôn sùng kính người. Bia và công kỷ niệm để cao tên tuổi của người. Thời gian có thể làm cho công sụp đổ nhưng những chữ ghi trên bia đã không bao giờ phai.



HỖ-TÍN

Thân-ái mừng cháu

TRẦN-THỊ-KIM-THOÀ

đã làm lễ thành hôn với

TRẦN-KIM-ANH

tại Đà-Lạt ngày 6-11-1958. và chúc hai cháu hạnh-hải "tăng gia sản xuất".

NGUYỄN-VỸ

DÂY THÌ



★ PHƯƠNG-LAN

Bài « Dây Thì » dưới đây là bản dịch bài Anh Ngữ « Growing up » của cô Tôn nữ Thanh Nhung đã đăng trong Phổ Thông số 211.

Dịch giả là cô Phương Lan, nữ Giáo sư Anh văn ở Nha Trang.

Bản dịch cũng hay như bài chính vậy.

N. V.

« Mẹ ơi, trắng đẹp quá, nhưng mà trắng cao quá... ». Nhìn lên mặt trắng xanh tròn ở trên bầu trời trong sáng phủ đầy những ngôi sao lấp lánh, tôi làm nũng với mẹ.

Mẹ ẵm tôi âu yếm trong hai cánh tay : « con muốn cái gì nào, nàng tiên bé nhỏ của mẹ ơi ? Mẹ sẽ lấy trắng xuống cho con nghe. Chờ đây ! » Mẹ mỉm cười khi thấy tôi sung sướng tán thành, rồi uyển chuyển mẹ ra khỏi vườn. Một lúc sau mẹ trở lại với một thau nước bằng đồng và đặt nó lên một chiếc thau màu vàng đậm. Tôi vỗ tay, nhảy nhót trên đám cỏ xanh gần đấy : « Ô ! Bây giờ trắng đã gần ta quá — hãy ra đây, trắng thân mến ! » Tôi nhúng hai bàn tay bé nhỏ vào trong nước, đan chúng lại cẩn thận và nhấc chúng ra một cách nhẹ nhàng.

Hai bàn tay tôi ra khỏi mặt nước nhưng chúng không giữ được ánh trắng đầy trong đó, và tôi bật khóc.

Mẹ đặt tôi lên đùi mẹ, chùi nước mắt cho tôi : « Con của mẹ hãy lắng nghe, mẹ sẽ nói cho con nghe điều này. Con có biết tại sao trắng trốn con không ? Bởi vì con làm nó sợ hãi. Con nai nhỏ của mẹ ơi, con có thể ngắm nhìn cái gì trong thiên nhiên đẹp để trước mắt con nhưng con đừng có bắt nó, lại bằng những ngón tay con. Nếu con làm như vậy, nó sẽ biến mất hoặc chết đi. Bây giờ hãy nhìn đây ! Trắng đã trở về cùng con.

Trong chiếc thau đẹp, trắng trở nên trong sáng hơn. Nét mặt của trắng mỉm cười dịu dàng bên cạnh mặt tôi.

oOo

DÂY THÌ

Suốt hằng giờ, tôi ngồi cạnh cửa sổ bất động, nhìn vẩn vơ ra vườn. Vào những chiều Thu đẹp như vậy, đáng lẽ tôi phải ra chơi với bạn bè và các em tôi ở đó, góp nhặt những chiếc lá vàng để làm nón, vương miện và những cái nhà bằng lá. Các em tôi đang gọi tên tôi, nhưng tôi không trả lời. Những trò chơi trẻ con đó bỗng mất sự quyến rũ đối với tôi. Bây giờ tôi mười lăm tuổi và những điều lôi cuốn trí óc tôi chính là sử ký và nét đẹp của văn chương Pháp. Tuy nhiên khi tôi quay vào với quyển sử ký đặt trên đài và đọc đi đọc lại một đoạn ngắn mà không hiểu gì cả, những dòng chữ chỉ là những dòng

chữ, không tạo nên được một ý niệm gì trong đầu óc tôi. Mắt tôi lại rời quyển sách, chợt nhìn thấy một cánh hoa ở dưới chòm cây, một cánh hoa màu thiên thanh đậm; nhỏ bé, cô đơn, ẩn mình trong thảm cỏ vàng. Những chiếc lá vàng, rung động bởi gió đầu Thu, tiếp tục rơi trên cánh hoa, suốt lúc tôi ngắm nhìn; cho đến khi ánh hoa bị chôn vùi dưới nắm cỏ bằng lá. Thốt nhiên

một sự thê chưa bao giờ xao động tôi từ trước tràn ngập cả hồn tôi — Ý tưởng về sự chết. Dựa mình vào khung cửa sổ, tôi dang lời an ủi cánh hoa, một vật cũng yếu đuối và mỏng manh như chính bản thân tôi vậy.

Mẹ đi qua phòng tôi nhiều lần. Tôi mơ hồ cảm thấy sự hiện diện của mẹ ở hành lang, ngập ngừng bước qua cửa phòng đang mở rộng trong buổi chiều ấm áp. Tuy nhiên tôi không quay đầu lại cho đến khi một bàn tay ấm áp đặt lên vai tôi và một giọng nói dịu dàng đến tên tôi, Mẹ mỉm cười với tôi : « Nha-Trang, theo mẹ, Minh đi dạo. »

Mặt trời đang lặn khi mẹ và tôi bước vào vườn. Mùi hương của hoa huệ lan trong không khí mới dịu dàng làm sao, và những tia sáng cuối cùng của mặt trời đang lặn mới đẹp làm sao, khiến tôi không thể nào không ngâm một bài thơ ngắn để ca ngợi vẻ mỹ miều của nó :

« Vườn thu hơi gió nhẹ nhàng
«Cuốn lời những chiếc lá vàng
đỏ rơi.

DẠY THÌ

«Cúc hoa phở nét sáng ngời,
«Thì đua cùng ánh mặt trời về
tây.

«Vang vang lời nhạc ngắt ngảy,
«Của đàn chim giữa hàng cây
thì thảo.

«Trời xanh mây trắng tầng cao
«Nàng hồn tôi đến cõi nào xa
xăm.»

—«Con thích thơ. Mẹ nói nhỏ,
mắt mẹ sáng lên nhưng rồi mẹ
không nói tiếp.

Khi mẹ và tôi đã dạo xong
trong vườn, mẹ ngồi trên một
ghế đá và bảo tôi : «Con hãy
cỉ hái ít hoa cho phòng khách»

Tôi trở lại bên mẹ với những
cành hoa huệ trắng : — «Mẹ, con
sẽ cắm hoa vào trong bình thủy
tinh.»

—«Hãy cắm vào bình sứ, con
nghĩ thế nào?» Mẹ đề nghị. Tôi
ngập ngừng : — «nhưng con thích
chiếc bình thủy tinh, dù con
không biết giải thích tại sao.
Con chỉ cảm thấy rằng con đã bị
nó lôi cuốn.» Mẹ bảo : — «Hãy ngồi
xuống cạnh mẹ trong vài phút,

con của mẹ. Mẹ sẽ giúp con hiểu
cảm giác của riêng con.»

Mẹ im lặng một lúc, lựa lời :
•Luôn luôn có một lý do cho bất
cứ điều gì chúng ta thích. Con
không hiểu được ý thích của
con bởi vì con chưa đạt thấu
chiều sâu của tâm hồn con. Con
thích thủy tinh bởi vì nó biểu
hiệu cho con, con ạ.» Tôi đắm
đắm nhìn mẹ và không hiểu gì.
«Như tất cả các trẻ con khác,
con sinh ra với một tâm hồn
như chiếc bình thủy tinh trống
và mẹ đã vui mừng là con đã
giữ nó không cho thay đổi, thật
trong sáng và tế nhị như lúc con
mới chào đời. Nhưng bây giờ
con không còn là một đứa bé
nữa. Con không còn thuộc vào
thế giới của một cô bé
con năm tuổi chạy nhảy
tung tăng trong vườn nữa.
Con đang bước vào một
thế giới khác mà con chưa hiểu
được. Con muốn khám phá nó,
nhưng bản tính con giữ không
cho con vội vã lao đầu vào đó.
Mẹ nghĩ rằng đường lối của
con là ngời và mơ mộng về nó.
Những giấc mộng của con về
đời sẽ hiện như những cành

DẠY THÌ

hoa đang trở trong chiếc bình
thủy tinh».

Máu rần lên và làm ấm mặt
tôi. Mẹ chải tóc tôi với những
ngón tay mềm mại : «Con không
phải hồ thẹn gì. Buổi giao thời
huyền bí của một đứa bé đang
trở thành một thiếu nữ thì tự
nhiên mà có và đây là những năm
đẹp của cuộc đời người đàn bà.
Tất cả những cô gái ở tuổi con
đều làm như con đang làm : thờ
ơ với những trò chơi con trẻ,
hòa mình với trời mây, hoa cỏ,
ngồi lặng hằng giờ để mơ mộng
tới tương lai. Chỉ có tính chất
của giấc mộng làm cho một cô
gái khác với những cô gái khác,
Con yêu! Con đã nghĩ gì khi con
chỉ hái hoa huệ giữa những nàng
hoa khác?»

—«Mẹ ạ, hoa huệ là thứ hoa mà
con thích nhất, chúng thật tinh
khiết với mùi thơm dịu nhẹ.»

—«Còn các hoa kia, hoa hồng,
hoa lai?» Tôi trả lời không
ngần ngại : — «Con không thích

hoa hồng, màu sắc của nó quá
chói, còn hương thơm của hoa
lai thì quá mạnh.»

Mẹ nhìn vào mắt tôi âu yếm
Cuộc đời mở ra cho những người
con gái cũng như một chiếc
vườn với nhiều hoa mang những
vẻ đẹp khác nhau. Không nghĩ
ngợi, con đã chọn một vẻ đẹp
thủy mị và mỏng manh của hoa
huệ để làm biểu tượng cho
hương đi của tâm hồn con.

Cầm chặt tay tôi, mẹ bảo tôi,
bằng một giọng nói nhẹ hơn :
—«Con yêu của mẹ, con hãy tiếp
tục những giấc mộng của con.
Từ bây giờ trở đi thế giới của
con là của riêng con. Mẹ không
thể dự phần vào đó. Sự tinh
khiết của trí con tạo thành bởi
thi ca mà mẹ đã truyền lại cho
con sẽ đưa con đến những
huyền diệu với những vẻ đẹp
vô cùng.»

Tôi lại khóc trên vai mẹ, chợt
cảm thấy thiếu bảo vệ trong cái
thế giới mới mẻ xa lạ này.



Dùng **midol** trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BAN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

1360/BXT/ĐDĐC

CON ĐƯỜNG MẪU - HỆ

★ Của PARICHAM

★ PARICHAM, tác giả truyện dưới đây, là một nhà văn Chăm, một học-giả hiện tưng-sự ở Viện Khảo-Cổ Saigon. Ông thường viết trong PHỔ-THÔNG, và có một tên nữa là JAYA PANRANG, và tên Việt-Nam là Lưu-quý-Tân.

Bài sau đây có sắc thái đặc-biệt Chăm.

N.V.

Trong chiếc chòi rơm dựng bên lề sân lúa, Linh nằm dài ra, bên cạnh Cyclone vợ chàng. Đầu gối trên đôi bàn tay chập lại, đôi mắt chàng thờ thẩn nhìn lên nền trời xanh thẳm. Chốc, chốc, chàng lại thở phều ra, chừng như khắc khoải lắm... Vâng chàng ngủ làm sao được, vui làm sao được, khi được tin mẹ chàng từ phương xa đang quại quẩn trên giường bệnh rên xiết trong cơn đau. Đã hai năm qua, từ ngày ba chàng khuất, chàng không được về thăm mẹ và em, chàng không biết trong thời gian ấy, mẹ chàng phải làm gì để sống, em chàng, thằng Vũ, nó có còn tiếp tục đi học như xưa nữa

không? Cái câu "Công cha như núi Thái sơn, công mẹ như nước trong nguồn chảy ra" cứ hiện ra trong trí chàng mãi. Hơn bao giờ hết, chàng rất thương cha mẹ vô cùng. Ra sương mới biết lạnh, lên đèo mới biết cao. Chàng có nuôi con mới biết thương mẹ, có làm chồng mới biết thương cha. Nhưng giờ đây cha chàng đã khuất, mẹ chàng đang đón tử thần, vậy mà chàng đang còn nằm đây để than với thờ...

— Anh Linh!

Cyclone bắt giác mở mắt ra nhìn chồng:

CON ĐƯỜNG MẪU HỆ

— Anh làm sao vậy. Sao anh không nghỉ cho khỏe!

Linh trút ra hơi thở, thở nặng nề và bảo:

— Anh không tài nào nghỉ được. em cứ nghỉ đi, chốc nữa mình sẽ chờ nổi mấy xe lúa bó, chiều ba má lên thấy còn đầy đồng, ba má la chết.

— La gì anh! chiều này có em, em sẽ cố gắng với anh thanh toán hết mà. Nhưng anh à, hình như anh có việc gì buồn mấy hôm nay phải không anh?

Tiền nét mặt u buồn, đôi mắt chàng vợ vẫn nhìn thẳng lên nền trời, Linh nói với vợ:

— Vâng! em thông minh lắm! Anh rất buồn Cyclone ạ! Anh được tin mẹ anh đang đau nặng mấy hôm nay mà anh không biết làm thế nào!

Cyclone vùng dậy, nàng ngạc nhiên:

— Sao anh không bảo cho em và ba-má hay, dù sao em cũng là vợ của anh, mẹ của anh cũng như của em rồi! Em đau lòng lắm,

nếu em không về săn sóc mẹ. Chiều nay ba-má lên, em sẽ nói thẳng và xin phép ba-má để chúng mình về ngoài ấy nghe anh.

Linh thiếu tin tưởng:

— Vô ích! Về làm sao được. Ai trông, ai làm mấy xe lúa bó ở đây! Ba-má thì không chịu thuê người giúp việc. Tiền anh đâu có để về mua thuốc cho mẹ.

Ngừng một lát, chàng lại tiếp:

— Em nghĩ coi, từ mấy năm qua, ở với em anh có dư được đồng nào đâu. Lương tháng nào hết tháng đó. Nghỉ Tết về, anh còn phải ra đồng làm lúa làm mùa, trong lúc đó bên anh mẹ già phải ra thân làm lầy, nào tiền chợ, nào tiền mua lễ vật để cúng quây cho con khi ốm đau, cúng này cúng nọ, nào phải lo cho gia đình cơm lành áo ấm. Phong tục mình, trai lấy vợ nuôi vợ, gia đình bên vợ!

Nghe Linh nói, lòng Cyclone như se lại, nàng cảm động và thương mến Linh vô cùng. Thật vậy, nàng như thắm, từ hôm chàng về ở với mình, chàng luôn luôn săn sóc cho gia đình mình

vâng lời cha mẹ mình, con đau mà chẳng dám tự ý thuốc thang, vợ ốm mà chẳng dám tự trị. Chỉ có thần linh ma quỷ, chỉ có đàng trên đàng dưới là chàng được phép nghĩ đến, đề kêu cầu khi bệnh hoạn. Bao nhiêu tiền bạc, phải trang trải nợ nần. Đã nhiều lần, chàng toan cự tuyệt, nhất quyết bài trừ nạn mê tín, dị đoan tư tưởng lạc hậu mà chế độ phong kiến, lỗi thời đã gieo rắc từ mấy thế kỷ nay. Nhưng... Vâng chỉ vì chữ ấy mà tâm tư chàng cứ mãi dầy vò, quyết định của chàng trở thành do dự. Chỉ vì chàng quá yêu Cyclone, vợ chàng, mà chàng phải buông lời, phó mặc cho định mệnh, ngoan ngoãn như cừ non, ba má dạy gì chàng nghe đấy, bảo gì thì làm ngay đề được gọi là rề hiếu, để vợ chàng hành diện với xóm làng mà thương yêu chàng hơn nữa!

Ôi Mẫu-hệ! Ôi cái tường thành phong kiến, cái chế độ mà đã làm cho chiêm Quốc phải diệt vong, cái Xã-hội mỗi ngày thêm mục nát!

Vẫn với cái giọng than thở, u buồn chàng tiếp:

— Anh nghĩ rằng: Người như anh sống thật vô-ích.

Anh không biết anh học để làm gì, khi mỗi ngày anh nhìn thấy những con bệnh gục đi và quan niệm Thần linh, kinh tế của xứ anh phải suy kiệt nghèo nàn vì những chi phí không đâu. Và để làm gì nữa, khi bên tai anh vọng lên những tiếng kèn thúc dục điếu xuất quân, những giọng ca oai hùng làm liệt của các bạn thanh niên Việt mến yêu! Và để làm gì nữa em ôi! Hay là cứ mãi trung thành với tập tục lễ nghi, với một tình trăm năm Mẫu hệ!

— Anh Linh! Anh Linh!

Cyclone gào thét lên vì quá xúc động:

— Em van anh! xin anh đừng nói nữa. Em đã hiểu anh rồi! Chúng ta đều là nạn nhân của chế độ cả! Anh nghĩ rằng em yêu anh mà không nghĩ đến gia đình anh sao? Tình yêu là gì hở anh, nếu chúng ta không coi người ruột thịt như một. Em thương anh mà không thương ba má anh, hay trái lại, yêu em mà

không thương ba má em, tình yêu đó có phải là thứ tình yêu chân thật và thiêng liêng không?

Nhưng anh ô! Nếu em phải về phục vụ cho gia đình anh, để đáp lại tình thần của anh đối với bên em, hay là để anh làm tròn gia đình bên anh, thì các bạn gái của em, họ hàng của em coi em ra gì và đối với cha mẹ em, người nói rằng người có phúc đức không?

Linh cảm động, ôm chàng lấy vợ và nhẹ đặt lên má nàng chiếc hôn âu yếu:

— Cyclone! Dù sao, em của anh tiến bộ lắm rồi! Anh mong rằng em sẽ là đồng-chí của anh để gieo rắc tư-tưởng ấy.

Cyclone toan xiết lại tay chàng để tỏ lòng cương-quyết thì Linh bảo:

— Ba má lên rồi kìa.

Cyclone liền bỏ chạy ra sân, nàng đỡ lấy cái giỏ mà mẹ đang cầm. Nàng bốc lên một gói kẹo đậu phộng rồi vào chòi khoe với chồng:

— Này anh! Ba má mua cho chúng mình đề uống trà đấy! Tối nay trời sáng trăng, vừa đập lúa, chúng mình vừa ăn kẹo, vui biết mấy phải không anh?

Nhưng Linh vẫn không nói không rằng. Nét mặt u buồn của chàng như muốn nhắc Cyclone hãy thưa ngay với ba má nàng về việc mẹ, Cyclone lại gần cha!

— Thưa ba! Anh Linh bảo mẹ anh đau nặng. Anh được tin mấy hôm nay Ba má cho phép hai con về ngoài ấy săn sóc, kéo muộn.

Ông cụ nhìn con gái, rồi nhìn Linh như muốn tìm hiểu sự-thật:

— Má con bệnh thật sao con. Bà đau gì và có nặng không? Sao con không cho ba-má biết!

Linh vội đứng dậy thưa với ba:

— Dạ thưa, má con đau nặng lắm!

Cyclone dường như hiểu ý chồng, liền đỡ lời:

— Anh Linh không có tiền đề về chạy thuốc cho mẹ. Ba má vay đỡ đề mai chúng con đi, nghe

ba ! Sau này anh Linh sẽ hoàn lại.

Bà cụ đứng gần đó gạt đầu nhẹ nhẹ :

— Được rồi, mai ba má về mượn. Nhưng ngày mai chưa đi được mà phải mốt.

Bà cụ nhìn ra sân, ra đồng, rồi chỉ tay :

— Lúc bố còn đầy đồng, trên sân thì ngồn-ngang, con phải chờ về đây cho hết đá ! Rồi trưa mai con xuống nhà thầy Bông Rồ mời cho được ông lên cúng cho em con, Hôm qua nó nóng suốt đêm, nó la, nó khóc, ra chân, ra tay, mắt mũi nó trợn lên, má sọc quá !

Cyclone quay nhìn thấy chồng, mắt đang lim-dim như muốn cài lại. Nàng không để chàng nói :

— Ba à ! Sao ba không mời anh Sử Y-Tá lại chích cho em. Hôm kia nó bảo nó đau, hôm qua nó tằm, Như vậy là nó lên cơn sốt chứ gì mà ba lo.

Ông cụ liếc trợn mắt :

— Mày cũng muốn bắt chước

thằng Linh dạy khôn tao nữa à ! Cũng vì nó rước trẻ thầy Bông có một ngày mà con nó chết. Vậy mà vợ chồng mày cũng không chữa !

oOo

Hai hôm sau, hai vợ chồng Linh lên đường về quê nội. Vừa đến nhà, chàng đã nghe tiếng khóc từ trong nhà vọng ra âm-đậm, hai người vội chạy vào, phục quì bên gối mẹ, thì hội òi, mẹ chàng đang hấp-hối.

Linh sụt sùi gọi mẹ :

— Mẹ ! mẹ ! con đây mẹ !
Linh của mẹ về đây !

Bà cụ từ từ mở mắt ra, giọng-gao :

— Linh đó phải không ?

— Dạ thưa mẹ, Linh của mẹ đây.

Bà cụ nhìn Linh thật lâu, đưa tay lên sờ lên đầu xoa nhẹ tóc và sờ mặt Linh, rồi trong giọng u-buồn xa xăm bà trần-trối :

— Thật may cho mẹ quá ! Con đã về trước khi mẹ chết ! Mẹ chỉ còn có con và Vũ. Con thì đã

thành gia thất, Vũ thì còn nhỏ. Nó bỏ học từ mấy tháng nay, từ ngày mẹ nằm liệt giường để làm mướn nuôi mẹ ! Con đừng bỏ em, em con còn dại lắm !

Không dẫn được cảm xúc, hai vợ chồng Linh bỗng khóc òa lên nghẹn ngào. Linh thưa với mẹ :

— Mẹ tha lỗi cho con cái tội bất hiếu !

Chỉ vì con đến trẻ có một ngày mà mẹ phải lìa con, chỉ vì con quá lo cho gia đình vợ, mà em con phải lìa trường, lẻ ra con phải nuôi mẹ và em...

— Không, không con không bất hiếu gì cả !

Con đã làm tròn nhiệm vụ người rề. Đã mang lại cho gia đình ta cái vinh-dự lớn lao, cũng như ba con ngày trước đã đối với ông-bà con vậy. Đó là tục lệ của ta, là chế-độ Mẫu-Hệ yêu-quí của ta ! Rồi bà nức lên một tiếng thở dài, đôi mắt bà hoa lên trợn tròn vinh biệt.

oOo

— Anh Linh à ! Anh còn nhớ không, cái câu mà mẹ nói lúc trần

trời « Làm tròn nhiệm vụ người rề » Em thắc mắc không hiểu mẹ nói gì ?

Em không hiểu sao ! Các cụ già vì nhiệm cái tập-tục phong kiến, cái chế-độ Mẫu-Hệ của ta nên coi ai làm tròn bổn phận người rề, nghĩa là lo hoàn toàn cho vợ, là người đó có hiếu với cha mẹ, trung thành với bà Thiên-Y Thánh-Mẫu.

Cyclone chưa hiểu, nàng cố hỏi :

— Bà Thiên-Y Thánh-Mẫu dạy cho ta những gì về lễ sống, và các cụ vì sao mà sùng bái bà quá vậy ?

— Theo sử Chàm, bà Thiên-Y (Pômaga) đã khai sinh ra văn minh và chế độ Mẫu-Hệ Chàm. Mỗi khi lâm bệnh, bà bắt dân Chàm phải cúng quầy Thần-Linh, tạ lễ Thần-Nông mỗi khi được cày ruộng, và cầu nguyện với trời đất khi mùa lúa trổ. Bà bắt các bà mẹ khăn vái bà, trước khi đẻ con cho ai. Cấm các bà thai nghén ăn quả và trồng nó trong nhà, mà bà cho là có ma quý.

Như cây đu đủ, chuối hột, xoài quẹo cây sao, cò vườn châu và các thứ cây đại thọ. Đứa con sanh ra phải lấy họ mẹ, và thờ cúng bà mỗi khi nên vợ thành chồng.

Về con cái của chúng ta quen điều của chế độ Mẫu Hệ lại còn phức tạp hơn nữa, nếu là con gái duy nhất thì nó trọn hưởng gia tài. Mai kia em có khuất và anh có muốn tái hôn, thì anh cũng không có quyền mang gì theo anh. Anh có chết đi, thì gia đình bên gái cũng không cần đếm xỉa gì đến tang cố của anh, gia tài sẽ thuộc về họ hàng, thân thuộc bên vợ hưởng, nếu ta không có con gái. Và còn nhiều nữa em ôi, nhiều phức tạp nữa!

Cyclone ra về không bằng lòng, nàng nói:

— Thật là một sự bất công!
 Tại sao phải hoàn toàn bên vợ?
 Ai đẻ ra anh, ai cho anh đi học

nên người! Em không chấp thuận cái tình thần trọng thượng cực đoan của các cụ già. Đành rằng chúng ta có bổn phận phải kính nể và trọng quý các quan quyền vua chúa của chúng ta, nhưng chúng ta không thể nhắm mắt mà chấp thuận những lời làm dả làm cho tương lai Quốc gia phải mờ ám, văn hóa phải đổi truy, xứ sở phải điêu linh. Hitler là vị anh hùng của phát xít Đức, Bảo Đại ngày trước là Hoàng đế của nước Nam, nhưng con người Cách Mạng của Đức Quốc, Việt Nam của nhân loại tiến bộ của thế kỷ 20 này có lẽ vì kính phục các vị ấy đâu. Riêng em đồ lỗi cho cả chế độ Mẫu Hệ ta thì hơi khắt khe nhưng em không muốn thấy cái quan niệm phong kiến lỗi thời của các cụ còn tồn tại mãi, đè áp bức con trẻ mình, dù là có học thức để theo mình một cách mù quáng. Đúng vậy không anh?

Linh tỏ vẻ sung sướng, gật đầu lia lịa:

Đúng midol trị các chứng đau nhức
 và cảm cúm
 CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
 1360/BXT/BPDC

— Vâng, em nhận định rất đúng. Mọi lỗi lầm đều do cái tư tưởng thành phong kiến mà ra cả. Anh cho đó là một việc phải Cách-Mạng. Muốn vậy phụ nữ các em là thế lực của Mẫu-Hệ, là nguồn gốc của suy vọng, đi học cho thật nhiều, ý thức được thế nào là tiến bộ. Chừng ấy, chế độ Mẫu-Hệ dần dần sẽ được cải tiến, và tự nó sẽ thay lớp đổi hình, tình chồng vợ sẽ được toại nguyện, và lý tưởng hóa ra. Ngày đó con cái của chúng ta khi lập gia đình sẽ không gặp cái cảnh như chúng ta ngày hôm nay vậy!

Em còn thắc mắc nữa không?

Cyclone không nói nữa mà lặng lẽ bước đi, lòng cỗi mở nhiều! Nhưng nàng vẫn không vui lắm, vì bên nàng Linh chông nàng, đang mang nặng cái tâm sự buồn...

Hai bên lẽ đường, hàng cây không động, lá cành không lay, Con đường mòn dần ra lộ cái, đã vui vẻ tiến dựa chàng về bên vợ ngày trước nay cũng nhuộm vẻ u sầu, như muốn cảm thông với hai tâm hồn cùng một hướng đi, đang đi và quyết đi tìm một cái gì mới mẻ hơn trên con đường...
 Mẫu-Hệ

PARI CHAM

● **Đi thi sắc đẹp tại Saigon.**

Một chú thỏ tại rừng Lộc Ninh, một hôm gặp chị thỏ cũng ở gần đây. Anh thỏ hỏi:

- Đạo này xem chị mập và đẹp ra phết. Mấy cháu vẫn mạnh chớ?
- Cám ơn anh! mấy cháu vẫn chơi. Nhưng vừa rồi đứa con út của tôi bị bắt đi Saigon.
- Đi Saigon! sướng quá. Mà làm gì tại Saigon?
- Đi thi sắc đẹp,
- Ồ!... Thích quá, mà thi sắc đẹp tại đâu?
- Tại Sở thú anh ạ!
- III

24 giờ trên chiến hạm

● ĐẶNG-DOANH

Một trong những lực lượng Hải-quân hùng hậu nhất hiện nay của Hoa-kỳ là Đệ Thất Hạm Đội với đủ loại tàu lớn nhỏ, từ những chiến hạm được biến cải sau Đệ II Thế Chiến như Ticonderoga, Bon Homme Richard, Hancock, Oriskany đến loại tối tân như Midway, Coral Sea Ranger, Independence, Kitty Hawk, Constellation và hàng không mẫu hạm chạy bằng nguyên tử lực mới nhất Enterprise. Tính chung lực lượng này gồm 175 chiến hạm, 75.000 thủy thủ và 700 phi cơ, kiểm soát 1/5 đại dương của Thế giới.

Một trong những đơn vị xung kích thuộc Đệ Thất Hạm đội là chiến đoàn 77 với 8 hàng không mẫu hạm, rất nhiều khu trục hạm và chiến hạm. Chiến Đoàn 77 hiện đang hoạt động tại Yankee Station (trạm gác của người Mỹ).

Yankee Station là mật danh dùng để chỉ vùng hoạt động tại hải phận Bắc-Việt cũng như Cộng-sản gọi chiến trường B là chiến trường Nam VN, chiến trường C là Lào. Chu kỳ hoạt động của mỗi chiến hạm tại Yankee Station lâu từ 6 đến 9 tháng.

Hàng không mẫu hạm đầu tiên tham chiến tại VN là chiếc Hancock. Ngày 7 tháng 2 năm 1965 phi cơ từ HKMH Hancock bay lên oanh tạc lãnh thổ Bắc Việt để trả đũa trận pháo kích của CS vào căn cứ Hoa Kỳ tại Pleiku. Từ ngày đó các loại phi cơ liên tiếp tấn công các cơ sở quân sự tại BV, Nửa số phi cơ này xuất phát từ các hàng không mẫu hạm, số còn lại từ các căn cứ tại Nam VN và Thái-Lan.

Mỗi hàng không mẫu hạm có

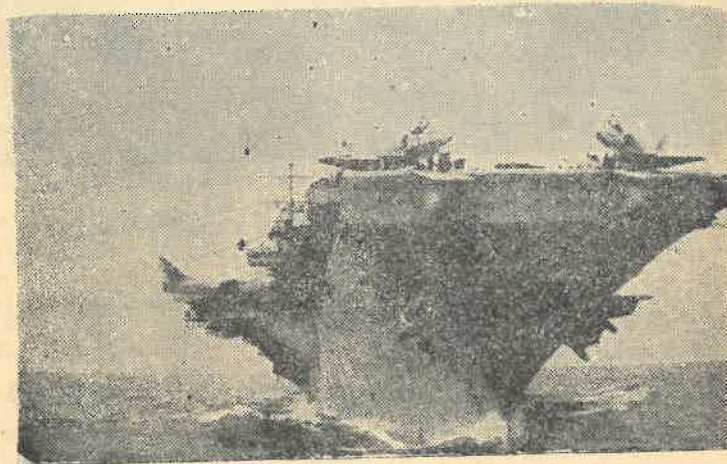
24 GIỜ

thè mang 80 phi cơ và 100 hoặc 120 phi công. Tính chung cứ 3 hàng không mẫu hạm phải đảm nhiệm 300 phi xuất mỗi ngày để tấn công các mục tiêu tại Bắc cũng như Nam VN.

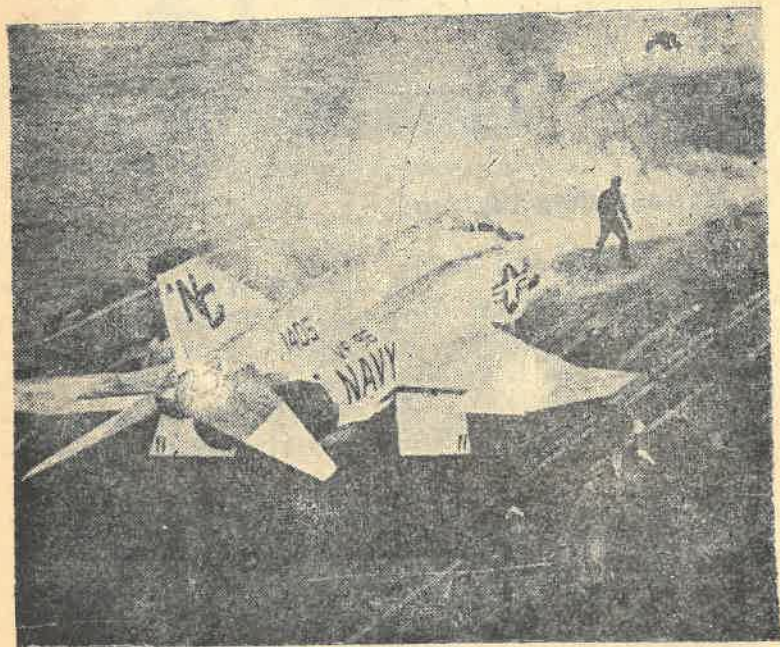
□ Một nếp sống tù túng.

Có lẽ chỉ những thí sĩ yêu biển và cuộc đời hải hồ mới thích sống trên chiếc hạm, còn ngoài ra cuộc sống trên chiến hạm chẳng thơ mộng chút nào. Không kể sóng gió làm nôn mửa khi biển

động, mỗi thủy thủ trên tàu là một chuyên viên nên đối với tình trạng chiến tranh, họ phải làm việc hầu như 24 trên 24 giờ, hăm tầu như nhớp dầu mỡ, hăm đạn thì chất đầy bom đạn và hỏa tiễn và các loại, sơ xuất một chút cũng có thể mất mạng. Tháng 10 năm 1966, một trận hỏa hoạn đã xảy ra trong hầm chứa hỏa pháo của hàng không mẫu hạm Oriskany khiến 34 người thiệt mạng, đa số là phi công. Cũng không phải ở trong hầm tầu mới nguy hiểm. Ngày 11 tháng 2 năm 1967, hai



Hàng không mẫu hạm INTERPRISE



Phi cơ phản lực F.4B Phantom sửa soạn cất cánh

chuyên viên đã bị sức đẩy của máy phản lực thổi bay xuống biển, 1 người mất tích.

Mỗi hàng không mẫu hạm hường hoạt động 30 ngày liền tại Yankee Station, sau đó tạm về bến sửa chữa và tu bổ tại Phi-

luật-Tân, Hồng-Kông hoặc Nhật-Bản.

Trong đệ II Thế chiến, mỗi hàng không mẫu hạm thường phóng ra các chuyến bay oanh tạc với những mục tiêu ở xa nên trong lúc chờ đợi phi cơ trở về

căn cứ, thủy thủ có đôi phút nghỉ ngơi. Ngày nay phi cơ lên xuống bất kể giờ giấc nên thủy thủ phải làm việc liên tục.

Nếu không là thủy thủ thì chắc hẳn các phi công khoẻ nhất, bởi vì sau mỗi phi vụ oanh tạc, họ có quyền nằm nghỉ, viết thư cho gia đình hoặc đọc sách. Sự thực các phi công cũng chẳng sung sướng gì. Sau đây là thời biểu hàng ngày của họ: 2g20 thức dậy — 3giờ00 ăn đêm tâm — 3giờ30 đến 5giờ30 nghe thuyết trình về nhiệm vụ — 5giờ30 đến 6giờ00 chuẩn bị lên phi cơ — 6giờ00 đến 8 giờ thi hành phi vụ — 8g00 đến 8g30 thuyết trình — 8g30 đến 9giờ00 ăn trưa — 9giờ đến 11giờ00 làm việc văn phòng — 11giờ00 đến 13g00 nghe thuyết trình — 13g00 đến 13g30 chuẩn bị lên phi cơ — 13g30 đến 15g30 thi hành phi vụ — 15g30 đến 16g00 ăn chiều. Sau đó các phi công mới được nghỉ.

Thường trực tại mỗi hàng không mẫu hạm có khoảng 6 hoặc 7 phi đội phản lực đủ loại như loại bay nhanh nhất F-4 Phantom đến loại chậm hơn A-4 Skyhawk

hoặc A-1 Skyraider. Lớn nhất có loại A-3 Skywarrior được mệnh danh là « Cá ông ». Loại này được trang bị bom khinh khí nhưng hiện tại chỉ được dùng vào việc tiếp tế nhiên liệu và chụp không ảnh.

□ Một nghề cho quê hương.

Trước mỗi phi vụ oanh tạc, các phi công thường tụ tập trong phòng họp của phi đội, họ mặc đồ bay màu sắc tùy ý. Có người mặc đồ màu đỏ da cam để phi cơ cấp cứu dễ nhận thấy trong trường hợp họ gặp nạn và phải nhảy dù xuống biển. Có người mặc đồ rằn ri để ngụy trang trong rừng.

Sau khi nghe thuyết trình về thời tiết và nhiệm vụ, các phi công thường được vị chỉ huy không đoàn nhắc nhở một câu đã trở thành thông lệ như sau: « Rồi, công việc như mọi ngày. Nhớ theo dõi vị sĩ quan hướng dẫn và ... Lạy Trời! Nhớ coi chừng phía sau đấy nhé. Khi thấy đạn phòng không của địch bắn lên, hãy bình tĩnh báo ngay cho chúng tôi biết vị trí đặt súng. Bây giờ chúng ta sẽ tới từ hướng Tây với cao độ như thế này... Sau khi thả hết bom đạn chúng ta sẽ bay

trở về theo hướng này... Nếu phi cơ trúng đạn, các anh hãy cố gắng lái phi cơ ra hướng biển và giảm tốc lực trước khi nhảy dù ra ngoài».

Ngày lúc đó, trên sân tàu người ta đang chuẩn bị phóng phi cơ. Từ máy phát thanh chợ vang lên tiếng nói của vị sĩ quan chỉ huy mà người ta thường gọi đùa là «ông bầu». Giọng ông bầu oang oang ra lệnh: «Chuẩn bị phóng phi cơ, các chuyên viên đội mũ vào, hạ kính che mắt xuống, tránh xa các máy phản lực. Xong, mở máy phản lực... 30 giây đã phóng.»

Một phi cơ phản lực với tiếng máy nổ đĩnh tai nhức óc được đẩy tới dàn phóng. Các chuyên viên quần áo đủ màu đỏ, vàng, xanh đang hối hả làm việc. Không phải những chiếc áo màu sắc rực rỡ kia được may sẵn cho các chuyên viên để làm đóm, vì giữa đại dương thì làm đóm với ai. Thực ra mỗi màu áo là một nhiệm vụ chẳng hạn màu xanh nước biển là nhiệm vụ người kéo phi cơ — Màu đỏ phụ trách bom đạn và dầu xăng — Màu xanh lá

cây, bảo trì — Màu vàng, hướng dẫn phi cơ — Màu trắng, Cứu thương.

Việc chuẩn bị đã xong, vị sĩ quan chỉ huy hạ cánh tay xuống làm hiệu tức thì máy phóng với sức đẩy 6 tấn ném mạnh chiếc phi cơ trượt đi rồi từ đó bay bổng lên. Cuộc phóng phi cơ hoàn tất.

Việc hạ cánh xuống hàng không mầu hạm, đối với các phi công, là một cuộc thử thách đầy nguy hiểm, hạ cánh hơi thấp hoặc hơi cao một chút cũng có thể gây ra tai nạn. Nhất là về đêm, các phi công không phân biệt được chân trời và mặt biển nên khó xác định phương hướng. Một phi công đã có lần than thở: «Cắt cánh ban đêm trên hàng không mầu hạm chẳng khác gì mò trong lọ mực.»

Cắt cánh an toàn chưa phải là nỗi vui mừng của người phi công, bởi vì nhiệm vụ của họ là phải lao mình vào vòng nguy hiểm giữa màn lưới phòng không dày đặc của địch để oanh tạc các căn cứ quân sự hoặc cầu cống. Chỉ trong phút chốc họ cũng có

thề trở thành «những thiên thần gãy cánh» và bị bắt, bị cầm tù. Có một số người vĩnh viễn già từ bạn bè trong một chuyến đi oai hùng, họ được ghi nhận mất tích. Có một số khác may mắn thoát hiểm tránh được tơ kẻ tặc. Đó là trường hợp chàng phi công Clint Johnson lái máy bay Skyraider.

Trong một phi vụ oanh tạc Bắc Việt, Johnson bị hai chiếc phản lực Mig 17 săn đuổi, loại phản lực này bay nhanh ba lần hơn chiếc máy bay cồ lỗ sĩ của chàng, vũ khí trang bị của đối phương cũng tối tân hơn khiến chàng phải chạy trốn để tránh bị bắt. Chàng phải bay lượn dưới thung lũng và quanh sườn núi để tránh tầm đạn và hỏa tiễn của địch.

Săn đuổi được một lúc, một trong hai chiếc phản lực có lẽ hết nhiên liệu nên bay về căn cứ. Chiếc còn lại vẫn tiếp tục săn đuổi chàng theo chiến thuật «mèo vờn chuột». Sau khi xả hết bom đạn mà chưa hạ được chàng Mỹ gan lì, chiếc Mig liền lỉnh dâm thẳng vào ngang hông chiếc Skyraider với ý định kết thúc

một trận thư hùng chẳng tương xứng chút nào. Ngay lúc đó, chàng phi công Mỹ bấm cò súng. Chiếc Mig trúng đạn và phát nổ khi đâm vào sườn đồi.

Trường hợp chàng Paul, Trung úy phi công Mỹ cũng nguy hiểm không kém. Sau 47 giờ nhào lộn trên vòm trời miền Bắc, máy bay của chàng bị trúng đạn, chàng nhảy dù xuống đất và trốn vào một bụi tre bên bờ sông. Hai lần chàng dùng tín hiệu gọi phi cơ cấp cứu mà không thấy, chàng thất vọng, nghĩ thầm có lẽ chàng sẽ bị bắt. Qua hai ngày chơi trò «hú tìm» với toán tuần tiêu của địch, chàng may mắn được một phi cơ trực thăng sà xuống cứu thoát.

Tuy nhiệm vụ nguy hiểm như vậy nhưng các phi công Mỹ không hề nản chí, có người mãn nhiệm kỳ lại tình nguyện phục vụ tại Yankee Station. Họ quan niệm nếu họ muốn chọn một nghề để phục vụ đặc lực cho quê hương thì tại đó (Yankee Station), họ sẽ tìm được một nghề thích hợp nhất.

ĐẶNG-DOANH



Nhân thể giới vận động hội ở

MEXICO:

Lực sĩ thời xưa

□ VÕ-QUANG-YẾN

Trước mỗi kỳ vận động hội một lực sĩ được tuyển chọn nhân danh toàn thể tuyên thể tuân theo một lý tưởng thể thao. Lời tuyên thể cũng như lý tưởng đã từ cổ Hy-lạp truyền lại. Nếu ngày nay nhiệm đĩnh trong lý tưởng kia bị dày xéo, nhiều quốc gia không còn đếm xỉa gì nữa đến những điều kiện của một cuộc vận động hoàn toàn vô chính trị, những lực sĩ Hy-lạp ngày xưa thật ra cũng chẳng mấy tuân trọng những luật lệ đã được đặt ra.

Trong luôn mười hai thế kỷ, bắt đầu từ lúc Assyrie đang vào khoảng thịnh hưng tuyệt đỉnh cho đến thời kỳ suy vong của đế quốc Roma, suốt qua các giai đoạn thịnh suy của dân tộc cổ Hy-lạp, nhiều thay đổi đã được ghi chú, nhưng hình ảnh chàng

lực sĩ thời xưa, mà người ta hằng tưởng tượng, vẫn luôn còn được đẹp đẽ: Một con người cân đối, bình tĩnh, hằng ngày điều hòa chia sẻ giữa hai hoạt động trí óc và cơ thể; trong môn thể thao thì tỏ ra thanh lịch, phong nhã, cơ thể cân đối hòa hợp với một tinh cách tự nhiên, tinh cách của người mục đồng, suốt năm quen chạy sau đàn cừu nên khi về đến sân vận động Olympie thì giặt hết tất cả các giải chạy đua! Hình ảnh đẹp đẽ kia lắm lúc cũng đã thật bị lu mờ như lúc hoàng đế Neron sửa đổi cuộc đua xe trận rồi sau đó tự tặng cho mình luôn hai giải!

Nhiều nhà khảo cứu đã cố công tìm tòi về các cuộc đại cạnh kỹ từ lâu. Nhà khảo cổ Forster đã từng kể lại tên tuổi

MEXICO

những nhà vô địch từ xưa. Cách đây 10 năm, Luigo Moretti đã cho xuất bản một danh sách gần đây đủ những lực sĩ được giải dựa theo những khám phá ở Hy-lạp từ đầu thế kỷ. Nhờ những hình tượng và những lời chua ở dưới, người ta đã lược lặt được một mô chi tiết về đời sống của các lực sĩ thời xưa. Bắt đầu là Norman Gardine, sau đây Bronislav Bilinski làm tổng hợp mười hai thế kỷ vận động hội, đưa ra một hình trạng xã hội của các cuộc tranh thủ và thử tìm hiểu cuộc phát triển của xã hội xa xăm kia. Xin nói ngay, cuộc phát giác đã làm ta thất vọng khá nhiều về lý tưởng của các cuộc vận động hội ngày xưa.

Giải thưởng lớn lao.

Các cuộc đại cạnh kỹ trước tiên đi đôi với những cuộc tế lễ. Mục đích của vận động hội là làm người giận các thần thánh và phải thao diễn trong một bầu tĩnh tâm, trầm mặc tuy phần khởi, nhiệt thành. Cuộc diện hòa hiệp này dần dần bị quên bỏ và sau vài thế kỷ, lý tưởng «ai giỏi thì thắng» hết còn

được trọng giữ mà đại cạnh kỹ chỉ còn là những cuộc cạnh tranh của những đô thị Hy-lạp xưa: Sparte, Athenes, Megara, ... Nhà vô địch khi trở về quê thôi thì vinh dự tràn đầy, có khi tên tuổi được lưu truyền theo thánh truyện Vào thời thịnh hưng của Hy-lạp, khái niệm lực sĩ lại càng được thay đổi. Những nhà vô địch chỉ được tuyển chọn trong những đại gia đình quý phái; giữa những người có thi giờ thao luyện trong các trường thể dục. Nền dân chủ Hy-lạp tán dương bình đẳng trong môn thể thao nhưng trong thực tế thể thao đi đôi với thi giờ rảnh rang. Như vậy bị khừ ra những người dân đen, những thợ thuyền, những người không phải là dân Hy-lạp thuần túy. Một cuộc phản cách đã được áp dụng ở Olympie: muốn tranh thủ, lực sĩ phải là người «tự do», không bị can án, và đồng đôi «thuần túy», Nhà lập pháp Solon cấm không cho những người nô lệ được vào sân vận động. Ngay cả Themistocle, người thắng trận Salamine, cũng phải thao được trong một trường dành cho kẻ lai vì mẹ anh ta

không phải người Hy-Lạp mà là người xứ Thrace.

Qua «thể kỹ Pericles», cuộc tranh thủ lại càng gắt gao và vinh dự dành cho các nhà vô địch lên cao như chưa bao giờ thấy. Những giải thưởng là những món quà vô cùng lớn. Ở các cuộc Panathénée là vận động hội tổ chức tại Athènes năm thứ ba mỗi Olympiade, người ta phân phát đến 1300 bình âm-pho dầu ô-liu là tài nguyên vùng Attique, riêng người đoạt giải chạy đua xe trận lãnh đến 140 bình. Nhiều đô thị muốn cạnh tranh với Olympie cũng tổ chức những vận động hội và thưởng nhiều hơn, có khi ngay cả tiền để hấp dẫn lực sĩ. Một nhà vô địch ở Corinthe (Đại cạnh kỹ Isthmique) lãnh được 150 drachme, nếu đoạt giải ở Olympie thì lãnh đến 500 drachme. Hơn nữa, bắt đầu từ đây nhà vô địch khỏi phải còn đóng thuế và được đô thị nuôi cho ăn không.

Lực sĩ nhà nghề.

Trước những thắng lợi vật chất rõ ràng như vậy, lẽ tất nhiên cục diện thể thao đổi hình. Muốn được thưởng cần

phải thắng, muốn thắng cần phải tập được nhiều, từ đây một loại lực sĩ mới ra đời, xóa nhòa những «tài tử» trước kia. Sau năm thể kỹ vận động hội, cánh cửa thể thao là một thắng cấp xã hội. Ta hiểu ngay khuynh hướng muốn «chế tạo» những nhà vô địch. Cách thức tập được lúc ban đầu chỉ là những ý kiến cá nhân, dần dần muốn được hiệu nghiệm phải theo phương pháp đứng đắn. Từ đây lại một nghề khác ra đời: huấn luyện viên. Thể thao tự nhiên từ nay trở thành nhân tạo với luật lệ, lương bổng rõ ràng. Vào cuối «thể kỹ Pericles» những nhà vô địch đều là «nhà nghề».

Mỗi một đô thị có đoàn lực sĩ riêng, ăn xong chỉ biết tập dượt rồi kéo nhau đi tranh thủ quanh năm ở các vận động hội. Nhóm lực sĩ «Périonique» là tổ chức bao gồm những nhà vô địch ở bốn đại cạnh kỹ Corinthe, Némée, Olymkie và Delphie. Nhà vô địch có tiếng nhất có lẽ là Theogene từ 480 đến 471 tr.T.C. đã thắng luôn 120 cuộc. Ngoài ra những tên khác cũng được truyền tụng: một lực sĩ chạy đua, Philinos ở Cos, thắng 24

cuộc; một nhà đánh vật, Astyanax xứ Milet, vô địch luôn trong ba Olympiade (từ 324 đến 316 tr.T.C.), rất có tiếng là người ăn nhiều: một hôm đánh vật xong ông ăn hết một bàn tiệc cho chín người...; còn có một người chạy đua khác, Leoidas người đảo Rhodes thắng luôn tất cả các cuộc chạy ngắn, dài luôn trong ba Olympiade 160, 156 và 152 tr.T.C.

Cách thức tập được thay đổi với huấn luyện viên. Người ta có tìm lại được một chương trình tập dựa lên chu kỳ bốn ngày. Ngày đầu: sửa soạn, thao diễn nhẹ, ngày thứ nhì: tập được cực đại, lực sĩ phải đạt mức tối cao; ngày thứ ba: hưu dưỡng, cử chỉ bảo tồn; ngày thứ tư: thao diễn trung gian. Một cuộc tập được thể này cần phải có những thực đơn tương ứng: mỗi ngày ba kilô thịt. Ăn uống, tập được như vậy ắt phải có những hậu quả thất thường. Thật vậy, bên lề những kỷ lục luôn được phá, người ta dễ ý thấy những lực sĩ hùng mạnh nhưng có khi chân cẳng rất to so với vai lưng, khi thì trái lại Đẳng khác rất nhiều lực sĩ chẳng

sống lâu. Ở kỳ Olympiade 80, năm 460 tr.T.C., lực sĩ Ladass đã chết sau khi thắng cuộc.

Thể thao suy đồi.

Vào thời kỳ đế quốc Roma, các lực sĩ còn được tổ chức hơn nữa. Nhiều nghiệp đoàn ra đời, được cả các vua chúa ủng hộ. Cách phát triển các tập quán thể thao đi ngược hẳn lý tưởng nguyên thủy đã gây ra trong công chúng nhiều chỉ trích, phê bình. Nhất là những lực sĩ vì hết còn những nhiệm vụ, lo âu trong công việc xã hội, trở nên những người vô dụng. Euripide, Philostrate là những người đã lên tiếng bực tức, mạnh nhất. Một thầy thuốc có tiếng, Gallien, cũng bảo «các lực sĩ sức tích quá nhiều thịt, máu nên trí óc rơi vào bùn lầy, hết còn khả năng suy nghĩ vì tình trạng nghèo nàn trí óc ấy đẩy chúng xuống hàng súc vật». Ngay các tướng lĩnh cũng tỏ ý bất bình vì theo họ, các lực sĩ quá chuyên môn không còn biết đánh giặc, thêm nữa được quần chúng hoan hô ở sân vận động nên chỉ biết ihanh danh cá nhân và số tiền thưởng.

Mất hết cả ý thức công dân,

lắm lực sĩ đã mua chuộc các địch thủ để đoạt được giải. Người ta kể chuyện một lực sĩ nọ ở Corinthe đã hứa trả cho một địch thủ một số tiền là 300 drachma để hy vọng thắng cuộc khi thắng được rồi, anh ta không chịu trả số tiền như đã hứa, báo chính nhờ mình giỏi nên đã thắng. Năm 308, tại Olympiade 97, một lực sĩ khác, Empolos người xứ Thessalie, cũng mua chuộc các địch thủ nhưng rồi cho anh ta, chuyện bị phát giác và anh ta phải chịu phạt.

Những trí thức và hạng quý phái ở Hy Lạp thời ấy, trong khi luyện tập một lý thường đã mất, chỉ còn trọng vọng hai loại tranh thủ: ngũ nghệ và kỵ mã. Ngũ nghệ là vật, chạy, nhảy, đĩa, thương, hay ở chỗ lực sĩ vừa phải mạnh và lanh, đáp đúng đòi hỏi cân đối của người xưa. Còn kỵ mã họ cho là môn thể thao cao thượng nhất. Ta thấy ngay không phải cũng có ngựa để cỡi. Có một lực sĩ vật rất giỏi nhưng lại chê vật là món thể thao thô thiển và mua ngựa nuôi tập cho đến Olympiade 416 thì đạt được luôn bốn giải. May mắn thay những người có tiền!

Khoa học thể thao

Rút cuộc, vận động chỉ dành cho hai loại lực sĩ: những lực

sĩ nhà nghề được nuôi nấng để tập được và những người giàu có đủ thì giờ và tiền nong là những điều kiện cốt yếu để thao luyện. Tuy nhiên trong cái dờ của cuộc tiến triển, một vài điểm hay cũng đáng được nêu ra.

Trước tiên là vấn đề các đô thị chu cấp các lực sĩ. Nhiều kẻ nghèo khổ, dù có sức mạnh mà một thân một mình cũng khó lòng đạt được kết quả. Thử là thể thao thành nghề đã lôi cuốn đến sân vận động một số lớn thanh niên, tất là dân chủ hóa được phần nào thể thao sau cùng cũng nên nhắc đến những thành tích đã đạt được, một đảng nhờ những luật lệ gắt gao trên sân vận động, một đảng nhờ những phương pháp tập được. Phải chăng đã có một bước đầu nổi liền khoa học và những phương pháp được soạn thảo ra. Hippocrate đã hằng theo dõi tình trạng sinh lý học các lực sĩ cùng những cấu kết của cuộc chế định sinh hoạt. Ngày nay, không có khoa học tham dự, không có những tiến triển kỹ thuật giúp sức thì không sao đạt được những thành tích tối cao, vượt được những kỷ lục ngày càng lớn. Vì vậy, định nghĩa lực sĩ tài tử cần phải được xét lại và pháp quy cũng chẳng nên quá khắc khe.

VÕ-QUANG-YẾN

MỌI NƠI TRONG MỌI GIA ĐÌNH



Nước ngọt CON COP mỗi chai
là nguồn vui mạnh kéo dài tuổi Xuân

Gần đến kỳ, Bần thần đã dợt hay là đang hành kinh mà đau bụng, uống **Lợi Công Hoàn « Ông Tiên »**. Hội tiệm thuốc Hoa-Việt Saigon 228 Lê-thánh-Tôn. Nhà thuốc « Ông-Tiên » Phú-Lâm Cholon.

K.N.BYT. số 1—9.5-63

Phòng ngứa Ghẻ chốc, lở loét, gãi tới đầu lan tới đó không phải thoa phết sơ sai ngoài da mà hết. Uống **Giải phong Sát-Độc-Hoàn « Ông Tiên »** 30 năm sáng lập Hội các tiệm thuốc Hoa-Việt.

Nhà thuốc **Ông Tiên** Phú-Lâm, Cholon
(K.N. BYT. số 3—9.5-63)

Nhà hàng Đại-La : Thiên

Điện-thoại số. 26.893

31=33 đường Lãng-Ông CHOLON

- Đặc biệt các món ăn Tiều
- ★ Sạch sẽ vệ sinh và ngon miệng
- Bếp khéo, bồi giải và lễ phép
- ★ Có máy điều hòa không khí

Ở lâu 3 lộ-thiên có không khí thiên-nhiên trong một khung cảnh huy hoàng diễm ảo

Bưu-phieu hay thư từ tiền bạc xin đề :

Ô. NGÔ-QUANG-PHƯỚC
TY QUẢN-LÝ TẠP-CHÍ PHỒ-THÔNG
231 Phạm-ngũ-Lão — Saigon

Giấy phép số 292 CDV/TT/NĐ ngày 9-10-1961

Quản-nhiệm : **NGUYỄN-VỸ**

THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN
231, Phạm - Ngũ - Lão - SAIGON
Đ. T. : 25.861

GIÁ : 30 đồng

Công sở : 40 đồng